Phạm Đình Hổ & Nguyễn Án

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

góc nhìn sử Việt

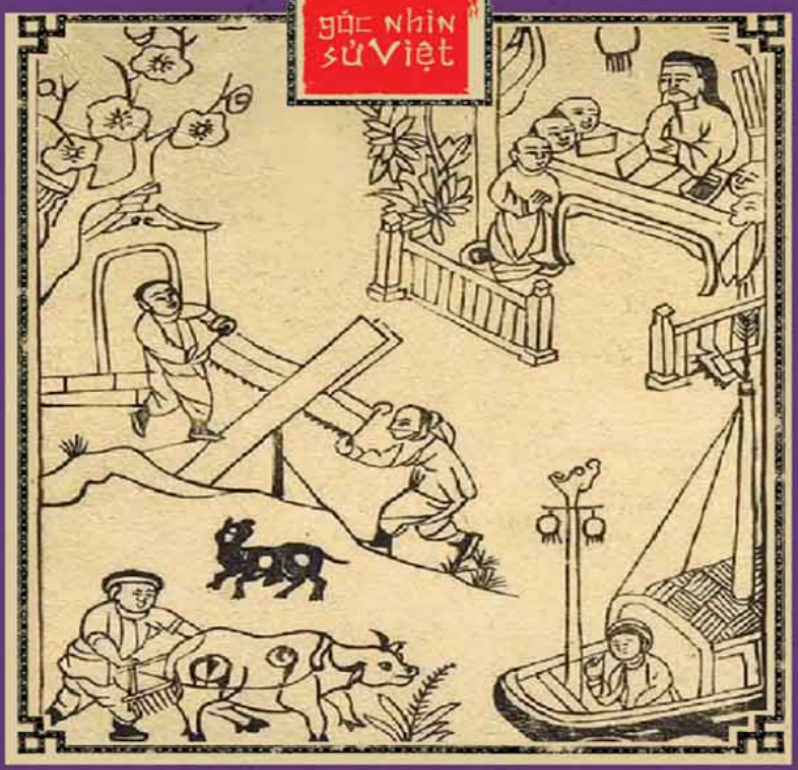

Những câu chuyện quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép. Tài liệu quý dùng để khảo cứu lịch sử, địa lý, điển lệ, phong tục vào cuối đời Lê.

alphabooks

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

Phạm Đình hổ - Nguyễn Án

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

Bản quyền bản dịch Tiếng Việt © Trúc Khê

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác

đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị… về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

QUY CÁCH BIÊN TẬP

Tủ sách "Góc nhìn sử Việt" ra đời, mục đích giới thiệu đến bạn đọc những tác phẩm hay, có giá trị, đồng thời góp phần bảo lưu gìn giữ những giá trị văn hóa của đất nước. Để thực hiện bộ sách này, chúng tôi tuân thủ một số quy cách sau:

1. Bảo toàn văn phong, nội dung nguyên gốc, từ ngữ mang đậm văn hóa vùng miền trong tác phẩm (trừ khẩu âm).
2. Biên tập đối chiếu trên bản gốc sưu tầm được và có ghi rõ tái bản trên bản năm nào.
3. Chú thích từ ngữ cổ, từ Hán Việt.
4. Tra cứu bổ sung thông tin: tiểu dẫn, tiểu sử, sự kiện, nhân vật, phụ lục (nếu cần thiết)...
5. Sửa lỗi chính tả trong bản gốc.
6. Giản lược gạch nối từ ghép, khôi phục từ Việt hóa tiếng nước ngoài khi có đủ tài liệu tra cứu tin cậy (trừ trường hợp từ ngữ đó đã dịch thành thuần Việt).
7. Trường hợp thông tin lịch sử trong sách có sai lệch so với chính sử, chúng tôi sẽ chú thích hoặc đăng phụ lục ở cuối sách.
8. Một số hình ảnh trong sách gốc bị mờ, chất lượng kém... chúng tôi sẽ đăng bổ sung - thay thế các hình ảnh có nội dung tương tự, chất lượng tốt (nếu có).

Mong đón nhận những ý kiến đóng góp của độc giả, hỗ trợ chúng tôi hoàn thiện tủ sách này.

Alpha Books

TIỂU DẪN

Bộ Tang thương ngẫu lục 桑滄偶錄 này do hai ông Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án cùng soạn về năm Gia Long, chép những chuyện lặt vặt trong triều, ngoài nội mà hai ông đã nghe hoặc thấy từ khoảng cuối Lê trở về trước.

Toàn bộ gồm có 90 chuyện, chia làm hai quyển, quyển trên 40 chuyện, quyển dưới 50 chuyện. Hai ông sinh hồi cuối Lê, cái khoảng đời đã xảy ra rất nhiều những việc bể dâu biến đổi, mà bộ sách này chép nhiều câu chuyện biến thiên của hồi ấy, cho nên tên sách đặt là Tang thương ngẫu lục, nghĩa là những câu chuyện ghi chép tình cờ trong cuộc bể dâu.

Ban đầu sách này chỉ có bản viết trong một thời gian gần trăm năm. Đến năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái thứ 8 (1896), ông Nghè Gia Xuyên Đỗ Văn Tân, Tổng đốc Hải Dương, quyên tiền khắc ván, từ đấy mới có bản in mà sự lưu hành mới được rộng hơn trước.

Vì nghĩ là một bộ sách xưa, có bổ trợ cho nền sử học, nên chúng tôi đem phiên dịch in ra.

Ngòi bút thô lậu của chúng tôi, không biết khỏi có những chỗ sai lầm chăng, còn chờ ở các bậc cao minh chỉ giáo.

Người dịch

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỔ

Ông Phạm Đình Hổ 范廷琥 (1768-18391), tự Tùng Niên 松年, hiệu Đông Dã Tiều 東野樵, người làng Đan Loan huyện Đường An2 trấn Hải Dương, con quan Tham tri chính sự Phạm Đình Dư 范廷璵. Vì là con vị đại thần, nên đương thời thường gọi là ông Chiêu Hổ.

Ông tư chất thông minh, học vấn rộng rãi. Tuổi trẻ thi đậu Sinh đồ, rồi vào học trường Quốc tử giám. Gặp khi quân Tây Sơn từ phương Nam kéo ra đất Bắc, nhà tan nước vỡ, từ đấy ông sống cái đời của một kẻ hàn nho. Bản triều đại định, trong đời Gia Long, ông có đi thi ba khoa hương, nhưng đều trượt cả. Nhân sĩ Bắc Hà, ai cũng biết tiếng ông là người hay chữ. Vì thế thấy ông thi trượt, có người bảo ông bị quan trường ghét mà đánh hỏng, bởi cớ ông nói năng không chịu giữ gìn. Hồi ấy ông có nhà ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn dạy học trò, và vui với văn chương học vấn, có soạn ra được nhiều sách vở, trở nên một nhà đại trước tác. Cũng trong hồi này ông kết bạn thơ rất thân mật với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, thường cùng nhau vịnh ngâm xướng họa, có những bài quốc âm bén giọng chớt nhả.

Niên hiệu Minh Mệnh năm đầu (1820), có chỉ triệu bọn các ông Phạm Đình Hổ, Phan Huy Chú vào kinh đợi mệnh cất dùng, nhưng ông đương ốm không đi được. Mùa đông năm sau, ngự giá ra Bắc, vời ông vào chầu ở điện Cần Chánh trong thành Thăng Long, hỏi về học vấn thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc, lại khuyên hễ có những sách vở về điển cố tiền triều, cùng là sách trước thuật ra được đều nên đem tiến trình. Bấy giờ ông cũng đương ốm yếu lệt bệt, vua truyền cấp cho mỗi tháng 2 phương gạo lương và 2 quan tiền. Ông lạy tạ trở về rồi có dâng lên bốn bộ sách chép tay là những bộ này: Lê triều hải điển (2 quyển); Bang giao điển lệ (1 quyển); Sứ quán bạn tiếp thư trát tập (1 quyển); Bạn tiếp thù phụng thi tập (1 quyển).

Sau khi ông mạnh, được triệu vào kinh. Ban đầu lĩnh chức Hành tẩu trong viện Hàn lâm, sau thăng lên Biên tu, rồi lại thăng Thừa chỉ. Cuối cùng, được thăng đến chức Tế tửu ở trường Quốc tử giám. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), vì già yếu xin về trí sĩ.

Những sách ông trước soạn ra được, ngoài bộ Tang thương ngẫu lục này soạn chung với ông Nguyễn Án thì còn có những bộ như: Vũ trung tùy bút lục, Hy kinh trắc lãi, Càn khôn nhất lãm v.v...

Ông thọ đến ngoài 70 tuổi mới mất.

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

Ông Nguyễn Án 阮案 (1770-1815), tự Kính Phủ 敬甫, hiệu Ngu Hồ 愚湖, người làng Du Lâm, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh), cháu đích tôn của ông tiến sĩ Nguyễn Bá (sau đổi là Nguyễn Thưởng). Sinh gặp hồi cuối Lê loạn lạc, ông chỉ lấy thơ văn sách vở làm vui. Có làm nhà ở tại trên bờ hồ Gươm, tự hiệu là Kiếm Hồ ngư ẩn. Vì là bạn chơi thân của ông Chiêu Hổ, nên hai ông cùng nhau soạn chung ra bộ sách này. Bản triều thống nhất, niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), mở khoa thi hương đầu tiên ở xứ Bắc, ông Án đi thi đỗ Cống sinh. Năm Gia Long thứ 7 (1808), ông được bổ Tri huyện Tiên Minh (Hải Dương). Làm quan được 7 năm thì mất, thọ 46 tuổi. Văn chương trước thuật, trừ bộ sách Tang thương ngẫu lục soạn với ông Chiêu Hổ, ông còn có tập thơ Phong lâm minh lãi 風林鳴籟詩集 nữa.

TỰA

Trời đất là một hóa cảnh, mở, đóng riêng chia, người vật là một sinh cơ, xưa, nay có khác. Duy lẽ đạo của ta như một bầu nguyên khí bàng bạc, mà thường ký ngụ ở trong khoảng chữ nghĩa văn chương. Ôi, gọi là tang thương, vì sao mà có tập sách này? Ốc hến trên núi, đó là tang thương của vận giời; gươm cổ trong ruộng, đó là tang thương của việc người; kinh xưa không thể lại thấy, chỉ thấy những sách chưa đốt của người Tần3, sử đúng không thể lại được, chỉ được bản thảo đã thành của Ban, Mã4, đó là tang thương của sách vở. Song có người đem xướng minh ra, thì lại có sự không tang thương ở trong.

Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc đến nay, chính thống thì như Đinh, Lý, Trần, Lê, tiếm ngụy thì như Mạc, Hồ, Nhạc, Huệ, lại nào sứ quân rạch đất, đô hộ cầm quyền, những cuộc tang thương, há chẳng đã rất nhiều rồi sao! Than ôi, đạo ta vốn không có thời kỳ tang thương, nhưng người ta tất có cái cảm khái tang thương, ấy tập sách tang thương này sở dĩ có là vì thế đó.

Tùng Niên là quan Quốc tử Tế tửu, hiệu Đông Dã Tiều, do chân trưng triệu mà ra, ông họ Phạm đó; Kính Phủ là quan huyện doãn Tiên Minh, hiệu Ngu Hồ, ông họ Nguyễn đó. Hai ông sinh về cuối đời Lê, gặp những cuộc biến bể dâu, nhưng bể học của các ông vẫn giữ được nguyên trong lặng. Cho nên phát hiện ra văn, Tùng Niên viết bài ký núi Phật Tích, Kính Phủ viết bài ký núi Tiên Tích, trong lời ký như có nét vẽ, có thể cùng với bài ký nguồn Đào hoa của Uyên Minh đời Tấn cùng truyền. Lại còn như kể chuyện ba vị vua hiền đời Lê như Thánh Tông, Thần Tông, Hiển Tông mà tường cả đến việc cũ ở trong phủ chúa; kể chuyện các vị danh thần đời Trần như Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, mà đến cả thói ngang ngạnh của Quận mã Đặng Lân. Chép chuyện đền miếu ở thôn ấp, thì đến cả việc Thuần Dương tổ sư nhận lầm là Liễu Hạnh công chúa, tượng cổ ở ngôi chùa đồng, bia đá ở núi Thành

Nam, thần thiêng ở quán Trấn Võ, thánh giang ở đền Linh Lăng. Chép chuyện mả tổ nhà người thì đến cả mả mẹ Đào Khản, lại đem mả người thiếp của Phục Ba ra để đối chứng, thầy địa ở Tả Ao, mả phát ở Vân Điềm, tiết phụ nhà họ Đàm, võ thần làng Quế Ổ. Tuy bậc danh công của lịch đại, hay người tài nữ của một thời, đều vào trong ngọn bút phẩm bình. Chân nhân đi theo tiên, cùng là nông phu trông thấy quỷ, cũng không hiềm là quái đản. Thậm đến cột gỗ biện gian, Thái Tây truyền đạo, cùng những việc lạ ăn người, hóa hổ, cũng đều ghi chép. Từ Lý, Trần, Lê, Trịnh đến nay, trên dưới mấy trăm năm, có những điều quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép, hai ông đều thu cả vào trong cõi mắt tang thương. Nếu hai ông hết thảy đều cho là việc tang thương mà quên đi, thì những chuyện ấy phỏng được mấy lâu mà mai một đi mất. May mà lấy ngòi bút tang thương biên chép, nên nó còn là cánh bè chở bến mê, ngọn đèn soi nhà tối, đặt tên là Tang thương ngẫu lục, ý nghĩa có thể nhận biết được vậy.

Nay ông Gia Xuyên đã gặp thời mà để ý vào việc kiếm sách, bác Hải Nông chưa gặp thời mà dùng công vào việc khắc ván, cùng với tôi đều người trong cuộc tang thương mà ý thú tình cờ gặp nhau. Vì thế nên tôi quen mình bỉ lậu, viết mấy lời lên đầu giấy, mong rằng không vì tang thương mà phải bỏ đi thì may lắm.

Hoàng triều năm Bính Thân[5] tháng tiểu xuân ngày thượng cán[6]

Chủ nhân đình Tam An

Phùng Dực Bằng Sô

Cẩn tựa

II

Việc không gì lớn bằng giữ gìn cái cũ, học không gì cần bằng bỏ trống chỗ ngờ, đó thật là lời nói biết lẽ.

Nước Nam ta trải trăm nghìn năm, vẫn là một nước văn hiến cũ, nhà làm sử đời nào cũng có. Song từ Lê về trước phần nhiều giản lược, khiến cho người khảo cổ thường phải băn khoăn, vậy thì những dã sử ngoại truyện, sao nên để cho mai một.

Mậu này từ thủa nhỏ hầu học gia nghiêm[7], thường được người đem những chuyện các bậc danh hiền đời trước của nước nhà mà kể cho nghe, như ông Hương cống họ Nguyễn ở làng Cổ Đô mải miết học tập[8], ông Thám hoa họ Giang ở làng Mông Phụ đi sứ vẻ vang[9], ông Trạng nguyên họ Vũ ở làng Trình Xá gieo ấn xuống bể

mà chết theo nạn nước10, và còn nhiều chuyện khác nữa. Đó cũng là đem những chuyện thật ở ngoài chính sử mà kể, trẻ dại biết gì, bấy giờ tôi chỉ biết vâng dạ mà thôi. Rồi sau đó đi làm quan xa, tôi từng được trông thấy tập Tang thương ngẫu lục ở nhà người bạn. Xem tên người viết thì là Tùng Niên và Kính Phủ, cũng chưa biết rõ là ai. Nhưng những chuyện biên chép trong đó, có nhiều chuyện đúng như tôi đã được nghe, vậy không còn ngờ gì đó là một tập chép những sự thực. Năm nay tôi ở nhà báo Đồng Văn, đã đem chuyện ông Hương cống Cổ Đô vào báo. Chợt người bạn cũ là bác Lê Hải Nông đem tập này đến mà bảo: "Đây là sách của bậc danh hiền làng tôi soạn ra, nay ông bạn đỗ đồng khoa của bác là quan Tổng đốc Hải Dương Đỗ Gia Xuyên quyên tiền lương bổng để khắc ván, vậy bác làm cho một bài tựa". Hỏi ra thì Tùng Niên là quan Tế tửu Phạm Đình Hổ người làng Đan Loan, Kính Phủ là ông Hương cống Nguyễn Án đỗ khoa thi hương thứ nhất của Quốc triều, người làng Du Lâm. Hai ông sinh về thời Cảnh Hưng nhà Lê, đến khi hoàng triều dấy lên mới ứng mệnh mà ra làm quan. Trong khoảng đó Tây (Tây Sơn), Bắc (Tàu) tranh giành non sông biến đổi, trắng xanh nhấp nhoáng, chớp mắt muôn màu, những việc tang thương, nói làm sao xiết. Bộ sách này vốn không phải là đúng với bộ mặt thật, những chữ lầm lạc, không khỏi chen lẫn ít nhiều, vậy cứ để khuyết nghi là phải. Tựu trung ghi chép những việc tai nghe mắt thấy, đủ để bổ khuyết cho cái chỗ sử không chép đến. Có những câu chuyện quái đản, đại khái là rút ra từ nét bút của chức Tả sử11 và để ngụ cái ý thâm vi. Ban đầu chép các vua Thần Tông, Hiển Tông, sau cùng thì lấy giấc mộng của Thánh Tông, Thuần Tông để kết. Chuyện thuộc về bên nhà Phật, đáng nhẽ người quân tử không nói, hai ông cũng đã rằng vậy. Vậy mà trong sách lại thường nói đến luôn, và chép một cách thẳng thắn, không tỏ ra nghi ngờ gì cả, chính là có ký thác một cái ý ở trong đó vậy. Chao ôi, đó há chẳng là ý "đối với cái thời các bậc anh hiền đời Tam Đại, ta chưa kịp thấy nhưng mà vẫn để lòng mong ước"12 đấy ư? Thời nay phong khí mở mang, mỗi ngày mỗi lạ. Bên ngoài bể cả, bậc đá phẳng như đá mài, đường sắt giăng như bàn cờ, rực rỡ lầu pha lê, tưng bừng đèn điện khí, đó là nương dâu đó chăng? Lại như cắp cánh máy bay lên trên không, cưỡi khí cầu đi tìm Bắc cực. Sau đây mấy chục năm nữa, những dấu vết của thời kỳ cũ kỹ, há chẳng theo cùng một giấc mộng mà biến mất không còn tý gì. Song trạm khắc đã chán thì lại nhớ đồ mộc, góc giác đã vỡ thì lại nhớ hình tròn, đó là cái tình rất thường mà cái lý tất đến như thế. Lấy cái ý khuyết nghi tồn cổ mà suy, không nên cẩu thả làm cho văn xuôi chữ thuận, hẵng để dành lại cho những người học kỹ nghĩ sâu sau này, như nhời ở bài tựa quyển Chiến Quốc sách đã nói, Mậu đối với quyển sách này, cũng nghĩ như vậy.

Niên hiệu Thành Thái năm Bính Thân sau tiết Đông chí.

Phó bảng khoa Canh Thìn, trông coi công việc tòa báo Đồng Văn.

Giá Sơn Kiều Oánh Mậu

Cẩn tựa

PHẦN I.
TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Vua Kính Tông hồi tiên triều (triều Lê), ở ngôi lâu năm, mà chưa sinh hoàng nam để lập làm Thái tử, thường cầu khấn trời đất quỷ thần mãi. Rồi hoàng hậu Trịnh thị có mang, đến ngày lên giường cữ, mãi chưa sinh được, lòng vua lo lắng. Chợt vua chiêm bao thấy có người bảo: "Hoàng tử còn ở chợ Báo Thiên14, hậu cung sinh mau sao được!". Tỉnh dậy, vua sai nội giám thử ra chợ ấy dò xem. Bấy giờ vừa tang tảng sáng, chợ vắng tanh chưa có ai. Nội giám chỉ thấy dưới gầm phản hàng thịt, có lão ăn mày tóc bạc phơ, tuổi chừng 81, 82, đương nằm ở mặt đất mà rên hừ hừ, ngắc ngoải chờ chết. Nội giám vội chạy về tâu. Vua lại sai ra thăm hỏi xem. Sáng ra thì lão ăn mày chết mà giữa lúc ấy, trong cung hoàng hậu đã sinh ra hoàng tử. Hoàng tử nhớn lên nối ngôi, tức là Thần Tông. Khi ở ngôi, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Dương. Hằng năm đến ngày, nhà chức trách dựng hành tại15 ở chợ Báo Thiên; bộ Lễ sắm xe giá tàn quạt, đến nơi hành tại, rước hai cây thiên tuế, vạn tuế làm bằng trúc về cung; quan ở tòa Kinh Diên rước hai cây ấy đi quanh giường ngự ba vòng, chúc Hoàng đế sống lâu muôn tuổi. Lễ cử hành xong, vua ngự ở điện Vạn Thọ, chịu lễ chầu mừng, ban yến ở sân điện. Các triều vua sau cũng theo như thế, gọi là lễ Khánh Thọ bảo thần. Vua sinh được bốn con là Chân Tông, Huyền Tông, Gia Tông, Hy Tông đều lên ngôi thiên tử, phúc thọ vào bậc nhất ở đời trung hưng.

Khoảng năm Vĩnh Hựu (1735-1740), vua Ý Tông thường chế hạc gỗ và lực sĩ Chiêm Thành (người phỗng) dâng cúng ở trước tượng thờ vua Lý Thần Tông tại chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích16, vì tương truyền hậu thân vua Lý Thần Tông tức là vua Thần Tông triều Lê.

Xét cái thuyết tiền thân, hậu thân là xuất tự kinh điển nhà Phật, người quân tử17 chẳng hề nói đến. Nếu quả có chuyện ấy thật thì tiền thân vua Lý Thần Tông là thầy tu Từ Đạo Hạnh, hậu thân là

lão già ở chợ Báo Thiên, lại hậu thân là vua Thần Tông triều Lê; một ông sư, một lão ăn mày, tái sinh vào nhà đế vương, khiến người không thể hiểu nổi.

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Năm Cảnh Hưng Ất Tỵ (1785), gặp kỳ lễ thọ thất tuần của Hiển Tông hoàng đế, đình thần là ông Bùi Huy Bích, ông Hồ Sĩ Đống ở trong chính phủ, bàn dâng tôn hiệu là Uyên Ý Khâm Cung Nhân Từ Đức Thọ Hoàng Đế và làm lễ trong ngày tiết Thánh Thọ. Bấy giờ việc chầu trong triều đường bỏ bễ từ lâu; nền điện cũ ở Nùng Sơn bỏ làm điện Kính Thiên, thờ Hiệu thiên Thượng đế (giời), Hậu thổ Địa kỳ (đất), và phụ phối đức Thái Tổ hoàng đế. Những ngày mồng một và rằm, vua ra coi chầu ở điện Cần Chính. Viện Đãi Lậu ở hai bên điện ấy nối nhau sụp đổ, cỏ mọc lên thềm và ngập đến đầu gối, phân ngựa vấy ra bừa bãi. Đến bấy giờ, sai viên Đề lĩnh đốc suất bọn vệ sĩ sửa dọn thềm son, chữa viện Đãi Lậu. Trước một ngày, quan Phủ doãn Phụng Thiên18 là Hoàng Vĩnh Trân đem những thuộc quan mặc đồ triều phục, đến túc trực ở nhà giám Tư lễ, coi giữ biểu mừng. Đến ngày, hoàng thượng ngự lên bảo tọa, hai ban văn võ dàn theo thứ tự.

Ông Hoàng tử Đại tư đồ Sùng Nhượng công đứng đầu võ ban, ông Hồ Sĩ Đống đứng thứ hai; Quốc lão quận công Nguyễn Công Hãng19 đứng đầu văn ban, ông Bùi Huy Bích đứng thứ hai. Tòa Hồng lô róng rả các viên Tự ban trong sở Hạp môn, chia ra nội tán ngoại tán để xướng lễ.

Ông Phan Huy Ích quỳ ở phía hữu ngự điện, tuyên đọc tờ biểu, tiếng vang ra tận cửa Đoan Môn. Lễ thành, viên thái giám mặc áo bào hồng, thắt đai văn tê, từ phía hữu ngự tọa xuống thềm tuyên chỉ, ban yến ở viện Đãi Lậu. Những ông già bà cả ở kinh đô đều nói:

- Từ niên hiệu Chính Hòa20 đến nay, trải 80 năm, không được trông thấy lễ này.

Tờ biểu (có chép trong sách Hoàng Việt văn tuyển) mở đầu có hai vế:

黼座天開，龜籌薦壽康之福

Phủ tọa thiên khai, quy trù tiến thọ khang chi phúc,

彤庭日麗，虎拜揚保定之休

Đồng đình nhật lệ, hổ bái dương bảo định chi hưu.

(Ngai thêu trời mở, thẻ rùa dâng phúc thọ khang. Sân son nắng chiếu, gối hổ chúc lành bảo định).

Giữa có hai vế:

千春歷始登四紀

Thiên xuân lịch thủy đăng tứ kỷ,

萬年籌初逮七旬

Vạn niên trù sơ đại thất tuần.

(Lịch nghìn xuân mới lên bốn kỷ21;

Thẻ muôn năm vừa tới bảy tuần).

Còn nữa không chép ra đây hết.

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

Kính Phủ

Sau khi vạc đổi[22], có tên Đang làm mướn cho tôi. Vốn là chân nội thị đời chúa Tĩnh Vương[23], kể lại những chuyện cũ ở trong cung phủ rất tường. Mỗi năm đến Tết trung thu, từ trước mấy tháng, chúa phát gấm trong cung ra để làm hàng trăm hàng nghìn cái đèn lồng, cái nào cũng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lạng vàng. Đến ngày, chúa ngự giá ra chơi Bắc cung. Cung có ao gọi là Long Trì, rộng nửa dặm, trong ao trồng rất nhiều hoa sen, hoa súng. Ven ao đắp đất, chồng đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt có hình có thế. Có những chỗ khuỷu để cho nhạc công ngồi đàn sáo. Bờ ao trồng hàng mấy trăm cây phù dung, treo đèn ở trên. Sóng trăng dập dờn, trông xa tựa hồ hàng vạn ngôi sao sáng. Nội thị từ tam phẩm trở lên, chít khăn mặc áo như đàn bà, bày hàng ở rìa đường, bán những tạp hóa cùng các đồ hoa quả, chả, rượu, thức gì cũng có, chồng chất như núi. Cung nhân qua lại mua bán, vừa mua vừa cướp, không cần hỏi giá cả bao nhiêu; đua nhau đem những câu hát quê ra đối chọi với nhau, tiếng cười đùa vang cả trong ngoài. Nửa đêm chúa ngự kiệu đến ao, xuống thuyền. Quan hầu và các phi thiếp gõ ván hò reo, đi lại vùn vụt và lênh đênh trên sông. Chợt lúc lại đánh đàn, lại thổi sáo, lại ca hát, tiếng vang lanh lảnh, khiến người tưởng như lên chơi cung Quảng hàn[24] mà nghe khúc nhạc Quân thiên[25]. Chúa nhìn ngắm lấy làm vui sướng, đến mãi gà gáy mới về.

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

Quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì là quan tể tướng có tiếng đời Trung hưng, giữ mình ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý của vua chúa. Trong phủ chúa có một cái kiệu, kiểu cách và sơn vẽ rất lộng lẫy. Một hôm, ông đứng cạnh, chợt ngã vật vào trong kiệu, cấm khẩu, không nói được câu gì. Chúa sai khiêng đưa về phủ. Sáng hôm sau, ông vào khải[26] rằng:

- Thần hôm qua ngộ cảm, đội ơn chúa thượng bao dung. Cái kiệu ấy, thần đã trót ốm nằm lên rồi, không tiện lại tiến phụng nữa. Xin sẽ sắm cái khác đẹp đẽ hơn, dâng nộp.

Chúa hiểu ý, không trách hỏi nữa.

Một lần, ông vào xin phép chúa để về Yên Lãng[27]. Bấy giờ chúa yêu một bà phi người làng Mông Phụ, bà phi ấy được yêu chiều quý báu nên uy thế cũng khá to. Ông vẫn thường nói xa để khuyên ngăn chúa. Nay nhân dịp ông cáo về vắng, chúa ngự thuyền rồng lên kinh lý Sơn Tây, tiện đường rẽ vào thăm làng nhà bà phi. Thuyền chúa qua hạt Yên Lãng. Ông chờ rồi phục lạy ở bến sông, nói bốn phương không có giặc giã, sao lại vì một người đàn bà mà làm nhọc đến sáu quân, như vậy quốc thể còn ra sao nữa. Kíp truyền cho quân sĩ không được bơi thuyền tiến lên, hễ ai trái, sẽ lấy quân pháp trị tội. Chúa vì thế phải hồi loan.

Trong phủ[28] của ông có một nếp nhà gọi là nhà Tư chính[29], đó là nơi để khi lui chầu, ông về nghỉ ngơi. Trong nhà ấy chỉ có hai gã tiểu đồng hầu hạ; bà vợ và hầu thiếp, không ai được bén mảng tới, và cũng không dám đem việc riêng kêu xin gì cả. Một lần, có một cái án lớn, tội nhân đáng phải tử hình. Người nhà đem tiền của chạy chọt hết các cửa quyền quý, nhưng ai cũng bó tay, không thể cứu nổi. Người vợ tội nhân đón hai tiểu đồng mà khóc lạy, nhờ đưa hai nghìn lạng bạc lễ ông để ông gỡ tội cho. Tiểu đồng xua tay nói:

- Tướng công đây không phải là người đem vàng bạc làm động lòng được. Nhưng tôi không nỡ trông thấy chị đau đớn, vậy để hẳng thử xem.

Tiểu đồng đem bạc vào nhà Tư chính, để trên cạnh giường ông nằm. Đêm khuya, ông chợt từ trong chính phủ về, trèo lên giường nằm, đụng phải; bạc rơi loảng xoảng xuống đất. Giật mình hỏi tiểu đồng sao lại có những vật này. Tiểu đồng quỳ xuống xin chịu tội chết và nói duyên cớ. Ông im lặng lúc lâu rồi nói:

- Thôi cho đứng dậy, ta không bắt tội mày. Tử hình là một cái án lớn. Vì mối lợi hai nghìn lạng, mày là một đứa bé con dám đem cái chết để đương lấy. Hoặc giả bởi ý giời chăng? Thế mụ ấy cho mày bao nhiêu?

- Bẩm sáu trăm lạng.

- Thôi, số bạc này cho mày, ta không dùng gì đến.

Liền ngay lúc ấy, ông đi xe đến gõ cửa cung. Chúa giật mình trở dậy, cho vời vào, hỏi chuyện, tưởng là có việc gì lớn lao về quân quốc. Ông nói hôm qua xét án, đã xử tội nhân phải chết, nhưng đêm về chiêm bao, thấy có người nói oan ức, không biết kêu đâu, vậy xin nhờ chúa xét lại! Chúa cười:

- Tiên sinh chịu khó quá, để đến sáng mai vào hầu sẽ nói có được không?

- Nhưng thần sợ để chậm, chốc lát rồi bị ý riêng nó làm thay đổi đi.

Chúa ân cần yên ủy mà tên tù rồi được khỏi chết.

HỒ GƯƠM

Đời Lê, năm Cảnh Hưng Bính Ngọ (1786) mùa hạ, tại hồ Hoàn Kiếm, đương nửa đêm bỗng có vật gì mọc lên ở hòn đảo, sáng rực bốn bề, bay sang đến bờ nam thì tắt. Sóng hồ cuộn lên. Sáng hôm sau, tôm cá nổi lên mặt hồ không biết bao nhiêu mà kể. Có người nói ở nhà Trung Hòa trong phủ chúa, cũng có vật gì mọc lên từ nóc nhà, sáng rực rồi tắt, cũng giống như ở hồ Hoàn Kiếm. Chưa bao lâu xảy ra việc quốc biến30.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

Ông Nguyễn Văn Giai ở Thiên Lộc[31] hồi chưởng quản Lục bộ, các bậc thần quý của vua chúa đều phải nín hơi, không dám xúc phạm. Một vị quận mã[32] trong phủ chúa đi đánh trận thua chạy, ông bắt bỏ ngục, rồi xử vào tội tử. Chúa muốn tha nhưng rất khó nói. Nhân cầu đến dụ chỉ nhà vua, cũng vẫn không lay được chí định của ông. Bấy giờ ông có nhiều vợ, có đến năm sáu bà, địa vị hầu như là bà Chính phu nhân, mà có bà Ba được ông yêu dấu lắm. Bà quận chúa đem châu ngọc, nhờ bà phó mẫu[33] dẫn đến thăm bà ba và kể việc quận mã. Bà Ba từ chối mà rằng:

- Tướng công tôi là người thanh liêm, thẳng thắn. Việc lớn của triều đình, tôi đâu dám dự.

Quận chúa cố nói thiết thảm, bà Ba bèn bảo:

- Nếu vậy sáng mai, quận chúa cho đem một con lợn nhỏ luộc chín, một mâm xôi thổi nếp cái, và kèm cả tương giấm, dao thớt nữa, lựa lúc tướng công tôi đi vắng, đưa vào.

Quận chúa mừng rỡ cảm ơn.

Sáng hôm sau, sắp sửa vào triều, ông bảo dọn cơm sáng để ăn. Bà Ba nói:

- Trong triều bây giờ các quan đến đầy rồi. Tướng công hãy vào rồi về sẽ xơi cơm thì hơn.

Ông lên kiệu đi. Lúc ở trong triều về thì bụng đói ngấu, thấy cái lồng bàn đậy, mở ra, sẵn dao và thớt, thái luôn ngay thịt lợn ăn lẫn với xôi. Chỉ có một lúc hết cả. Ăn xong, ông chợt hỏi:

- À, những thứ ấy ở đâu mà có thế nhỉ?

Bà Ba kể duyên do. Ông rất tức bực, lúc lâu mới nói:

- Ta lầm lỗi rồi! Ta lầm lỗi rồi! Nhưng vì một bữa ăn no mà làm sống một mạng người, chẳng cũng bởi giời hay sao!

Liền lên xe vào phủ, xin tha cho người có tội. Chúa mừng rỡ mà nghe theo ngay.

Một hôm, ông vào triều đi qua chợ Cửa Đông, thấy con cá mè lớn, bề ngang đẫy thước. Ông dừng lại hỏi và khen ngợi. Rồi ông về nhà, thấy rất nhiều người đem biếu cá, toàn là những khúc cá mè cả. Ông đùa, bảo thử chắp lại xem, thấy chỉ thiếu đuôi, còn thì đều đủ thân hình con cá. Ông than rằng:

- Có lẽ con cháu ta sau này không được thịnh vượng chăng[34]?

Sau khi ông mất, quả đúng như lời ấy.

...[35]

Sau đấy, Quốc lão Phạm Công Trứ cầm quyền quốc chính. Có một viên tù trưởng thượng du phạm tội chết. Chị vợ luồn lọt với người bếp nhà ông. Người bếp xui đem biếu chim sẻ vàng, vì đó là món ông rất thích. Đem chim sẻ đến, người bếp nướng chả dâng lên. Ông ăn xong rồi hỏi. Người bếp đưa số vàng lễ ra và phục xuống xin chịu tội. Ông thò tay vào cổ họng móc để thổ ra rồi nói:

- Thôi, mày đem số vàng ấy đi, tao tha cho không quở trách nữa.

Khi án đem ra xử, ông nói với chúa Trịnh tha cho người tù trưởng ấy. Chúa cũng nghe theo.

Việc này với việc trên kia thật giống nhau.

Ôi! Hai ông đều là những quan Tể tướng có tiếng đời Trung hưng; một người thì vì thịt lợn, một người thì vì chả chim, vậy những sự ưa thích, há chẳng rất nên cẩn thận!

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

Tùng Niên

Năm Kỷ Dậu (1789), binh lửa vừa yên, bệnh dịch nổi lên rất dữ. Người ta thường ban ngày trông thấy ma quỷ, tiếng kêu rên cùng tiếng khóc chen lẫn với nhau. Bạn tôi, bác Ninh Quý Hoằng, người ở Khôi Tri[36] thuật cho tôi nghe câu chuyện rằng:

"Một bác nông phu, người làng Như Kinh, đi ra ngoài đồng kiếm củi, gặp một đám đại quân tiến đến, bèn đặt gánh củi xuống, đứng tránh bên đường. Người lính đi đầu, đầu quấn khăn đỏ[37], tay cầm gươm, chính là người quen cũ của bác nông phu. Người ấy thấy bác, rất vui mừng, trật khăn ở trên đầu mình, đội cho bác rồi rủ vào hàng cơm, uống rượu chả nướng. Chẳng thấy chủ hàng hỏi gì cả. Bấy giờ đương hồi đói khát, bác nông phu được bữa thết, ăn uống thật no say. Chẳng mấy chốc, đạo trung quân đến; xe ngựa kéo qua đông nghìn nghịt và rất mau gấp. Người lính vội đứng lên giật lấy cái khăn rồi đi ra. Bác nông phu ngồi đấy làm cho chủ hàng và khách ăn đều phải giật mình. Họ bắt giữ lấy vì cho là ma quỷ[38]. Nông phu kể việc mình đã thấy, đưa chủ hàng đến chỗ mình đặt gánh củi bên đường thì hai bó củi vẫn còn nguyên. Chủ hàng bèn tha cho đi".

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

Ông Ninh lại nói chuyện:

“Năm ấy, ở một làng nhỏ trong huyện An Mô, có người nông phu rất nghèo khổ, phải đi ăn xin, đêm cùng với một người đồng bạn ngủ ở cái quán trống không, bên cạnh đường cái quan. Đêm khuya, bụng đói nóng sôi, nằm trằn trọc không sao ngủ được. Bấy giờ trăng sáng lờ mờ, xa trông thấy quân mã kéo đi đông nghịt.

Hai người cũng trông nhau sợ hãi, chui xuống gầm chõng nằm, khẽ nhìn ngó ra, nín hơi không dám thở mạnh. Ước độ nửa trống canh, thấy chiêng trống cờ quạt đi xúm chung quanh một cái kiệu bát cống đến, dừng lại ở trước quán.

Trống chiêng tạm ngừng, thấy truyền gọi xã lệnh làng ấy ra hỏi, tiếng vang vang như là tiếng sấm. Không mấy chốc, thấy có một người đội mũ phốc đầu39, mặc áo thụng, đến quỳ ở trước kiệu nói rằng:

- Tôi là xã lệnh ở làng mỗ xin ra bái yết.

Bác nông phu nhìn ra, thấy giống như tạc pho tượng ở đình làng. Rồi trong kiệu truyền hỏi sổ lính đã làm xong chưa. Xã lệnh dập đầu nói:

- Chúng tôi đây làng nhỏ dân nghèo. Nay sau cơn binh lửa, họ đi trôi dạt chưa về, không lấy ai để bắt nộp được.

Trong kiệu quát lớn:

- Ta phụng lệnh điểm binh. Lệnh ra đã lâu mà nhà ngươi cố ý nói quanh, không nộp cho đủ. Vậy phải lấy quân pháp thi hành mới được.

Bên cạnh kiệu có mấy viên mặc đồ triều phục quỳ xuống kêu xin:

- Vị thần này sáng suốt thẳng thắn, vẫn được Đế đình ban khen, vậy xin ngài hãy rộng tha cho.

Nhân thúc viên xã lệnh đưa sổ lính ra nộp. Xã lệnh bất đắc dĩ khai hai tên đinh ở trong làng, mà một tên chính là bác nông phu này.

Cả hai đều là người nghèo kiết, không bấu víu vào đâu mà sống. Trong kiệu truyền ra cho quan hầu nhận sổ rồi lại rầm rộ kéo đi. Gà trong xóm lúc ấy đã bắt đầu gáy sáng.

Bác nông phu sợ toát mồ hôi, cùng người đồng bạn lật đật ra về. Nhưng cũng lấy sự được thoát khỏi bể khổ làm mừng, nói với người làng cho một bữa ăn uống no say để chết. Người làng cũng ưng cho. Sau đó không bao lâu thì hắn ốm chết, mà một người nữa bị biên tên vào sổ cũng vậy".

MA ĐỒNG XUÂN

Kính Phủ

Ông Trần Văn Vỹ, người làng Từ Ô, khi đi thi hội, trọ ở phường Đồng Xuân, nhà cũ của viên nội thần là quận Báu, tức là ngụ sở của ông ngoại tôi là quan Thiêm hiến, hiệu Thanh Khê.

Trên gác nhà ấy có lắm yêu quái, hoặc hiện thành một vật to như cái đấu, đỏ chói và sáng rực bốn bề, một nhoáng thì tắt; hoặc kêu reo ở trên xà nhà, soi đèn thì chẳng thấy gì cả. Ông Trần không tin, kê giường lên nằm trên ấy, nói ma quái muốn trêu thì cứ trêu mình. Ngày đêm đọc sách mải miết. Một hôm mỏi mệt nằm ngủ, ông thấy có một người con gái trẻ đẹp, đến gõ vào giường mà nói:

- Nhà Lê sắp mất, ông cũng không đỗ, đừng đọc sách để nạt tôi nữa.

Rồi ngâm một câu thơ:

沙場隱隱見漁村

Sa tràng ẩn ẩn kiến ngư thôn.

Nghĩa là: Chốn sa tràng thấp thoáng thấy xóm phường chài.

Trần tỉnh dậy hãy còn ghi nhớ, bèn phải triệt giường không dám nằm đấy nữa.

Năm ấy, Trần đi thi không đỗ. Chưa bao lâu, xảy việc quốc biến.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HÃNG

Thượng thư Nguyễn Công Hãng là quan Tể tướng có danh đời chúa An Vương (Trịnh Cương)40. Năm 21 tuổi, đỗ tiến sĩ, làm Đốc trấn An Bang (Quảng Yên). Đất trấn ấy, lưng dựa vào núi, mặt trông ra bể. Vua Hồng Thuận (Tương Dực) xưa có thơ ngự chế, khắc vào đá, trong có câu:

巨浸汪洋朝百川

Cự tẩm nông dương triều bách xuyên

Nghĩa là: Bể lớn mênh mông trăm sông chầu về. Ông chép bài thơ ấy cho các bạn đỗ đồng niên, chép lầm chữ "巨 cự" ra chữ "匝 táp" nên có người thường chế giễu. Ông từ chức về kinh, học những điển cố, luật lệnh, sổ sách của triều đình, ba năm thuộc hết, bèn nói:

- Được rồi!

Bèn lại xin lĩnh chức. Ông đứng ở trong triều, gặp việc gì, cũng bạo can ngăn, lời nói thường tha thiết, thẳng thắn, làm cho chúa phải tan cơn giận. Khi đi sứ, làm bài khải tạ, có câu: "Xoa vuốt vây rồng, từng thấy tạnh quang cơn sấm sét", chính là lời nói đúng sự thực.

Năm thứ 57 niên hiệu Khang Hy (1719) đời nhà Thanh, gặp kỳ tuế cống, ông do chức Binh bộ Tả thị lang sung làm Chánh sứ. Nguyên xưa, đức Thái Tổ hoàng đế (Lê Lợi) cùng quân Minh đánh nhau ở núi Mã Yên41, chém chết tướng Minh là An Viễn hầu Liễu Thăng. Đến khi giảng hòa, nộp cống, người Minh bắt đền, phải đúc người vàng thay thế. Đến hồi nhà Mạc cướp ngôi, Minh sai Cừu Loan, Bao Bá Ôn sang đánh; Mạc sợ phải đúc người vàng đút lót để cầu hòa. Đầu đời Trung hưng, nhà Minh lấy cớ tự tiện giết công thần của họ là Mạc Mậu Hợp, bắt phải đúc người vàng tạ lỗi,

từ đấy thành thường lệ của sự tiến cống. Đến ông xin bãi bỏ lệ ấy. Các bộ viện đem cố sự ra hỏi. Ông nói:

- Quốc vương tôi ngày nay giữ gìn nghiệp cũ, không dám bỏ khoáng việc chức cống. Còn cái chuyện cũ về việc thâu thành nạp khoản thì sứ thần không dám biết.

Họ lại hặc42 về chuyện Liễu Thăng. Ông nói:

- Liễu Thăng là tướng nhà Minh. Hoàng Thanh43 nay bao gồm có cả muôn nước, lại đi khư khư đòi món của đút để trả mối thù của người xưa. Như vậy sao đủ để làm khuôn mẫu cho người sau.

Lệ cống phải có hũ nước để rửa ngọc trai, lấy ở cái giếng tại Loa Thành. Ông đổ đi, múc nước giếng Ba Sơn đem theo. Họ thử, không thấy nghiệm, kỳ kèo44. Ông nói:

- Vì khí mạch lâu ngày nó biến đổi đi.

Hai thứ đồ cống ấy được miễn là bắt đầu từ ông vậy.

Đi sứ về, cùng ông Lê Anh Tuấn ở Thanh Mai cùng làm Tể tướng, hăm hở lấy việc thiên hạ làm trách nhiệm của mình, đem hết tâm tư, nghĩ việc chế tác, những phép tắc các chốn dinh tòa, đều là do ông sửa định cả. Vì nghĩ từ hồi Trung hưng về sau, những thể lệ về việc mũ áo trăm quan chưa được đúng hợp. Khi đi sứ, ông để ý kiếm tìm chế độ nhà Minh đem về; bèn sửa lại các đồ phẩm phục. Phàm khi đại triều, các quan đội mũ phốc đầu, mặc áo bổ phục45, đỏ là trên, lần xuống đến xanh, đến tím. Đồ mặc ngày thường làm việc thì văn chít khăn lang cân, võ chít khăn yến vĩ, mặc áo thanh cát che đằng sau, thứ đến hạng chít khăn chữ đinh. Quân phục thì nón thầy chùa, áo chẽn tay. Những thể thức ấy đến nay hãy còn dùng.

Tính hay khích lệ khí tiết của kẻ sĩ; học trò trường Giám, thường cho được ngồi nói chuyện với các quan như thể ngang hàng. Bắt chước lối kinh nghĩa của Tàu, sai các Nho thần phải tập, muốn thay đổi thể văn để thi học trò nhưng việc không thành. Vì thấy sự tiêu dùng của nhà nước không đủ, nên giảm bớt số ruộng của các công thần, bị nhiều người oán. Chúa Trịnh muốn cho được mở phủ như ông Nguyễn Duy Thì đầu đời Trung hưng, sau có người gạt đi nên lại thôi.

Khi Uy vương (Trịnh Giang) làm thế tử, An vương (Trịnh Cương) sai ông làm chức sư phó. Ông mật đệ tờ khải46 lên chúa, nói thế tử là người lười biếng, không thể gánh vác công việc được. An

vương nói:

- Ta không phải không biết như thế, nhưng nghĩ từ ngày quyền lý việc nước, hắn không có lỗi gì lớn cho nên chưa nỡ.

Ông dập đầu nói:

- Biết con không ai bằng cha. Xin chúa thượng nên vì xã tắc mà lo tính.

Chúa Trịnh bèn cất tờ khải vào trong một cái hộp.

Gặp kỳ đại lễ, thế tử làm lễ sai nhầm. Chúa giận, vời đình thần vào họp, định truất bỏ đi. Việc chưa làm xong thì chúa nhân sang chơi Cổ Bi, mất ở dọc đường. Ông bấy giờ ở kinh, Kỳ Viên phi giấu không phát tang, về đến kinh mới báo tin dữ. Ông họp trăm quan ở Đô đường nói rằng:

- Thế tử có tội với Tiên vương, Tiên vương đã có nói, vậy nay sao ta không bàn lập ông thứ?

Mọi người đều lặng im. Ông Nguyễn Hiệu, người ở Lan Khê, là thầy học của thế tử, cãi lại nói:

- Thế tử có lỗi gì đâu! Lời Tiên vương nói chỉ là để răn bảo. Không nên khinh dị mà bàn đến việc ấy.

Thế tử lên nối ngôi, bắt được tờ khải của ông, bèn đem ông lên an trí ở Tuyên Quang, liền lại sai Trung sứ đánh thuốc độc cho chết.

Xưa, An vương vì biết trong kiểu đất nhà mình có câu "truyền được tám đời thì vạ nổi từ trong tường vách", nên mới bày cuộc xây dựng ở Cổ Bi để yểm trừ. Vương thường bảo ông rằng:

- Đất quý Cửu Long, tiên sinh nên đem mả nhà đến mà táng, đừng để rồi họ khác chiếm mất.

Vì thế rồi ông bị những nhời nói gièm. Khi đi sứ Tàu, qua thành Ứng Sơn, có làm bài thơ viếng Trung Liệt công47 ở Dương Thúy am, trong có hai câu:

暗主休論崇愛豎

Ám chúa hưu luân sùng ái thụ,

皇天何忍毒忠臣

Hoàng thiên hà nhẫn độc trung thần.

Nghĩa là: Kể gì chuyện một ông vua mờ tối đi tin yêu một anh quan hoạn, chỉ đáng phàn nàn sao ông giời lại nỡ độc hại người tôi trung. Hai câu này tỏ ra là lời sấm ứng nghiệm vào đời ông về sau.

Đời truyền một hôm có một thầy xem bói chiết tự48 vào thăm. Ông bảo xem cho mình. Nhân viết mấy chữ "十二月花殘 thập nhị nguyệt hoa tàn" (Tháng 12 hoa tàn) cho người ấy đoán; người ấy khuyên ông nên xử theo cách "cấp lưu dũng thoái"49. Ông im lặng không nói gì. Chưa bao lâu thì xảy ra tai vạ.

Người thầy bói này không rõ tên họ, thường hay đi lại ở các nhà công khanh, nói nhiều câu ứng nghiệm lắm. Cuối đời Long Đức (Lê Thuần Tông) (1732-1735) vua Hiển Tông là địa vị con nối mà không được lập, trốn ở trên cái gác chuông chùa Phật Tích, gặp người thầy bói ấy, vua bảo xem hộ và viết một chữ "景 cảnh". Người ấy liền phục lạy mà nói:

- Mặt giời soi xuống kinh đô50, đó là cái tượng Thiên tử rồi.

Quả nhiên, sau vua Ý Tông (1735-1740) nhường ngôi. Hiển Tông được lập, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng (1740-1786).

Một thuyết nói: Khi ông làm Tể tướng, có một ông quan trong triều ốm sắp chết, học trò đến lễ cầu đảo ở đền Tản Viên, chiêm bao thấy thần bảo: "Tòa Nam Đẩu giữ việc chú sinh51, đó không phải việc của ta". Người học trò cố kêu xin. Thần bảo: "Tướng công Nguyễn Hãng là bậc dị nhân, sao không đến kêu với ông ấy!"

Tỉnh dậy, người ấy về kể chuyện với ông. Ông bảo cho sống thêm một kỷ52 nữa. Sau quả nhiên đúng như lời nói.

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Tùng Niên

Ông Nguyễn Bá Dương, người làng Nguyễn Xá, huyện Thần Khê. Tính tuệch toạc, thích uống rượu. Nhà nghèo kiết, nhưng vẫn sống một cách thản nhiên. Hồi lên du học ở kinh sư, ngoài một tấm áo, không có một cái gì đáng giá. Thường uống chịu rượu của người đàn bà kẻ Mơ (Hoàng Mai) nợ đến trăm đồng tiền, bị người đàn bà ấy đón đường để đòi. Cùng đi với người đàn bà, có cô con gái cũng người kẻ Mơ. Cô đặt gánh xuống can ngăn người đàn bà kia không được, tức mình cởi tiền lưng ra giả hộ, rồi vội quẩy gánh đi. Ông đuổi theo tạ ơn và hỏi họ tên. Cô xua tay nói:

- Tôi thấy cậu là học trò, vì nỗi rượu chè mà bị xấu hổ với một người đàn bà, nên không đành lòng mà giả hộ, không có ý gì mong sự đền báo.

Nói rồi đi thẳng, không ngoảnh lại.

Ông trở lại, hỏi người đàn bà, rồi ghi để vào lòng. Sau quẩy cặp lên du học ở Sơn Tây, trọ ở một nhà hào trưởng. Thường làm văn, không có giấy viết, phải viết cả vào ghế, son mực nhằng nhịt, màu gỗ lèm nhèm.

Gặp năm thi hương, ông từ biệt chủ trọ về quê đi thi. Qua các kỳ khảo ở huyện và ở trấn, nức tiếng là người hay chữ. Khoa ấy, thi đỗ Hương tiến, năm sau lại đỗ luôn Tiến sĩ, cùng bảng với ông Ngô Thì Sĩ. Các bạn đồng khoa ai nấy đã xe ngựa tôi đòi rộn rịp, nhưng ông vẫn nằm khoèo ở nhà trọ. Một bà quận phu nhân nghe tin ông đỗ, sai người đem kiệu đến đón, ước sự hôn nhân, gọi những con cháu mấy chục người ra, người nào cũng tha thướt gấm là, cho tùy ông kén chọn. Nhưng ông một mực xin lấy cô gái làng Mơ. Quận phu nhân nói:

- Cũng được.

Bèn sai đem xe ngựa vàng lụa đi đón cô gái làng Mơ về cho ông lấy làm vợ chính, còn người cháu gái quận phu nhân thì làm vợ thứ. Người ở kinh đô đều nắc nỏm khen là một câu chuyện hay.

Làm quan trong triều, ông có tiếng là thẳng tính. Khi giữ việc hình án Ái Châu (Thanh Hóa), có viên án trấn Mỗ, cậy thế chính cung Đặng phi, làm việc càn bậy. Ông bắt trói, bách phải nộp ra số tiền ăn đút, nếu không sẽ đánh trượng cho chết. Mỗ phải nộp ra số tiền đã ăn đút bốn trăm lạng vàng. Ông bỏ Mỗ vào ngục, rồi lập tức giong xe về kinh, đem số vàng hối lộ, kèm cả một tờ khải đưa vào chúa Trịnh. Đặng phi nghe tin việc Mỗ bị nhục, khóc kể với chúa. Chúa cười mà rằng:

- Số vàng ăn đút hiện có đây, còn oan gì nữa!

Phi hổ thẹn lui ra. Mỗ bèn phải tội. Người Ái Châu đến nay hãy còn khen và kể lại. Đời truyền rằng khi ông chưa đỗ, du học ở kinh đô, một hôm gặp Bính Trung công, người ở Diên Hưng, đương chống gậy đứng ở cửa tư đệ53. Công chợt hỏi rồi trỏ bức hình thông đá đắp ở trên tường bảo ông làm bài đề. Ông cầm bút đề ngay một bài tứ tuyệt:

石上青松百尺長

Thạch thượng thanh tùng bách xích trường,

飛花滿洞水生香

Phi hoa mãn động thủy sinh hương,

叮嚀樵子休輕伐

Đinh ninh tiều tử hưu khinh phạt,

留取他年作棟梁

Lưu thủ tha niên tác đống lương.

Dịch:

Trăm thước thông trên đá vững vàng,

Hoa bay đầy động nước sinh hương.

Đinh ninh dặn chú tiều đừng đẵn,

Dành để mai sau chuốt cột rường.

Bính Trung công khen ngợi, tặng cho năm quan tiền. Khoảng cuối niên hiệu Cảnh Hưng (1786), bài thơ đề vách ấy vẫn còn.

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

Kính Phủ

Quận mã Đặng Lân là em bà Đặng Tuyên phi của chúa Tĩnh Vương54, thường hay ngông càn phạm phép. Y cưỡng gian một người đàn bà không được, bèn cắt vú người ta. Người chồng kiện đến quan, y bị giam ở ngục Ngự sử đài, rồi vì có phi xin cho mà được tha. Tĩnh Vương đem nàng quận chúa thứ hai gả cho Lân, các đồ trang liêm và của hồi môn, so với các triều trước, nhiều gấp mười lần. Phủ đệ dựng ở phía tây nam kinh thành Thăng Long, đồ ăn thức dùng đàng hoàng như một vị vương giả. Lân càng làm nhiều sự càn dỡ, nuôi trong nhà hơn trăm gia đồng, thường cho đội mũ, đeo gươm, ra ngoài chợ phố đi nhung nhăng, uống rượu say, đánh người bị thương. Quan Kinh doãn không kiềm chế nổi. Mỗi khi Lân đi ra, đem theo đến hàng mấy chục con chó săn, con nào cũng đeo nhạc vàng, khoác áo thêu, hét trước hò sau, lấp cả đường lối. Một lần, nhân cơn tức giận, Lân giết chết nội giám là Sử Thọ hầu, rồi cắm thanh gươm ở trước cửa để không ai dám vào bắt. Quan Thự phủ quận mã Hoàng Bỉnh Khiêm đến quát mắng, Lân sợ không dám nhúc nhích, bèn bị bắt tống ngục. Đình thần họp bàn không biết quyết định ra sao, sau cùng xin với phi đày Lân ra ở An Quảng. Lân xếp dọn nhà cửa, mặc áo tù đi ra khỏi kinh. Nhà chức sự sắm sẵn ghe thuyền ở bến sông Nhị Hà, y đem theo nàng hầu vợ lẽ rất nhiều, tiếng đàn sáo véo von không dứt. Ra đến nơi, quan địa phương phải làm nhà cửa cho y ở.

Về sau, Tuyên phi và Cung quốc công (Trịnh Cán) bị phế. Đặng Lân bị bắt bỏ ngục rồi nhịn ăn mà chết.

THÀNH ĐẠO TỬ

Thành Đạo Tử người ở Sơn Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương tiến, rồi chán nghề thi cử, đi giang hồ bông lông. Sau gặp và đi theo chân nhân Phạm Viên, vết chân trải khắp những sông to núi đẹp. Một hôm cùng với hai người đồng bối theo chân nhân đi chơi trên bể. Giữa khoảng gió to sóng lớn, bỗng thấy một con đường dài quanh co như ruột dê. Mọi người trèo lên chơi, rồi đi đến một trái núi, thấy có những cây cối um tùm, những quả đào lớn bằng cái đấu.

Chân nhân ngồi tạm nghỉ, nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào và bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kẻ theo hầu đều vâng nghe. Uống rượu xong, chân nhân ra đi. Thành Đạo Tử đi sau, cho là chân nhân không biết, giấu hạt trong lòng. Rồi lẩn quẩn nửa ngày không tìm được đường đi ra. Nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn sờ lấy vất đi, mới đi ra được khỏi núi. Chân nhân đương ở phía trước, ngồi rót rượu uống, thấy Thành Đạo Tử đến, cười mà bảo rằng:

- Sao đi chậm thế?

Rồi chân nhân lấy một quyển sách bí mật trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu bay vụt đi mất.

Thành Đạo Tử trở về, đi phóng lãng khắp nơi sơn thủy. Một lần cùng với kẻ đồ đệ đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi thăm chủ nhân cận trạng[55] ra sao. Người coi cửa mỉm cười nói:

- Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa dấu tốn kém, vẫn chẳng ăn thua gì. Chẳng hay tiên sinh có chữa được không?

Thành Đạo Tử đáp: - Chữa được.

Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào, làm rượu thết, sai người nhà sắm sửa đàn tràng. Thành Đạo ngăn đi

mà rằng:

- Không cần. Kìa, trên nóc nhà có một con ma nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh. Bây giờ bắt một con cóc treo lên dọa nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe nhời làm theo. Bệnh quả nhiên khỏi. Nhà chủ đưa biếu rất hậu, nhưng Thành Đạo nhất định không lấy.

Thành Đạo lên chơi núi Thu Tinh, cầm đuốc vào soi xem trong hang, giữa chừng đuốc tắt, không biết lối nào mà ra cả. Trong hang có những tủy đá nát nhẽo như bùn, ăn thấy mùi thơm ngon và khỏi được đói. Sau lâu thấy có một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rất rộn rịp. Đến gần xem thì người đi kiệu là một người bạn học đã chết từ trước. Người ấy giật mình hỏi:

- Đây là nơi cửa ải của người và ma chia cách nhau. Sao bác lại đến đây làm gì?

Người bạn cởi áo mặc cho. Thành Đạo thấy trước mắt sáng sủa, bèn theo lối trỏ mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà thì người nhà tưởng là chết, đã để tang trở, sắp đến kỳ cúng giỗ hết rồi.

Thành Đạo cùng với ông cụ họ Vũ làng tôi có quen, mỗi lần đến chơi, trong lúc uống rượu, thường giở ra nói chuyện. Sau không biết đi đằng nào mất.

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

Kính Phủ

Quan Thái úy Lê Thì Hiến là người làng Phú Hào, huyện Lôi Dương (Thanh Hóa) tính nết ngang tàng. Ông ra chơi Kinh, quen với chàng Năm là học trò ở Chiêu Văn quán. Chàng Năm là con nhà kép hát, không được thi cử, nhà rất nghèo nàn. Ông thường đi lấy trộm của người khác đem cho chàng Năm; hỏi ở đâu ra thì chỉ cười không đáp. Một hôm, chàng Năm bảo ông rằng:

- Tôi nghe xứ Quảng, Thuận56 đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đấy lại biết đãi người một cách nhường nhún, đó là tư cách của bậc bá vương. Nếu ta đến đó, rồi đem mưu kế ra thuyết cho họ nghe, thì trên có thể làm được như Tề Hoàn, Tấn Văn, dưới cũng không mất được cái thế chân vạc. Ý bác nghĩ thế nào?

Ông thủng thỉnh nói:

- Chí tôi thì khác thế, nhưng tôi cũng không ngăn cản bác.

Ông hỏi định bao giờ đi, chàng Năm nói sáng mai sẽ đợi để từ biệt ở trạm Hoàng Mai. Ông y hẹn, đi qua hiệu bán vàng bạc ở Hoàng Đình, vào cuỗm lấy hai món đồ rồi chạy đi rất nhanh không ai đuổi kịp. Đến Hoàng Mai, thấy vợ chồng chàng Năm đã ở đấy, hành lý trơ trọng chỉ có mấy cân gạo. Ông đưa đồ vàng tặng; chàng Năm cầm tay từ biệt nói:

- Chuyến này tôi đi xa muôn dặm mà được không chết, toàn là nhờ cái ơn của bác, tôi há dám chẳng ghi lòng. Ngày khác gặp nhau ở biên cương, tôi sẽ xin làm thành cái chí của bác để đền báo lại.

Sau hơn một tuần, chàng Năm vượt qua bờ cõi châu Hoan đến bờ bắc Linh Giang57. Quân canh giữ bến sông quát hỏi nghiêm ngặt.

Thuyền không qua được. Chàng Năm phải chặt gậy tre chống cự rồi đè dòng đi tràn mới sang được đến bờ nam. Quân coi giữ bờ nam bắt được trói lại, đem về dâng với chúa. Sau khi trò chuyện, Nam chúa bằng lòng lắm, bèn tha ra cho và dùng làm tướng. Chàng Năm bày những kế đánh giữ; đắp lũy ở Đông Hải, dài hơn trăm dặm, cong như hình cầu vồng, chắn ngang nam bắc, dựng vòm khói, khoét cửa súng, hễ có việc cảnh cấp thì vừa bắn súng vừa đốt lửa, thông đến tận quốc đô; các cửa bể Minh Linh, Nhật Lệ, đều đóng cọc và buộc khóa sắt để ngăn cản tàu thuyền, tùy tiện bố trí một cách vững bền và liên lạc. Đoạn rồi đem quân qua sông sang bắc, hạ thành giết tướng không biết bao nhiêu mà kể. Triều đình quên ăn mất ngủ, lo tính mọi cách để chống giữ, tuy có làm cho họ bớt sự tràn lấn, nhưng bờ cõi vẫn chưa lấy lại được hết. Bấy giờ ông Lê Thì Hiến ứng mộ tòng quân, từng đã lập được nhiều công trận, được thăng lên làm Đốc trấn, coi giữ hết các việc quân ở châu Hoan. Chàng Năm nghe tin nói:

- Tướng Bắc là bác Lê, vậy ta phải nên tránh mới được.

Bèn thu binh lui về, đưa thư xin giả những đất đã lấn, tự xưng là Nam phiên. Ông Lê dâng thư về triều xin ưng cho, nam bắc nghỉ binh, nhân dân châu Hoan châu Diễn được yên ổn mà sống. Ông ở trấn hơn 20 năm, trong địa hạt được vô sự, tiến phong Thái úy Hào quận công, khi mất được tặng tước vương. Dân Hoan châu nhớ ơn, lập miếu lên thờ đến nay hãy còn.

Cháu xa của ông là Thì Diễu đỗ Đồng tạo sĩ xuất thân, làm quan đến Hữu kiểm điểm, có quen với tôi, thường đem những chuyện cũ của ông nói cho tôi nghe.

Một thuyết bảo khi chàng Năm sang qua sông, đi làm nghề chăn trâu cho người. Một hôm dắt trâu qua cửa nhà quan Tướng quốc, nghe thấy trên nhà có tiếng đọc sách sang sảng, bèn buộc trâu ở ngoài đi vào. Quan Tướng quốc lúc ấy đương mặc đồ nho phục, ngồi giảng sách với các học trò. Chàng Năm chắp tay đứng ở dưới thềm nhòm ngó vào lúc lâu. Quan Tướng quốc lấy làm lạ hỏi:

- Có biết chữ không?

Chàng Năm nói:

- Tôi vừa thấy nói về Nho quân tử và Nho tiểu nhân, tôi thích được nghe lắm.

Tướng quốc nói:

- Thế nào là Nho quân tử và Nho tiểu nhân?

- Về Nho thì tôi chưa được rõ. Tôi làm nghề chăn trâu, xin nói về kẻ chăn trâu. Này kẻ chăn trâu có kẻ chăn trâu quân tử, có kẻ chăn trâu tiểu nhân. Thế nào là tiểu nhân? Đi kiếm cỏ ở ngoài đồng kia đều là hạng này cả. Quân tử thì không thế; ôm tài chứa khí, bức bối không được cởi mở ra, bèn tạm trốn vào cái nghề đó, Ninh Thích gõ sừng, Bách Lý Hề bón cỏ, chính là hạng đó.

Quan Tướng quốc nghe lời nói ấy rất lấy làm kỳ, bèn xuống dưới thềm đón rước lên, nhưng chàng Năm xua tay rồi đi. Dò được biết chỗ chàng làm mướn, Tướng quốc sai người đến vời. Chàng từ chối mà rằng:

- Ngày xưa vua Tề Cảnh công đi săn, vời quan Ngu Nhân bằng cờ tinh mà người ta không đến, bởi vì không hợp lễ. Quan Tướng quốc đã không cho tôi là một kẻ hèn hạ, vậy mà lại muốn làm nhục tôi bằng cách vời không hợp lễ ư? Như vậy kẻ hèn hạ này không muốn đến.

Người đi mời trở về. Quan Tướng quốc bèn hun xông trai giới, sai sứ đem thư và lễ vật đến đón. Chàng Năm bấy giờ mới đứng dậy mặc áo nâu ngắn, đầu trần chân không mà đi. Sứ giả xin thay áo, chàng khước đi mà nói:

- Tôi vốn là một kẻ làm mướn, sao nên thay đổi cái vốn có của mình.

Chàng đến nơi, quan Tướng quốc ngoảnh về phía đông mà tôn thờ làm thầy, rồi tiến dẫn lên với chúa; chúa đắp đàn phong cho làm tướng.

Hai thuyết chưa rõ thuyết nào đúng, hãy chép lại cả[58].

ÔNG ĐỖ THẾ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

Kính Phủ

Ông Đỗ, ông Hoàng khi chưa gặp thời, làm bạn với một viên quan hoạn, Uy Vương ốm, bọn tiểu nhân làm nát chính sự, bốn phương trộm giặc nổi lên như ong. Viên quan hoạn hăm hở nói:

- Tôi xem vận giời và việc người, họ Trịnh chắc là sắp mất, vậy sao ta chẳng phù một vị hoàng tử, vào trong rừng núi nổi nghĩa binh như việc cũ của Đức Cao hoàng khi xưa, nghiệp lớn chắc có thể thành được.

Hai ông nói:

- Không phải. Nhà Trịnh có công lớn, giời cũng giúp vì, hoặc giả lại phục hưng cũng chưa biết chừng. Vả hãy để chờ xem, nếu không sẽ liệu cũng chưa muộn.

Viên quan hoạn sầm mặt đứng dậy, vung áo đi. Một lúc ông Đỗ đi ra, qua phủ Lương Quốc, thấy người em thứ tư và cùng một mẹ với Uy Vương đương ở cửa phủ, cùng bọn nội giám ngồi ở đất xem đánh chọi gà. Ông trông thấy kinh ngạc, về nói với ông Hoàng rằng:

- Đấy thật là vì chúa của ta.

Bèn đem trâu rượu đến nói với người coi cổng để được vào yết kiến. Vương đệ rất trọng hai ông là người có tài khí. Chưa bao lâu Uy Vương thoái ngôi, vương đệ được lập, đó là Minh Vương. Vì hai ông đã theo từ khi ở tiềm để59, nên chúa hết lòng tín dụng. Ông Đỗ chủ việc trong, ông Hoàng chủ việc ngoài, giặc cướp các nơi đều bị quét trừ đến hết.

Viên quan hoạn đi, đem hoàng tôn Duy Chúc, Duy Mật cùng đi, đánh úp được đất Trấn Ninh mà chiếm giữ lấy, phụng hoàng tôn lên làm chúa, viên quan hoạn thì xưng là Minh quận công, đắp thành lũy, sửa giáp binh, hơn ba mươi năm, quân ngoài biên không được cởi giáp. Chúa Trịnh mỗi khi hỏi đến việc miền Tây (Trấn Ninh), hai ông lại thưa:

- Mưu chủ của họ hãy còn, chưa thể đồ tính được.

Duy Chúc mất, Duy Mật nối, quận Minh đã chết, ông Hoàng mới nói với triều đình:

- Quận Minh chết thì hạ Trấn Ninh dễ dàng như thể đập nứa vậy.

Chúa Trịnh bèn dấy quân, sai Đốc trấn Hoan Châu (Nghệ An) là ông Bùi Thế Đạt thống suất quan quân ba đạo tiến đánh. Duy Mật tự đốt mà chết, việc Trấn Ninh mới xong.

CHÙA TIÊN TÍCH

Chùa Tiên Tích phía Nam kinh thành, đời chúa Tĩnh có sửa chữa lại. Người ở kinh thành khuân tre gỗ, vác xẻng cuốc, bồn tẩu ở đường sá mấy năm công việc mới xong. Chùa rộng lớn, nóc chồng, cửa kép. Sân bảy tám miếng đá vuông, cao chừng hai thước, trên bày những chậu lan, gió thổi hây hây, thơm đưa phưng phức. Chùa đàng sau dựa vào đường cái, đàng trước trông xuống một con ngòi nước trong; cây tháp ở phía hữu cao chín tầng, bốn góc đeo nhạc, trang sức bằng những nét vàng xanh rực rỡ.

Từ đàng phía tây đi về phía nam vào đền chúa, đường xe quanh co đều lát đá cả. Con kênh oằn oèo chảy ra một cái hồ. Hồ sâu mà rộng, nước rất trong, mùa hè hoa sen nở nhiều, mùi hương bay xa ra mấy dặm. Men bờ hồ vào đến bờ kênh, chỗ cây chỗ đá chen lẫn nhau. Phía trước chùa về phía tả, chỗ nước kênh chảy thông ra hồ có bắc cái cầu, dưới cầu ghe thuyền đi lại được, trên cầu dựng thành mái nhà, khắc vẩy rồng trên những tấm ván. Bên cạnh cầu mấy chục bước, phía nam kênh và phía bắc hồ, dựng cái ly cung để làm chỗ vua chúa ngự chơi, trồng sáu, bảy cây muỗm cây trắc và cây thông, cành lá chi chít đến nỗi ánh mặt giời không lọt xuống được.

Dưới đất bầy trâu đá hươu đá mỗi thứ hai con, sừng châu vào nhau, chế tạo rất tinh tế và hoạt động. Đó là những vật cũ của nước Chiêm Thành, do ông Hoàng khi đi đánh Nam lấy được. Cách hồ là nhà Kiều Nhạc hầu Nguyễn Khản. Hầu là bạn áo vải của chùa, thường mặc quần áo thường ra vào trong cung. Mỗi khi chúa đến chơi chùa lại đến thăm nhà hầu, thân viết bốn chữ "Tâm phúc hòa chung" để ban cho. Trụ trì chùa ấy là con gái của bà Thái trưởng quận chúa, em họ ngoại của chúa. Chúa những khi nhàn rỗi ngự giá chơi chùa, cùng các phi tần nội thị thả thuyền chơi trên hồ, hát khúc ca hái sen, trên dưới thấp thoáng những ánh

sóng bóng cây, so với cuộc đi chơi ở ngòi Vũ Lăng60 cũng không phải quá đáng.

Năm Ất Tỵ (1785), lính canh cửa chùa đêm thấy có tiếng lát chát, tiếng y ỷ tựa như khóc lóc rất thê thảm, lắng nghe thì tiếng ấy phát ra ở trên bờ hồ, lúc không lúc có.

Sáng hôm sau ra xem chỗ ấy, thấy nước mắt của trâu còn ướt má, cỏ trên mặt đất đều bị xéo nát bừa bãi, hình như hai con trâu đá đã chọi húc nhau. Lính canh sợ hãi, bẩm báo vào triều: Triều đình sai thợ đá đập phá cả trâu lẫn hươu vất vào lò lửa. Chùa này đã triệt bỏ, khói mờ cỏ rậm phất phơ ở trong ngọn gió thu; muốn tìm lấy một hòn ngói vụn, một viên gạch tàn cũng không thể được. Trò đời thịnh suy thay đổi, buồn biết chừng nào!

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

Kính Phủ

Liệt phụ Đoàn phu nhân là vợ thứ của ông Du Lĩnh hầu Ngô Phúc Du người làng Trảo Nha (Hà Tĩnh). Hầu là con nhà tướng, trong năm Cảnh Hưng quản đội quân tiền phong. Tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), hầu chết tại trận. Bà vợ cả đi quy y cửa Phật. Đoàn đẹp mà không con, vẫn được hầu đối đãi như là vợ chính. Hầu chết nạn, Đoàn phu nhân vẫn cười nói như lúc thường; người nhà đều lấy làm lạ. Chưa bao lâu, phu nhân đem việc nhà dặn dò con hầu, rồi đến lập một đàn chay ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng, tức chốn tu của bà vợ cả. Làm chay xong, phu nhân cùng bà vợ cả đem lũ con của hầu ra thiết vị ở bến Thúy Ái, nơi hầu chết nạn khi trước, ngoảnh về phía nam mà làm lễ chiêu hồn; mọi người xa gần kéo đến xem đông lắm. Đoạn rồi phu nhân vận mặc chải chuốt lịch sự, bơi một chiếc thuyền con ra giữa dòng, gieo mình xuống nước mà chết. Dân ở đấy lập miếu lên thờ.

Quan Huấn đạo An Nhân Hà Sách Hiển có vịnh thơ rằng:

可憐二百餘年國

Khả liên nhị bách dư niên quốc,

天理民彝一婦人

Thiên lý dân di nhất phụ nhân.

Nghĩa là: Thương thay một cái nước dựng nên đã hơn hai trăm năm (nói triều Hậu Lê), mà đến lúc mất, chỉ có một người đàn bà giữ được lẽ giời và đạo người. Người ta đều truyền tụng.

NGƯỜI LÀM MƯỚN Ở KINH THÀNH

Tùng Niên

Kinh thành có một người làm mướn, thường đến ở làm lụng cho Phạm chân nhân. Hắn than mình nghèo khổ, xin chân nhân cấp giúp cho. Chân nhân im lặng, rồi thong thả bảo chìa bàn tay hữu ra, thầm vẽ bùa vào, dặn sau này khi nào gặp lúc cùng quẫn, nên ngửa tay ấy để xin người cho tiền, có thể được 36 đồng. Anh phúc bạc, đừng nên lấy quá.

Người ấy theo nhời. Nhưng một hôm lại lấy quá số ấy, đến mãi năm quan mới thôi, rồi từ đấy không linh nghiệm nữa.

ÔNG LÊ ANH TUẤN

Tùng Niên

Ông Lê Anh Tuấn khi cầm quyền chính phủ, bà phu nhân từ làng Thanh Mai đến kinh, đi qua làng Đắc Sở61, ngủ trọ ở nhà cạnh đền quan Tướng quân Lý Phục Man, chiêm bao nghe thấy tiếng ngựa xe rộn rịp, rồi có người nói là bà phu nhân của quan Tướng quân họ Lý vào thăm. Ngồi chơi xong, Lý phu nhân nói:

- Phu nhân đối với tôi là chỗ quen biết, tôi muốn nói xin một điều, chẳng hay có được không?

- Xin vâng.

- Nhờ phu nhân nói với tướng công hộ rằng, nhà cũ của chúng tôi đã nát, xin lưu ý cho.

Hỏi duyên cớ sao thì nói:

- Ông Lê Anh Vũ triều trước và ông Lê Anh Tuấn bây giờ, đều là hậu thân của Tướng quân tôi, phu nhân quên rồi sao?

Lê phu nhân vâng nhời rồi bừng tỉnh, đến kinh nói với ông Lê. Ông tự bỏ tiền ra sửa chữa đền ấy. Nay đền hãy còn.

ÔNG BÙI THẾ VINH

Tùng Niên

Ông Bùi Thế Vinh là cụ ngoại bẩy đời của tôi, đỗ tiến sĩ trong năm Diên Thành, làm quan đến Tự khanh. Nhà Mạc mất ngôi, ông lui về ở nhà, rồi cùng ông Đỗ Uông ở làng Đoàn Tùng, ông Nhữ Công Tòng ở làng Nhữ Xá đều bị tiên triều vời ra. Nhưng ông lấy một con dao rạch ở dưới đầu gối, rồi cáo bệnh không chịu ra. Bấy giờ bà Thường quốc phu nhân, tự thắt cổ tuẫn tiết. Hai người đều được người ta khen ngợi, có câu hát rằng:

Loài chi mày Thượng Thông Thượng Nhữ[62],

Những dơ tuồng tặc tử gian thần.

Nào dao lá trúc Đông Luân[63],

Nào thừng tiết nghĩa phu nhân kia là.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

Tùng Niên

Ông Nguyễn Công Hoàn người làng Cổ Đô huyện Tiên Phong64, là thân phụ ông Thượng thư Bá Lân. Ông có tiếng văn hay lẫy lừng trong một thời; đối với ai ông cũng nhã nhặn lịch sự, nhưng về chữ nghĩa thì không nhường ai bao giờ cả, đó là cái thiên tính như vậy.

Ông Lê Anh Tuấn người cùng huyện, thủa nhỏ với ông là bạn vong niên. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu là mình kém. Ông Lê đỗ rồi làm quan, ông không chơi với nữa. Ông Thượng thư Bá Lân thủa nhỏ học giỏi văn hay, tài năng suýt soát với ông, ông thường cùng ganh thi hơn kém. Ông Thượng cố tránh thì bị ông đánh chửi. Một lần hai cha con thả thuyền ở giữa dòng sông để làm văn thi, bảo hễ ai văn kém thì phải ném xuống sông. Văn làm xong, của ông hơi kém, liền nhảy xuống sông tự trầm thật; ông Thượng khóc lóc lôi vớt lên. Một lần đến thăm quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng, đến cổng ông đã réo ngay tên. Người canh cổng vào báo, ông Hãng lật đật chạy ra đón rước. Xin ông làm thơ Lưu, Nguyễn vào Thiên Thai, trong tiệc ông làm thành sáu bài, còn truyền ở đời. Hồi xuống chơi kinh, làm bạn với chân nhân Phạm Viên; một hôm hỏi về sự cùng đạt, chân nhân nói:

- Số ông tiếc không làm nên được, nhưng con ông thì làm nên to.

Ông bèn bỏ cả việc đời, theo chân nhân học thuật nhìn lâu. Vào núi Mỹ Lương, nhưng dọc đường thiếu lương ăn, đến một xóm nọ. Trong xóm có ông già đón khách vào nhà… bảo làm món sơn hào đem lên. Chưa bao lâu, đi đến chỗ biệt nghiệp của sơn nhân, gã nhỏ dọn lên món thịt chuột thối để uống rượu, mùi hôi bẩn xông lên gớm chết, ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân nhân nói:

- Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể học được.

Bèn đưa ông trở về.

Ông Thượng thư khi đỗ Hội nguyên, cả hai cha mẹ đều còn. Các bạn đỗ đồng khoa đến họp cả ở làng Cổ Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng:

- Thằng Bá Lân nhà tôi mà nó đỗ đầu thì ra thiên hạ vô nhân thật.

Hồi ông Lê Anh Tuấn làm tể tướng, ông Lân vì việc công bị lỗi, nghĩ phải nhờ cha đi nói hộ thì không thể gỡ được, bèn nói với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ không nói gì. Cả họ khóc lóc van nài, ông mới khẽ gật đầu một cái. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tể tướng, lội qua hồ mà vào, để chân bê bết những bùn vào ngồi chỗ công sảnh, hỏi tướng công có nhà không. Lê công áo đai chững chạc ra đón mời. Ông nói:

- Vì chuyện thằng bé nhà tôi nên phải đến quấy quả cố nhân, một tiếng nhận nhời giá trọng nghìn vàng, tưởng tôi không phải nói lắm.

Ông Lê vâng nhời thì ông liền đứng dậy ra về, nài thư thả nói chuyện vài câu, nhất định không ở.

Tuổi ông càng cao, sức học càng sâu rộng. Nghe ở Thanh Trì có một người học trò tập văn trường Giám lần nào cũng trúng giải nhất, bèn dò tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, vì đường quanh co, bèn lội qua ao, đến gõ cổng nhà người học trò mà nói:

- Ta là Nguyễn Công Hoàn đây. Có giỏi thì làm văn thi với ta nào.

Người học trò lật đật đi ra, nói nhún nhường từ chối. Ông không nghe. Người ấy xin khất đến kỳ văn trường Giám, ông mới trở về. Sau ông làm bài thi, luôn mấy kỳ chiếm được giải nhất trường Giám, ông mới về Sơn Tây.

Tuổi già, một lần ông đến thăm nơi thờ thiền sư Huyền Quang, chiêm bao thấy thiền sư bảo rằng:

- Việc Bích Cơ65 được ông tìm ra, nghe đâu Thượng đế tăng tuổi cho ông một kỷ đấy.

Sau ông được sống lâu rồi mất.

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

Ông Lê tuổi trẻ là người không chịu buộc mình theo lễ phép; học ông Thám hoa Vũ Thành, vẫn được ông Thám coi trọng. Thường giao du với chân nhân Phạm Viên. Một lần ông Thám ra bài cho tập làm, đầu bài là: "Về Sở, người Sở không tin; về Hán, người Hán sợ hãi, vậy thì túc hạ định về đâu?" Chân nhân đùa làm thử, nhờ ông đưa để ông Thám chấm cho. Ông Thám giật mình nói:

- Người làm văn này phải là bậc thần tiên.

Sai người đón mời nhưng chân nhân chối từ không đến.

Ông đi theo mấy tháng, chân nhân khuyên nên trở về. Sau thi đỗ làm quan, giữ mình ngay thẳng không chịu a dua với ai, nhất là ghét đạo Phật lắm. Hồi đi sứ Tàu qua một cái chùa, thấy ở chỗ mái hồi lang66 có một tòa tượng chữ đề là "Lê Hữu Kiều Bồ Tát". Ông bỗng giác ngộ, từ đấy để tâm nghiên cứu kinh điển nhà Phật. Khi thôi làm quan, mở ra một sở tuyên giảng đạo Phật, người đến nghe giảng lúc nào cũng hàng mấy trăm, phần nhiều là những người có tiếng trong rừng thiền cả. Chúa Trịnh Minh Vương và Tĩnh Vương có ban cho nhiều vị sư được hiệu là hòa thượng, những vị ấy đều là những học trò nghe giảng của ông.

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Cần huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thủa nhỏ nhờ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, có khiếu văn chương; đến tuổi thành đồng thì theo thầy học ngoài. Một đêm ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem chè, quả đến tặng biếu, cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đấy thường đêm vẫn chiêm bao thấy thế, nhưng trải mấy năm giời, giữa hai người không hề có chuyện sàm sỡ. Rồi một đêm mỹ nhân từ biệt để về, ông cầm tay hỏi ngày tái hội thì nói:

- Chúng ta sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung tại hồ Động Đình.

Năm 16 tuổi đỗ khoa hương, sắp sửa rồi tới kinh thi hội. Một hôm ông ngoại ra bài cho học trò tập, thấy trong bụi cây có một chàng thiếu niên chưa đến giờ ngọ đã vào nộp quyển rồi đi ra. Ông ngoại xem rồi nói:

- Có lẽ là chân nhân Phạm Viên đùa ghẹo ta đây.

Nguyễn Trọng Thường liền ném bút đi theo. Ra đến ngoài đồng thì theo kịp. Khi đó chân nhân đi chơi núi Long Hổ. Đến cửa ải Trấn Nam, ông quỳ xuống thỉnh giáo, chân nhân nói:

- Việc thổ nạp không phải là việc của nhà ngươi. Tiền trình rộng lớn, đừng nên đi theo đuổi việc thừa.

Bèn trao cho tập số Thái Ất, hẹn đến hồ Động Đình sẽ phải trả lại.

Ông thi đỗ rồi, trải làm quan trong quan ngoài nhưng rất hững hờ, không lấy sự làm quan làm thú. Khi đi sứ Tàu, đem việc nhà dặn bảo con cái, rồi đem nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở vệ đường có hai cái miếu, mà một cái đã hầu đổ nát. Hỏi dân ở đấy thì họ bảo: "Cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm

rồi. Còn một cái miếu kia thờ bà phu nhân".

Ông hoảng nhiên nghĩ ra, bỏ tiền của nhờ người dân đấy làm lại hộ. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giở cái hộp đựng tập số Thái Ất ném xuống, cái hộp cuộn vào trong nước mà chìm mất. Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỹ nhân đến. Sáng hôm sau ông mất ở thuyền, sứ bộ phải đưa tang về.

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

Tùng Niên

Ngày 12 tháng Ba năm Bình Thìn (1796), cùng bác Nguyễn Nghiêu Minh, bác Trần Vấn Chi, bác Nguyễn Quế Nham, bác Hoàng Hy Đỗ đi chơi núi Phật Tích. Giờ mão từ kinh đô đi ra, giờ ngọ qua làng Kim Chỉ (làng Thìa ở huyện Đan Phượng), lên cái lầu chuông ở cạnh đường nhìn sang phía tây, trông núi Phật Tích thấy sắc núi xanh xanh. Qua bến đò Đắc Sở (Giá) đến làng Thụy Khuê, ở ngụ tại đền Nguyễn phu nhân ở phủ Quốc Oai. Phu nhân là em gái bà Minh Vương thái phi, xuất gia rồi chữa sửa các chùa ở làng Thiên Phúc, người dân đấy lập đền lên thờ. Đền gối vào núi. Núi ở giáp giới hai làng Thiên Phúc, Thụy Khuê, sử gọi là núi Thạch Thất, tục gọi là núi Thầy, đó là nơi chứng đạo của Từ Đạo Hạnh đời Lý. Phía tả núi là ngọn Hàm Long, hình thế cao ngất và bay bướm, có cái ao Long Trì ôm lấy; một cái gò dựa vào ngọn ấy, là chính điện chùa Thiên Phúc. Điện kề nước, do thiền sư họ Từ dựng nên, một gian hai chái, quy chế rất cổ. Giữa thờ Phật, bên tả là chân thân của thiền sư, bên hữu là ngự dung vua Lý Thần Tông. Trước ngự dung, có những tượng chim hạc và lực sĩ Chiêm Thành mỗi thứ đều hai, do khoảng năm Vĩnh Hựu sắc truyền chế tạo. Tương truyền vua Thần Tông triều Lê là hậu thân vua Thần Tông triều Lý. Hai bên nách chùa bắc hai cái cầu qua ao: bên tả là cầu Nhật Tiên, trông vào đền Tam Phủ ở cái đảo trong ao, bên hữu là cầu Nguyệt Tiên, chặn lên trên tay hữu trái núi.

Giờ dần lên chùa Thiên Phúc, nhà sư trú trì là Tịch Khiết mời ngồi chơi nói chuyện. Tịch Khiết là người làng Thiên Phúc, trò chuyện rất có vẻ phong nhã. Giờ tuất trở về đền Phu nhân. Sáng hôm sau, Chân Túy Ông lên ngọn Hàm Long. Ông là con giai thứ ba của Nguyễn phu nhân, đỗ Hương tiến, nay nhập tịch làng Thụy Khuê.

Phía tả ngọn Hàm Long độ nửa dặm, có mả và miếu thờ Lã Nam Đế, dân đấy bảo là di tịch của Lã Gia. Sách Thiên Nam quốc ngữ nói: "Mả Lã Gia ở vườn trúc"; chưa rõ đàng nào phải. Xét trong sử ký thì Nam đế là hiệu của hai vua Tiền Lý, Hậu Lý, Lã Gia chỉ là Thừa tướng của Triệu Ai Vương; lời dân đấy nói tựa như không đúng, hãy cứ ghi vào đây để đợi người thức giả.

Trên sống núi có hai cái hang: một là Bồ Cốc, và một cái có cá sản ở trong nước gọi là Thần Cốc. Tiên triều đến ngự chơi đây, sai nội thần vào xem, thấy con rắn lớn lại phải quay ra.

Giờ ty, qua cầu Nguyệt Tiên, lần bậc lên núi. Trên lưng có núi bia, khắc bài thơ ngự chế của chúa Định Vương (Trịnh Căn). Lên mấy bậc nữa đến chùa Thiên Phúc riêng, nơi thiền sư đốt hương trì tụng khi trước. Trụ trì chùa này nguyên là một viên nội thần của tiên triều, thấy khách đến mới thết ân cần bằng những món ăn trong núi. Trước chùa đi xuống ba bậc là vườn trúc, nay không có trúc nữa, trong vườn dựng bốn cây tháp. Động Phật Tích ở sau chùa, động ngoài không đến nỗi tối lắm, có bàn thờ Sơn thần ở bên phía tả. Một cái suối ở khe đá từ trên núi xuống, miệng suối có cái đầu rồng trỗi lên, đầy về mùa hạ mà cạn về mùa đông. Những tấm bia mài đá tạc thành nhớn nhỏ rất nhiều, nét chữ mập mờ, đều từ hồi Trung hưng trở về sau cả. Khoảng giữa động vách đá đứng sững. Chồng đá trèo lên độ một trượng đến cửa động trong, đi vào phải bò, gọi là hang Cắc Cớ. Động trong ngang dọc ước độ 1 trượng, thiền sư trút xác ở đó, vết đầu vết chân trên vách đá đến nay hãy còn, người ta thường lấy son rập in. Cạnh đấy là một pho tượng của thiền sư. Tôi có lưu đề ở động ngoài 11 chữ "丙辰季春松年甫攜友登此 Bính Thìn quý xuân Tùng Niên phủ huề hữu đăng thử", nghĩa là tháng quý xuân năm Bính Thìn, gã Tùng Niên dắt bạn lên chơi đấy.

Giờ ngọ lên chỏm Chợ Giời, khắp giời mây quang, gió thanh hây hẩy. Đá núi lởm chởm, cái thành hình bàn, cái thành hình ghế, rồi hình lò rượu, hình chén rượu, vị trí thiên nhiên, khéo đẹp tuyệt vời. Trên đỉnh có một tảng đá phẳng phắn. Đứng trên ngọn này trông ra chung quanh, các núi Phượng Hoàng, Quy Lân, Mã Yên, Long Đẩu, Hoa Phát, đều quanh quất chầu lại cả. Bác Hoàng Hy Đỗ đốt hơn trăm cái pháo hoa, những kẻ kiếm củi chăn trâu đều trông nhau ngơ ngác. Trở về động ngoài động Phật Tích, Chân Túy Ông và Trần Vấn Chi cùng nhau uống rượu. Vượn núi ba bốn con thập thò qua lại ở khoảng nóc điện và cành cây. Hy Đỗ, Quế Nham vỗ tay cười, hang núi nổi lên những tiếng vang đáp lại. Giờ mùi xuống thăm chùa Phúc Lâm ở phía bắc núi, đề vài dòng chữ lên vách:

登山遊覽，不覺詩興滿山, 不能收拾

Đăng sơn du lãm, bất giác thi hứng mãn sơn, bất năng thu thập.

Nghĩa là: Lên núi chơi xem, bất giác hứng thơ đầy núi, không thể thu nhặt lại được. Lạc khoản đề là “Song Thanh”. Bác Chân Ngô đùa mà đề nối vào rằng:

我亦不約而合

Ngã diệc bất ước nhi hợp.

Nghĩa là: Ta cũng không ước hẹn mà đúng như thế.

Rồi lên chùa Bối Am ở chỏm núi Bối Am. Chùa nhân cái động mà làm thành, nửa gỗ nửa đá. Theo bia ở trên vách đá thì do một bà tôn nữ họ Mạc về đời Hồng Ninh xuất của mà dựng nên. Trụ trì ở đó có nhiều những sư nữ. Trên vách thơ vịnh đề bừa bãi. Xem qua một lượt rồi trở xuống. Dưới núi ấy có hang Dũng Phật, thờ mấy tòa tượng cổ.

Giờ thân kéo Chân Túy Ông, Trần Vấn Chi cùng đến ngồi uống rượu ở cầu Nhật Tiên. Sen trong ao mới mọc tốt tươi, màu xanh phơi phới trên mặt nước. Các bác Nghiêu Minh, Quế Nham, Hy Đỗ không biết uống rượu, ngồi bên bàn rượu uống nước trà. Đêm khuya mới trở về chỗ ngụ.

Ngày 14, sáng sớm khởi hành lên núi Hoa Phát. Núi ở phía tả núi Phật Tích, ghềnh đá chật hẹp, kém núi Phật Tích. Trên lưng chừng núi có cái gác chuông, Phật điện là chùa Hoa Phát. Sư nữ trú trì nguyên là vợ người khách họ Phan, tuổi già xuất gia đầu Phật, pha trà thết khách, có cái phong vị chốn kẻ chợ. Đàng sau chùa đi xuống một bậc có cái tháp đá đứng sững. Từ phía tả chùa men đá đi lên đỉnh núi, thấy có một khối đá lớn bằng cái nhà, chênh vênh như muốn lăn xuống. Cạnh khối đá ấy có cái chùa nửa mái, gần đây do người ở Ô Châu quyên tiền dựng lên, quạnh vắng không có ai.

Giờ tỵ từ núi Hoa Phát lên núi Phượng Hoàng. Hình thế núi này như một con chim lớn sà xuống. Giữa mở ra một cái động đá để bầy thờ Phật tượng; hơi lam nặng trĩu, ướt cả áo người vào du quan. Trong động có ba cái hang, hai cái nhỏ mà nông, còn một cái nhớn sâu thẳm không có đáy, tục truyền là có đường thông xuống địa phủ. Cửa động cây cối bà xòa, nhân nhóm lò ngồi nghỉ một lúc.

Giờ mùi giã cảnh trở về phía đông. Đến làng Vân Canh (Từ Liêm), vào ngủ nhờ ở nhà người anh họ ngoại là ông Huyện thừa họ Phạm. Đêm nói chuyện về chùa Phật Tích, ông anh ngoại nói:

- Cụ ngoại tôi là quan Bảng nhãn có bà con gái tức bà cô ngoại tôi, thủa nhỏ mộ đạo Phật, chỉ đòi đi tu. Cụ Bảng tôi ép lấy chồng, bà tự đốt hai ngón tay để tỏ chí. Rồi bà xuất gia tu ở chùa Tiên Lữ, thường sang chơi núi Phật Tích, vào hang Thần Cốc. Hang này tối đen mù mịt, ngày cũng như đêm. Đốt đuốc đi vào ước hai, ba ngày, hãy còn nghe tiếng gà tiếng chó kêu trên đất. Đi vào càng lâu càng thấy cảnh khác lạ, ở một chỗ thấp lõm, thấy những xương người chồng chất, nhũ đá rủ xuống, thành ra vô số hình hiểm quái, người đi thú bò, giường ghế mắc áo, không biết bao nhiêu mà kể.

Bên cạnh đường, có một dòng nước, sắc xanh như lam; một ông lái cắm thuyền đợi khách. Bờ bên kia trời lờ mờ sáng, chợ búa người vật, không khác gì ở nhân gian. Hỏi thăm thì ông lái bảo đó là chợ âm phủ. Do con đường đá đi lên phía trước, gặp một ông già khuyên sư nên trở về. Sư không nghe.

Chợt có một con rắn to bằng cái vựa nằm chắn ngang đường, bấy giờ sư mới chịu quay về. Ra khỏi hang thì tính từ khi đi đã được một tháng hai ngày. Sư là người trì giới rất cao, chắc không nói nhảm. Vì vậy cũng chép câu chuyện ấy vào đây.

Trên này là kể đại lược của cảnh núi, còn những cái gì tai mắt không tiếp xúc đến thì không dám nhiều nhời.

Ngày 15 giờ ngọ,
Đông Dã Tiều Tùng Niên phủ chép.

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ

Kính Phủ

Cụ Thái tể Trung Thuần công nhà tôi xưa đi công cán về, người Mạc bắt giữ lại. Bấy giờ, xa giá về Thanh Hoa, tin tức của triều đình đoạn tuyệt. Thượng thư nhà Mạc là ông Trần Lịch Chiêu, người làng Hoa Thiều cùng huyện, thấy ông là người có nghĩa khí, muốn tha cho, đem qua sở giam, nói chung chiêng là giời sắp sáng.

Cụ hiểu ý, lén bước đi ra. Đến làng An Thường thì quân đuổi theo đã cấp bách, cụ phải trốn vào nhà người, đào hang mà ẩn, đổi lốt người làm mướn, gánh một gánh rau đi. Qua sông Bái, gặp một viên tướng du kích nhà Mạc là Mỗ. Hắn nhìn kỹ rồi mời về nhà, làm rượu khoản đãi. Cụ bỡ ngỡ không hiểu. Chợt viên ấy đưa vợ con ra, lạy mà rằng:

- Năm nọ ngài ở đài sảnh, có người kiện chúng tôi, ngài xử kẻ ấy kiện trái lẽ, đã quên rồi ư?

Bấy giờ cụ mới nhớ ra. Cụ ở đấy mấy bữa rồi viên ấy cũng theo cụ vào Nam (Thanh Hóa).

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

Kính Phủ

Ông Đàm Thận Huy người làng Ông Mặc (Bắc Ninh); bà mẹ là Mỗ phu nhân sinh ra được ông và ông thứ tên là Thận Giản. Trong làng bấy giờ có một ông già người làng Tả Ao, đất Hoan Châu (Nghệ An) đến làm địa lý, nhiều sự ứng nghiệm lạ. Phu nhân nghe tiếng, đến xin đặt hộ ngôi mả chồng. Ông già nhận nhời đặt cho nhưng cố ý trùng trình mãi, đi làm đất những đâu đâu, tối vẫn cứ về ở nhà họ Đàm.

Một khi gặp mưa, ông già bắt phu nhân cõng mình, hai ông xin thay thì ông già không khiến. Phu nhân cũng vui vẻ xin cõng. Đến đêm, ông già lén vào buồng ngủ thì phu nhân chống cự một cách nghiêm nghị. Ông già than rằng:

- Đó thật là một người đàn bà tiết tháo, ta phải đền bồi cho mới được.

Rồi ông già chọn chỗ đất tốt đặt mộ cho. Sau hai ông nối nhau thi đỗ. Gặp khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông trưởng, nhân đương làm Thượng thư bộ Lại, đem quân đánh kẻ nghịch, bị thua mà chết. Triều Lê khi Trung hưng, tặng tước vương và lập đền tiết nghĩa để thờ.

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

Kính Phủ

Ông Lê Tuấn Mậu, người làng Xuân Lôi, huyện Yên Phong (Bắc Ninh) làm quan tiên triều đến chức Đô ngự sử. Bấy giờ Mạc Đăng Dung do đánh vật giỏi mà vụt lên đến quan to. Ông nhiếc hắn rằng:

- Anh đừng cậy sức. Ta rất có thể như thế được, nhưng không thèm làm đấy thôi.

Đăng Dung tức, xin với vua cùng ông thử sức. Ông hăng hái nhận lời, rồi bôi mỡ vào mình, cài kim vào tóc và khố, vật cho Đăng Dung ngã suýt chết.

Khi Đăng Dung cướp ngôi, ông thác bệnh không ra. Y cố mời mãi, ông bảo người đỡ vực ông vào triều, rồi nhổ vào mặt y mà chết.

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

Ông Dương Bang Bản người huyện Thanh Liêm; được ban quốc tính, đổi là Lê Tùng. Tuổi già sinh được cậu con giai, nhờ vợ người phường chài nuôi hộ. Nhớn lên về nhà, nhưng người con giai không thiết học hành, chỉ cứ đi theo nhà phường chài. Ông nghĩ vì tính nết đã quen, không lấy làm lạ. Gặp ngày tiên húy, đương khi ông ở kinh, chiêm bao về nhà thấy những con ma tóc đỏ ngồi chễm chệ ở trên giường thờ, còn ông cha của ông, đai mũ chỉnh tề, nhưng đều đứng giãn ra ngoài cả. Tỉnh dậy nghĩ ra, ông cho tìm khắp chốn.

Nhưng thuyền trôi bè nổi, lênh đênh chẳng biết là về đâu. Nhà phường chài đem công tử đi, nhập tịch ở huyện Giao Thủy. Nhớn lên, công tử đỗ tiến sĩ. Khi vinh quy, người làng bảo nhau rằng:

- Anh chàng ở đâu, sao lại đến ở làng chúng ta!

Công tử nghe nói, dò hỏi những người thân cố, mới biết được gốc rễ.

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

Kính Phủ

Ông Uông Sĩ Đoan khi chưa đỗ, ở rể tại một nhà giàu kia trong làng tôi, sinh được một con giai. Người vợ dữ tợn, hễ thấy bè bạn chồng đến chơi đều đuổi quầy quậy và nói:

- Cái đồ dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, làm gì mà bè bạn bắng nhắng lên thế!

Gặp khoa, ông sắm sửa đi thi, người vợ keo kiệt không chịu cấp hành lý cho đủ. Ông giận dỗi, vùng vằng đi ra. Người vợ đuổi theo lột hết cả quần áo. Ông phải lội xuống ao náu núp. Một cô con gái làng bên cạnh, cùng bà mang vải đi chợ bán, thấy thế bảo bà thử hỏi xem đầu đuôi ra sao.

Rồi xé vải tặng cho để ông đóng khố. Khoa ấy, ông thi đỗ, bèn cưới người con gái nọ làm vợ. Ông làm quan trong triều hơn 60 năm, thọ 99 tuổi. Người con gái ấy được phong là chính phu nhân. Quan Bồi tụng Sĩ Lãng, quan Huyện lệnh Cẩm Giàng Sĩ Thiến, quan Lại bộ lang Sĩ Trạch, đều do phu nhân sinh ra cả.

HÓA HỔ.

Kính Phủ

Mỗ là người Sơn Vi, vào rừng lạc đường, gặp một ông cụ già cởi áo mặc cho và dặn đi sau. Mỗ ngứa ngáy, một lúc đã thấy mình thành một con hổ. Các hổ khác kéo đến cùng mình thân cận, cùng nằm cùng ở, được thịt thì chia cho mình ăn.

Một hôm về nhà, nghe thấy vợ đương khóc, Mỗ thương xót gầm lên. Vợ sợ hãi khua thanh la để dậm dọa, Mỗ sợ phải đi. Mỏi mệt nằm trên một tảng đá, lại thấy ông già đến bảo rằng:

- Cái áo mượn của ta ngày trước, giờ phải trả đây.

Nói rồi cưỡi lên bụng Mỗ lấy gươm rạch rồi lột da, đau đớn tưởng đến chết được. Ông già chợt đi đàng nào mất. Nhìn thì mình lại trở lại là người ngày xưa; vội vã về nhà thì đã sắp đến kỳ giỗ đầu. Vạch lưng ra, trên lưng hãy còn những vết lông.

Chao ôi! Mỗ là hổ mà lại là người, người đấy mà lại là hổ, lạ lùng thật không nói xiết.

ĐỨA CON ĐEN

Kính Phủ

Người con gái ở phố Lai Trào, trấn Hoa Dương, lấy người lái buôn nước Tây đen. Sau người lái buôn về nước, nàng hỏi kỳ tái hội, thì hắn nói:

- Hễ ba năm không thấy sang thì cứ việc đi lấy chồng.

Quá kỳ hạn ấy, nàng đi cải giá về một người là Mỗ, sinh được một con giai, da thịt đen xạm, y như người chồng cũ. Hỏi người biết thì người ta bảo:

- Đó là dư khí hãy còn sót lại, cho nên rợ Hồ có cái tục rửa ruột.

Không bao lâu, người lái buôn đến tìm vợ, thấy đứa con, bèn kiện để đòi lại. Quan xử đứa con về người lái buôn, còn người vợ vẫn thuộc về Mỗ. Sau, nàng sinh mấy đứa con nữa thì đều như thường cả.

HANG NÚI

Kính Phủ

Hồi vào đánh Nam (Đàng Trong), có mấy người lính đi qua trong rừng, thấy một cái hang. Vào xem, ban đầu còn tối đen, nhưng sau sáng rạng dần. Một lúc, thấy trong đó có dân cư, tiếng nói ríu rít, không thể hiểu được. Bọn lính vì đói, phải cướp lấy cái ăn, bọn người kia phải tan chạy cả. Một lúc, họ lại kéo đến rất đông. Bọn lính sợ, phải ra, dùng những tên nhọn vừa đi vừa bắn lại. Về thuật với mọi người, lại kéo vào xem thì đã chẳng thấy gì nữa.

ANH KẺ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

Người chánh lý Mỗ làng Lâm Hộ, huyện Kim Hoa, vốn xưa là một anh ăn trộm. Hồi thân phụ tôi làm tri huyện ấy. Mỗ nhân việc quan đến huyện, kể lại hết những chuyện thiếu thời. Mỗ thường cùng Ất sang ăn trộm ở làng bên cạnh, đêm đi qua trong rừng, bỗng thấy động tâm. Đến làng bên, chia nhau rình ở cổng làng. Ước chừng nửa trống canh, Mỗ chợt nghe thấy tiếng huỳnh huỵch rất lớn, vội chạy lại xem. Một con hổ đương ôm Ất ngồi chồm chỗm. Mỗ nhìn đăm đăm rồi vung tay xông đến đánh trúng trán hổ. Hổ gầm lên mà chạy. Ất thì ngã vật ra đất. Mỗ đến gần nâng đỡ, thấy Ất hơi thở rất yếu, hai má bị cào toạc đến một tấc thịt. Mỗ hỏi thì lúc lâu Ất mới nói:

- Khát lắm!

Mỗ tìm loanh quanh, thấy dưới một mái nhà có rãnh nước nông, bèn dấp vào áo đem lại vắt rỏ cho Ất uống. Tỉnh rồi cõng về, nửa đường thì phương đông đã rạng. Ất khỏi, Mỗ thôi không làm nghề ăn trộm.

Than ôi! Cứu giúp bạn trong khi nguy cấp chẳng tiếc mình, đó là việc làm của những bậc liệt sĩ đời xưa. Nay lại thấy ở trong đám kẻ trộm, thật cũng là lạ lắm.

ÔNG ĐỖ UÔNG

Ông Đỗ Uông người làng Đoàn Tùng đời Mạc. Hồi chưa đỗ, từ kinh đô về, đến huyện tôi. Trời về tối. Trên đường vắng tanh không có ai qua lại. Chợt ở trong đền Thời Cử có mấy chục quân kỵ kéo ra, đuổi theo sau ông. Ông đi nhanh gấp đường, qua làng Hoạch Trạch, gọi lớn: - Bác Hoạch Trạch, cứu tôi với! - Trong đền im lặng. Đến làng Minh Luân, cũng lại gọi như vậy, thần đền xa đáp rằng:

- Em đối với bác Thời Cử là tình cùng huyện, không tiện ra giúp ông anh được, vậy ông anh nên đến cầu cứu với bác La Xá.

Ông theo nhời. Đến La Xá, quả có mấy trăm quân giáp trụ theo ngay nhời gọi mà kéo ra. Quân địch sợ phải rút lui. Về đến làng Đoàn Tùng, ông đốt hương làm lễ ở sân, viết một đạo sớ đem việc ấy tâu lên Thượng đế. Sớ đốt chưa xong, đã thấy giời nổi cơn sấm sét dữ dội. Mưa xuống như dốc chĩnh nước. Đến sáng, nghe người ta đồn đền Thời Cử đã bị sét đánh tan tành rồi. Ông rất mừng thầm. Sau ông thi đỗ Bảng nhãn, sang đời Lê, làm quan đến Thượng thư, phong phúc thần.

TƯƠNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

Tùng Niên

Tướng quân Đoàn Thượng, người làng Hồng Thị, huyện Trường Tân. Đời Lý Huệ Tông vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm giữ riêng một châu ấy. Quan thái sư nhà Trần là Thủ Độ bề ngoài giả vờ giảng hòa, nhưng ngầm truyền lệnh cho Hoài Đạo Hiếu Võ Vương Nguyễn Nộn đem trọng binh đánh úp.

Hai bên đương đánh nhau say sưa, quân Trần lại tự miền Văn Giang đón đánh phía trước. Tướng quân bỏ Nộn, quay về chống với phía tây, bị nhát thương ở cổ gần đứt, phải cởi đai lưng buộc lấy, tức giận hầm hầm, chạy về phía đông. Đến làng An Nhân, có một ông già, đội mũ thắt đai, chắp tay đứng bên đường mà nói:

- Tướng quân là bậc người trung liệt, Thượng đế đã cất dùng đấy.

Lại chỉ một cái gò làng bên mà nói:

- Đấy là nơi huyết thực[67] của ngài, xin đừng bỏ qua.

Tướng quân vâng nhời. Đến chỗ ấy, xuống ngựa, gối giáo mà nằm. Liền có mối đùn đất lấp lên. Dân cư tạc tượng, lập miếu lên thờ. Đến sau, đê sông Nhị vỡ, nước xói đổ miếu. Khi nước xuống, tượng dạt đến làng An Nhân. Làng An Nhân bèn dựng miếu mới để thờ. Miếu dựa sông An Nhân, trước mặt trông ra con đường cái chính đi thông hai tỉnh Đông, Bắc, uy linh hiển hách, người buôn bán qua đường rất là sợ hãi. Một hôm, người coi miếu ấy bỗng ngã lăn ra đất lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi những kỳ cựu trong làng ra bảo rằng:

- Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ vì có đức vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là chính đúng đấy, phải

chờ đón.

Mọi người dạ dạ theo nhời. Hôm sau, ai nấy mũ áo chững chạc đợi ở dưới đền. Mãi đến chiều tối, vẫn chưa thấy gì; mỏi mệt, đã toan giải tán. Chợt bờ bên kia sông có một vị sư, mình mặc chiếc áo lục thù, đằng sau có một tên tiểu đồng theo hầu, đi ngang qua cầu, đến trước cửa đền ngồi nghỉ. Mọi người đốt hương sụp lạy. Nhà sư lấy làm lạ, hỏi. Ai nấy đem lời thần tâu lại. Nguyên bấy giờ vua Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con, tự xưng là Điều Ngự đại sĩ, xuất gia tu ở chùa Yên Tử, bên mình mang một cái lọ, một cái bát, thường đi lại trong các xóm làng, nhiều khi cũng chả ai biết nữa. Tối hôm ấy, dừng bước ở làng An Nhân, nghe câu chuyện thần nhân báo trước, ngài lấy làm thích, bèn ngủ trọ ở đấy một đêm. Ngài giảng bảo thần nhân về lẽ nhân quả, khuyên nên thể theo đức hiếu sinh của Giời, đừng nên làm tai vạ cho những người qua lại. Sớm hôm sau, ngài dậy sớm, trở về kinh sư. Đến tối, bỗng một cơn mưa to gió lớn nổi lên, rồi thần tọa quay mặt về đông. Từ đấy những người đi qua đường, không còn bị tai nạn gì nữa. Lịch triều phong tặng là Thượng đẳng thần. Lũy cũ ở Trường Tân, đến nay vẫn còn.

SÔNG DÙNG

Tùng Niên

Sông Dùng ở huyện Nam Đường (nay là Nam Đàn) là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trầm Châu, đi qua Đại Đồng, Đồng Luân, lướt bên trại Sà Man, bến Phù Thạch mà chảy ra bể. Sóng xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đồng, Đồng Luân, càng nhiều lắm. Bên cạnh những cái vực ấy, có những làng xóm ở đông đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán vận mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần đến bến sông thì mất. Một hôm, có một người giai dân, xuống bến Đồng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát ở trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cưỡi ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng sóng cường mà đi xuống nước cả. Người ấy nín thở, đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lâu đài nổi lên ở giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp khá đông. Lúc lâu, người ấy ngứa cổ không thể nhịn được, dặng hắng lên một tiếng. Lập tức những tòa lâu đài ấy đều chìm nghỉm cả. Rồi có hai con cá lớn bị cụt đầu nổi ở bên sông, nước sông đỏ khé.

Đinh quân, người làng Đại Đồng, quan làm đến tri phủ. Một lần qua chơi bến Rái Cá ở Hải Dương, Đinh quân thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng 63, 64, hỏi mình rằng:

- Ông có phải là người làng Đại Đồng không? Sao tiếng nói giống thế!

Đinh quân nói:

- Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết.

Bà già cười:

- Đại Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, có ông không biết đấy thôi.

Hỏi kỹ thì bà nói:

- Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông, bị thần sông là Giang Đông hầu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì hầu cải bổ vào làm việc ở trấn Đồng Luân, coi vực Đại Đồng. Ngoài những lúc hầu hạ chăn màn, tôi thường lên chợ chơi, tiêu dao ở đấy đã nhiều ngày tháng lắm. À, cha con Thiếu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ? Đó đều là những người hào trưởng trong làng. Thiếu Vệ có người con gái chết đuối đấy phải không?

- Phải.

- Thì chính hầu tôi kén làm vợ đấy. Long cung hay lấy vợ trên trần, thường sai lính tráng đi bắt; cũng một đôi khi các ngài đi bắt lấy nhưng mà rất ít. Ở trấn được năm năm, một lần có cánh bè từ mạn ngược xuống, chở kèm thêm bốn cây gỗ chò. Hầu bụng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử hầu phải đuổi về chỗ cũ. Về đến đây, hầu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt tôi, mấy ngày tôi mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch. Đinh quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyện ấy (Nam Đàn), cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng ngắn, vuốt linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng Nguyên, bữa kia từ Hoan Châu ra kinh, đỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giong buồm về được. Một hôm, người ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư, ghé tai bảo người lái buôn rằng:

- Tôi là quân hầu của thần thuồng luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tản Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đồng Luân hộ.

Người lái vâng nhời, nhổ thuyền xuôi nam. Thuyền đi như tên, chốc lát qua nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đồng Luân. Đến đấy, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy

thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc lâu, nghe văng vẳng thấy tiếng khóc lóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một hộp trầu, trong đó đựng 20 lạng vàng đưa để tạ ơn. Người lái từ chối:

- Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn rất nhiều rồi; tôi đâu dám nhận số vàng ấy.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả lại vàng. Từ đấy, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp sự rủi ro gì cả.

NÚI ĐÔNG LIỆT

Núi Đông Liệt đứng trên bờ đầm, trên đỉnh có một chỗ trũng, tương truyền là vết cũ sao sa, rộng đến hơn một mẫu, nước có khi đầy có khi cạn. Trong núi có bàn cờ đá, cạnh bàn có một lốt bàn chân, to hơn chân người thường. Có một người con gái giẫm chân vào đấy, bụng thấy cảm động rồi có mang, sinh ra một đứa con gái. Đứa con ấy lọt lòng ra đã biết nói, biết quá khứ và vị lai. Tiếng đồn đến triều đình, được vời vào kinh, hỏi việc quỷ thần. Hỏi đâu trả lời ngay đấy. Vì thấy là của quái dị, triều đình lại cho về. Được ba tuổi thì đứa bé chết. Người ta cho là tiên, lập miếu phụng thờ. Nay miếu hãy còn ở dưới núi.

NÚI RẾT

Núi ở giữa khoảng hai châu Hoan (Nghệ An), Ái (Thanh Hóa) có cái miếu thờ làm ngay ở cửa hang. Hằng năm phải lấy người làm vật cúng tế, người làng cắt lượt nhau mà chịu. Họ thường đem vàng bạc đi mua chuộc những người lang thang bốn phương đem về làm vật thế thân. Có một anh nghèo kiết kia, đến lượt phải làm vật tế thần, không biết làm thế nào. Tới kỳ, anh tắm gội sạch sẽ để đi làm vật hy sinh, nhưng trong mình giấu sẵn một con dao sắc. Canh tư, anh ta hăng hái ra đi. Làng tế xong, khóa trái cửa lại rồi về. Anh ta cầm con dao, đứng ở cửa hang chực sẵn. Chừng độ một trống canh, thấy có mùi tanh nồng nặc. Rồi một con rết cực lớn, từ trong hang bò ra. Anh ta giơ dao đâm ngay, chỉ chốc lát thì con rết chết. Từ đấy, không còn cái quái ấy nữa. Núi này nay thành một nơi danh thắng, như là núi Phục Dực.

NỘI ĐẠO TRÀNG

Tùng Niên

Lê triều khi mới Trung hưng, việc binh đao vừa yên, tà yêu quỷ quái nổi lên nhiều, dân gian rất khổ sở. Tại làng An Đông, huyện Quảng Xương, có người tên là Trần Lộc, vốn làm nghề phù thủy. Một hôm đi qua núi Na, nhân đương ngày hè nắng dữ, Trần Lộc ngồi nghỉ ở dưới núi, bỗng ở trên đỉnh núi, giữa khoảng rừng cây rậm rạp, có một ông già đầu bạc phơ, đương đứng ngó xuống mà vẫy. Trần Lộc xắn áo đi lên, giữa trưa thì lên đến đỉnh núi, phục xuống làm lễ bái yết. Ông già vỗ về rằng:

- Nhà ngươi là người thành thực, đôn hậu, Thượng đế khen ngợi, sai ta trao cho những bí quyết.

Bèn ghé vào tai mà bảo cho và nói:

- Đó là những phép Phật thượng không. Nhà ngươi nên siêng năng làm việc tế độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

Nói xong thì không thấy đâu cả. Trần Lộc trông lên trên không mà bái tạ. Rồi đem những phép ấy ra thử dùng thì đều linh nghiệm. Từ đấy nổi tiếng về nghề phù lục[68]. Người ta gọi Trần là Phật Tổ Như Lai, hai con là Tả Hữu Tôn Thánh, người đồ đệ giỏi nhất là Tiền Quan Tôn Thánh, còn những người khác là Bồ Tát, Kim Cương, Minh Sư, Thượng, Trung, Hạ Thặng v.v... Nghe núi Mỏ Diều có một con yêu, thường làm tai nạn cho những khách qua đường, bèn đến để trị. Con yêu vận mặc lối cung trang, giữ trên đầu núi, cùng Tổ sư chống cự ba ngày không phân thua được. Tổ sư tức lắm, phóng một cái quyết lật đổ núi. Yêu hóa làm con quạ bay vút lên giời. Tổ sư lại phóng mấy cái quyết trúng vào mình nó, nó phải sa xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền tây nam, mỗi cửa đều có một thần sóng,

thường làm cho nước bốc cao lên như núi, chốc lát lại tan đi. Thuyền bè gặp phải, không tài nào sống sót được. Tổ sư sai đồ đệ đi bắn, trừ được chín, còn sót lại ba. Xảy có việc phải đi coi nom ở Sùng Sơn nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Thần Tông mắc một bệnh lạ. Có người bảo là cái nhân quả tái thế của vua Lý Thần Tông (xem Lĩnh Nam chích quái). Trong triều ngoài dã đều lo ngại. Đại nguyên súy Thanh Vương tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái tử, xưng Thái thượng hoàng, ở cung riêng để dưỡng bệnh. Trải dùng bùa, thuốc trong mấy năm, không chút hiệu nghiệm gì cả. Nghe tiếng Tổ sư, triều đình sai trung sứ đến vời. Tổ sư nghĩ vì cái yêu khí ở vùng tây nam mới yên, chưa dám rời mà đi vội, cử đồ đệ là Pháp bộ Kim cương đi thay; đấm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồng, truyền xuống dựng đền thờ Nội đạo để tinh biểu69. Kim cương trở về; đường qua làng Bố Vệ. Giữa khi người làng đương làm lễ tế thần, Kim cương đứng đái ở trước đình, bị mấy người trẻ tuổi trong làng tức giận trói lại. Kim cương nói mãi mới được tha ra, bèn bắt một cái quyết trói, rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nấy hai tay chập vào nhau mà ngồi dựa cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giằng ra cũng không được. Cả làng đều kinh ngạc. Có người nói vừa nãy có một vị thuật sĩ vô lễ, người làng trói rồi tha ra, hay là hắn phản chăng? Cho người đi tìm thì chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai triều đình, vua nói:

- Đó là Pháp bộ Kim cương đấy.

Hỏi đến Tổ sư. Tổ sư sợ, trách mắng Kim Cương, rồi bao nhiêu bài quyết đã trao cho, đều thu lại hết, chỉ còn những bài quyết thỉnh Phật và trừ tà là còn để lưu hành ở đời. Ở vùng Giang Bắc, có một phái gọi là Nội đạo tràng, lấy trượng trị bệnh. Đó không phải là phái này.

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

Bà vợ thứ ông Hạo Hiên Nguyễn Kiều là Đoàn Thị Điểm, người đất Giang Bắc, nguyên là em gái ông tỉnh nguyên[70] Đoàn Luân. Bà nổi tiếng là người văn học cùng anh vui trong thú nghiên bút. Nghiễm nhiên, có cái thế là hai nước địch.

Một buổi tối, bà ngồi trước đài trang tô điểm, ông Đoàn thì rửa tay ở trên cầu ao. Ông Đoàn khẩu chiến rằng:

照鏡畫眉，一點翻成兩點

Chiếu kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm[71]

Bà liền đối ngay:

臨池玩月，隻輪轉作雙輪

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.[72]

Ông Đặng Trần Côn mến tiếng, đưa bài thơ đến để xin được vào thăm. Bà cười mà rằng:

- Cậu học trò mới học ấy, bõ gì nói chuyện.

Ông Đặng tức giận trở về, cố chí mài giũa học hành. Sau trở nên một bậc danh sĩ.

Bà kén chồng khe khắt lắm, bao nhiêu người muốn lấy, bà đều không vừa ý. Đến khi đã quá tuổi cập kê, mới lấy ông Hạo Hiên. Trong chốn khuê môn, vợ chồng kính trọng nhau như khách, đương thời lấy làm một chuyện đẹp.

Ông Hạo Hiên mất, những học trò theo học ông lại theo học bà, thành danh được mấy chục người.

Và có làm ra tập Tục truyền kỳ, trong có ba truyện Hải khẩu linh từ, Vân Cát thần nữ, An Ấp liệt nữ, còn lưu hành ở đời.

Người cháu là Mỗ, con gái ông tỉnh nguyên, bà vốn yêu dấu. Người cháu ấy lấy ông Nguyễn Xuân Huy, đốc trấn Sơn Nam. Khi ông Xuân Huy cùng người con giai chết, có câu đối rằng:

泉下承歡，應知君有子

Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử,

夢中對話，誰謂妾無夫

Mộng trung đối thoại, thùy vị thiếp vô phu.

Nghĩa là:

Dưới suối hầu vui, tỏ biết chàng có con.

Trong mộng chuyện trò, ai bảo thiếp không chồng.

Năm bà 78 tuổi, vẫn còn đi lại ở kinh kỳ, mở trường dạy học.

PHẦN II.

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

Kính Phủ

Ông Chu Văn Trinh đời nhà Trần, húy là Văn An, tự là Linh Triệt, hiệu là Tiều Ẩn tiên sinh, người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám.

Đời vua Dụ Tông, dâng bài sớ xin chém bảy người, treo mũ từ quan, về ẩn ở núi huyện Chí Linh, dạy học trò. Sĩ phu đều kính ngưỡng như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu. Quan tư đồ Chương Túc hầu Trần Nguyên Đán có tặng bài thơ rằng:

黼冕桓圭心已灰

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hôi,

風霜安敢困寒梅

Phong sương an cảm khốn hàn mai.

白雲萬疊山扉掩

Bạch vân vạn điệp sơn phi yểm,

紫陌多岐我馬隤

Tử mạch đa kỳ ngã mã đôi.

蕙帳勿驚孤鶴怨

Huệ trướng vật kinh cô hạc oán,

蒲輪好為下民迴

Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.

熙朝社稷天方祚

Hy triều xã tắc thiên phương tộ,

肯使先生老碧隈

Khẳng sử tiên sinh lão bích ôi.

Nghĩa là: Cái lòng mũ đai trâm hốt (tức là lòng công danh) của tiên sinh đã nguội lạnh rồi, thân như một cây mai lạnh, không gió sương nào làm khốn được. Mây trắng muôn đợt cài cánh cửa núi, chỗ tiên sinh ở ẩn; đường trần lắm lối làm cho ngựa tiên sinh chồn mỏi mà không muốn đi. Nằm trong màn huệ, đừng giật mình vì tiếng một con hạc lẻ bay kêu (đó là nói cái cảnh thanh cao của sự ẩn dật), nhưng xe bồ êm ái, tưởng cũng nên vì bọn hạ dân trông cậy vào mình mà quay trở lại. Xã tắc của hoàng triều đương được nhà Trời vùa giúp, lẽ đâu lại để cho tiên sinh già đời ở chốn non xanh.

Ấy, ông được đời kính trọng như vậy.

Đời truyền là khi ông dạy học ở thôn Cung Hoàng, trong bọn học trò có hai người thiếu niên, dung mạo kỳ vĩ, không bao giờ ngồi cùng chiếu với các học trò khác. Có người trông thấy họ đi từ nước lên; ông biết họ là thủy thần. Gặp năm nắng to, ông sai đi làm mưa. Hai người từ chối:

- Thượng đế phong khóa cả sông hồ, không có giọt nào mà làm được.

Ông bảo lấy nước ở cái ao rửa nghiên. Hai người nói:

- Lời thầy dạy không dám trái, nhưng trái ý Thượng đế, sẽ đều phải nghiêm phạt cả.

Hai thiếu niên đi thì một lúc, mưa xuống như trút. Bỗng chốc thấy có hai thân thuồng luồng cụt đầu rơi xuống. Ông thu nhặt lại rồi đem chôn. Nay mả ở ngoài lũy làng, tục gọi mả thuồng luồng.

Sau khi ông mất, người làng nhân chỗ nền cũ nhà học dựng nên đền thờ, lấy những bậc thân sĩ trong làng phối hưởng.

Trong năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích chấp chính, dò hỏi dòng dõi, còn được mười sáu người, thấy đã đổi sang họ Nguyễn và đều ngu độn không biết gì, đều ở vào hạng cùng dân cả. Ông bắt trở lại họ cũ, và chọn một đứa trẻ dạy cho học, muốn sẽ tiến dẫn lên

triều đình, bàn việc phong ấm, như người Tàu đối với dòng dõi Tống Nho là ông Trình, ông Chu. Nhưng chợt gặp biến nên việc ấy lại không làm được.

ÔNG LÊ TRÃI

Ông Lê Trãi thuở tiên triều, hiệu là Ức Trai tiên sinh, nguyên họ Nguyễn. Cha ông là Phi Khanh làm chức Tự khanh, người huyện Phượng Nhãn, thích về phong thủy, nhân dời mả tổ đến táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ tiến sĩ đời nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chưởng. Nhà Hồ mất, ông theo ông Tự khanh tránh loạn ở Côn Sơn, có câu thơ: 夜依半斗望中原 Dạ y Ngưu Đẩu vọng trung nguyên (Đêm lần theo sao Ngưu, sao Đẩu trông về đất nước). Tấm lòng thương thời mẫn thế, thường lộ ra ở những câu thơ vịnh.

Bấy giờ, người làng Hoắc Sa ở Sơn Tây là Trần Nguyên Hãn làm nghề bán dầu, buổi tối qua làng Thụy Hương, vào ngủ ở đền Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Đêm hôm ấy, nghe thấy vị thần ở làng bên cạnh đến rủ vương cùng lên chầu đức Thượng đế. Vương từ chối là nhà có vị quốc công ngủ trọ. Gà gáy, vị thần ấy đi chầu về. Vương hỏi hôm nay thiên đình bàn những việc gì, thần nói:

- Thượng đế nghĩ nước Nam vô chủ, nên có sai Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi.

Trần tỉnh dậy, bèn đi dò tìm được ông, rồi bảo cho biết. Lê Trãi đến hỏi lại thì chiêm bao thấy vương bảo rằng:

- Việc bí mật ở Thiên đình, không dám tiết lộ. Chị Tiên Dung biết rõ cả đấy. Vả lời người đàn bà nói thì Thượng đế ngài không quở trách. Nên đem một mâm vàng sét đến lễ, chị ấy sẽ kể cho mà nghe.

Ông theo nhời, đến cầu bà chúa Tiên Dung, chiêm bao thấy bà gọi mà bảo:

- Lê Trãi! Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi, nhà ngươi còn chưa biết

ư?

Hỏi kỹ thì nói Lê Lợi người ở Lam Sơn, đất Thanh Hóa.

Ông bèn cùng ông Trần đến tìm, thấy Thái Tổ đương mặc áo nâu ngắn, vác bừa từ ngoài ruộng về. Vào ở mấy hôm, nhân khi gặp ngày tiên húy73, nhà Thái Tổ giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu. Thấy Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn; bèn bảo riêng với ông Trần rằng:

- Bà Tiên Dung nói dối ta đây.

Bèn đến đền để đòi vàng lại. Đêm ấy, bà Tiên Dung lại bảo:

- Lê Lợi làm vua, đã có mệnh lệnh nhất định rồi; chỉ có rằng thiên tinh chưa giáng đấy thôi, sao không lại đến mà chờ đợi.

Bấy giờ Thái Tổ đã được quyển binh thư và thanh kiếm thần, đêm nằm đóng cửa mà đọc sách. Ông nhòm trộm, rồi cùng Trần đẩy cửa bước vào. Thái Tổ tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống nói: "Chúng tôi đường xa lận đận tìm đến, chỉ vì minh công là người có thể làm chủ thiên hạ được đấy thôi". Thái Tổ cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên phát động vội. Bèn làm nhà dạy học. Ông chế ra những cái trống con, lại nấu mật đặc, nặn ra những hình con gà con chó, cho lũ trẻ nhỏ làm đồ chơi. Trẻ khác thấy thế, đua nhau nói với cha đến xin theo học. Lại thường lấy mỡ viết khắp lên những lá cây trong rừng rằng: 黎利爲君黎鷹爲臣 Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi).

Sâu kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ. Những người đi kiếm củi thấy thế, cho làm sự thiêng liêng. Người nọ bảo với người kia, nhân thế, kẻ theo về mỗi ngày một nhiều.

Năm Mậu Tuất (1418) dấy quân, trước sau đánh hơn hai mươi trận. Ông thường tham dự vào quân trướng bàn tính mưu lược. Năm Bính Ngọ (1426), đánh ở Tốt Động, quân ta đại thắng, tiến đến áp bức thành Đông Đô74. Thành Sơn hầu nhà Minh là Vương Thông đóng thành cố giữ.

Năm Đinh Mùi (1427) vua Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng, Kiềm quốc công Mộc Thạnh chia đường đều tiến, sang cứu Đông Đô. Vua đánh nhau với giặc ở núi Mã Yên, chém chết Liễu Thăng, bắt sống bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, hơn ba trăm người. Mộc Thạnh đương đêm phải chạy trốn, Vương Thông thì mở cửa thành ra hàng. Vua tha cho được trở về bắc. Từ đấy, hai nước thông hiếu, bao nhiêu giấy tờ đều do ông soạn cả. Khoảng năm

Thiệu Bình, ông làm bài biểu tạ việc thăng quan, có những câu:

Viên môn trượng sách, lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri; hổ khẩu điền thân, quyết hòa nghị nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức.

Nghĩa là: Cửa quân hiến kế, đứng trước tiết lớn mà nửa đời trung nghĩa tỏ hay; miệng cọp dấn mình, quyết việc hòa nghị mà hai nước can qua yên ổn.

Đó là những lời đúng sự thực cả. Vì công lao được ban quốc tính, trao cho chức Vĩnh Lộc đại phu, Nhập nội hành khiển, Tri tam quán sự.

Ông Trần Nguyên Hãn sau tước đến Quốc công, khi mất được phong phúc thần. Nay có đền ở làng Hoắc Sa.

Văn chương của Lê Trãi có khí lực dồi dào. Khoảng năm Thuận Thiên, làm những bài văn như Bình Ngô đại cáo, Bia Thần Đạo ở Vĩnh Lăng tại Lam Kinh; đều có chép ở sách Thực lục, không cần phải thuật ra đây cho thừa nữa. Khoảng năm Thiệu Bình, nhà vua tặng bà Chiêu Nghi làm Hoàng thái phi75, ông phụng mệnh thảo bài chế rằng:

朕惟

Trẫm duy

克敬惟親

Khắc kính duy thân,

遹追來孝

Duật truy lai hiếu.

撫高帝艱難之業

Phủ Cao đế gian nan chi nghiệp.

惟中閨翊亮之勤

Duy trung khuê dực lượng chi cần.

載敭大號於朝廷

Tái dương đại hiệu ư triều đình,

用妥淑靈於幽寂

Dụng thỏa thục linh ư u tịch.

具位某

Cụ vị mỗ,

秉持懿德

Bỉnh trì ý đức,

經事先朝

Kinh sự tiên triều.

遭板蕩之乾坤

Tao bản đãng chi càn khôn,

共櫛沐其風雨

Cộng trất mộc kỳ phong vũ.

奉承箕箒，無忘洒掃之心

Phụng thừa cơ trửu, vô vong sái tảo chi tâm,

紉補衣裳，期盡彌縫之益

Nhận bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích.

一心在御

Nhất tâm tại ngự,

十載靡虧

Thập tải mỹ khuy.

芒碭雲氣，睢水風沙，允備嘗於險阻

Mang Đường vân khí, Tuy Thủy phong sa, doãn bị thường ư hiểm trở,

摶沱麥飯，藁亭豆粥，常相助其渴饑

Hô Đà mạch phạn, Lâu Đình đậu chúc, thường tướng trợ kỳ khát

cơ.

致鰲極之奠安

Trí ngao cực chi điện an,

多鷄鳴之儆戒

Đa kê minh chi cảnh giới.

方母后不幸而升逝

Phương mẫu hậu bất hạnh nhi thăng thệ,

獨朕身有賴其扶持

Độc trẫm thân hữu lại kỳ phù trì.

深懷顧復之恩

Thâm hoài cố phục chi ân,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

粵考成周之遺制

Việt khảo Thành Chu chi di chế,

宜加太妃之新封

Nghi gia Thái phi chi tân phong.

于以彰保佑之功

Vu dĩ chương bảo hựu chi công,

于以盡哀榮之禮

Vu dĩ tận ai vinh chi lễ.

於戲

Ô hô!

諱翟命服，流輝無間其存亡

Húy địch mệnh phục, lưu huy vô gián kỳ tồn vong,

馬臘漏泉，賁飭有光於溟漠

Mã lạp lậu toàn, bí sức hữu quang ư minh mạc.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Đối với đứng thân, trước nên hiếu kính. Giữ cái cơ nghiệp trải mấy gian nan mới dựng nên được của đức Cao hoàng đế, tất nhớ công siêng năng giúp đỡ của đức bà trong chốn khuê môn. Vậy phải tôn xưng hiệu lớn ở triều đình, để thỏa hồn linh thiêng ở nơi u tịch. Đức bà Mỗ, cầm giữ đức tốt, trải thờ tiên triều, gặp buổi trời đất chông chênh, từng cùng đức vua tắm gội mưa gió. Nâng khăn sửa túi, vá áo khâu xiêm, một lòng không sai, mười năm chẳng thiếu. Đức Cao hoàng từng trải những bước hiểm nghèo như vua Hán Cao, nào mây ráng ở Mang Đường76, nào gió cát ở Tuy Thủy77; lại từng trải những khi đói khát như vua Quang Võ, nào cơm chiêm ở Hô Đà78, nào cháo đậu ở Lâu Đình, đều có đức bà chia sẻ và giúp đỡ cả. Rồi đến ngôi lớn được đặt vững, phần nhiều nhờ công bà săn sóc sớm hôm. Đương khi đức mẫu hậu không may về giời, chính trẫm được nhờ đức bà dìu dắt. Nhớ đến ơn ôm ấp, dám nhãng việc truy sùng79. Vậy xét theo phép của nhà Thành Chu, tôn phong bà làm bực Thái phi, để tỏ công phù trì, để hợp lễ thương kính. Chao ôi, áo xiêm dâng tiến vinh quang chẳng cứ khi mất còn; nấm đất vun bồi, rực rỡ đến tận cõi minh mạc”80.

Khi tặng bà Chiêu Nghi làm Trinh Ý nguyên phi, ông phụng soạn bài chế rằng:

朕惟

Trẫm duy,

聖人制禮，道莫大於親親

Thánh nhân chế lễ, đạo mạc đại ư thân thân,

朝廷推恩，義尤敦於貴貴

Triều đình suy ân, nghĩa vưu đôn ư quý quý.

載頒制綍

Tái ban chế phất,

用貢幽扃

Dụng bỉ u quynh.

具位某

Cụ vị mỗ,

淑愼柔嘉

Thục thận nhu gia,

端貞靜一

Đoan trinh tĩnh nhất.

當乾坤草昧之際

Đương càn khôn thảo muội chi tế,

形宮壺勤儉之風

Hình cung khổn cần kiệm chi phong.

靈山之糗糞艱難，尤資主饋

Linh Sơn chi khứu phấn gian nan, vưu tư chủ quỹ,

凜露之衣裳襤褸，正賴彌縫

Lẫm Lộ chi y thường lam lũ, chính lại di phùng.

每念佐輔先朝之功

Mỗi niệm tá phụ Tiên triều chi công,

豈忘保佑冲人之德

Khởi vong bảo hựu xung nhân chi đức.

時方大定

Thời phương đại định,

人已云亡

Nhân dĩ vân vong.

欲伸至孝之情

Dục thân chí hiếu chi tình,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

是用擢眞三妃之列

Thị dụng trạc chân tam phi chi liệt,

以昭異數之榮

Dĩ chiêu dị số chi vinh.

於戲

Ô hô!

生養雖殊，恩有同於罔極

Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư võng cực,

死生無間，默佑於永終

Tử sinh vô gián, kỳ mặc hựu ư vĩnh chung.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Thánh nhân đặt lễ, đạo không gì trọng hơn thân mến người thân. Triều đình ra ân, nghĩa chẳng gì hậu hơn quý trọng bậc quý. Vậy ban chế sách để làm sáng rọi cõi tối mờ. Đức bà Mỗ, người vốn đứng đắn, dịu dàng, đoan trang, tĩnh nhất. Đương khi trời đất còn mờ tối, đã tỏ ra phong cách cần kiệm của chốn cung vi. Khi ở núi Linh Sơn, lương thực gieo neo, từng nhờ lo chạy. Buổi ở trại Lẫm Lộ, áo xiêm rách rưới, vẫn cậy khâu may. Những nhớ đến công giúp rập tiên triều, lại không quên đức bù trì tiểu tử. Buổi vừa bình định, người đã qua đời. Tình chí hiếu muốn tỏ ra, lễ truy sùng phải nhớ đến. Vậy tôn bà lên hàng ba vị hậu phi để tỏ sự vinh quý đặc biệt. Chao ôi, sinh nuôi dẫu khác, ân khôn cùng chính cũng như nhau, vậy dù lúc sống hay lúc thác, xin cũng che chở hộ trì cho mãi mãi.

Đó đều là những bài văn đọc rất khoái trá miệng người cả.

Có lần, bị lỗi phải hạ ngục, nhưng ông lại được tha ra ngay. Lần

thăng lên đến Tả gián nghị đại phu, kiêm Hàn lâm thừa chỉ học sĩ, tước Tế Văn hầu. Tính điềm đạm có chí ẩn dật, thơ tặng bạn có hai câu rằng:

身外浮名烟閣迥

Thân ngoại phù danh yên các quýnh,

夢中花鳥故山知

Mộng trung hoa điểu cố sơn tri.

Nghĩa là: Gác khói cao thẳm để ghi công, đó chỉ là cái phù danh ở bên ngoài, thực mình vẫn mộng tưởng về chốn núi xưa thấy những hoa nở chim kêu, có núi xưa biết đấy.

Ông có cái biệt thự ở Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên (tức Lệ Chi viên). Cuối năm Thiệu Bình, ông lên đợi mệnh Bắc triều tại cửa Nam Quan. Bấy giờ Thái Tông hoàng đế đi Bắc tuần, ngự giá đến chơi Tiêu Viên, rồi đêm hôm ấy mất. Người ta bảo vợ ông là nàng Nguyễn Thị Lộ đã làm sự thí nghịch, ông vì thế mắc nạn, cả một nhà không kỳ nhớn bé đều bị giết.

Khi xưa, trận đánh quân Minh ở núi Mã Yên, quân ta bắt được Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc. Hoàng giỏi xem phong thủy, khi ở nước ta đi xem khắp các kiểu đất và có biên ghi cả.

Đến nay Hoàng bị bắt, vì là một kẻ tù binh, nên ông Nguyễn81 không cần kính trọng. Hoàng cười bảo rằng:

- Mả tổ nhà tôi có Xá Văn tinh, nên dù có nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi; không như mả nhà ông có vạ tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng được tha về, mà ông thì vì vợ mà phải tội. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị Khê, huyệt táng ở ruộng bằng phẳng, người thì cho là cách tướng quân mở cờ, người thì cho là hình tướng quân cụt đầu. Về phương Mùi, có cái gò Rùa, đuôi nó phản lại. Trong bản Kiểm ký của Hoàng Phúc nói rằng: "Nhị Khê mạch đoản, họa thảm tru di" chính là trỏ vào đấy vậy.

Đời truyền khi chưa hiển đạt, ông ở làng Nhị Khê dạy học trò, một hôm trỏ cái gò ngoài đồng bảo học trò rằng:

- Ngày mai các anh dọn cái gò ấy để thầy làm cái nhà học nhé!

Bọn học trò vâng nhời. Tảng sáng hôm sau, ông nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến nói:

- Tôi mình yếu mà con còn nhỏ, xin hãy khoan cho ba ngày để tôi được dời đi nơi khác.

Tỉnh dậy, ông ra đồng xem, thấy học trò đã dọn cái gò xong rồi. Họ bắt được hai quả trứng, hỏi duyên cớ thì họ nói:

- Vừa rồi thấy một con rắn, chúng con đánh nó cụt đuôi.

Ông cầm hai quả trứng đem về giữ gìn. Đêm hôm ấy, giong đèn đọc sách, thấy một con rắn trắng leo trên câu đầu, nhỏ giọt máu xuống đúng vào chữ đại 代 là đời ở trên trang sách. Vết máu thấm xuống ba tờ giấy. Ông nghĩ ra mà rằng:

- Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau.

Trứng rắn nở ra được hai con, một dài, một ngắn. Ông sai đem thả xuống sông Tô Lịch ở làng bên; nay những rắn ấy làm thần sông.

Khi ông hiển đạt, thường mỗi ngày ở triều đình về, qua phố Hàng Chiếu, ông gặp một người con gái nhan sắc rất đẹp. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu Bình, người ấy thường đi lại vào trong cung cấm. Vua Thái Tông cho làm chức nữ học sĩ. Đến khi vua thăng hà, triều đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là do ông xui. Vì thế nên ông phải tội. Khi lâm hình, người con gái ấy hóa làm con rắn mà bò xuống nước mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn Nam, ở ẩn nhà người, rồi sinh ra được một người con giai là Anh Võ. Sau lâu, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ của ông. Khoảng năm Quang Thuận vua Thánh Tông lên nối ngôi, thương ông là oan, xuống chiếu tẩy tuyết, truy tặng là Thái sư Tuệ quốc công. Dò hỏi dòng sau, mới tìm được công tử đem về. Nhớn lên, Anh Võ trải làm quan ở đài ở sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Tàu. Khi qua hồ Động Đình, thấy trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Ông khấn xin cho đi xong việc nước, sóng gió mới im. Sau khi đi chầu vua Tàu về, đến hồ Động Đình, thuyền bị úp sấp mà chết đuối. Ông được truy tặng đến Thái sư Sùng quốc công.

Trong năm Cảnh Hưng, làm sổ dân chính, triều đình bàn muốn rút bớt ân trạch đối với những công thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông, quan Thị lang bộ Hộ là Bảng nhãn Lê Quý Đôn xé đi mà nói:

- Kẻ loạn thần tặc tử ấy, lại còn cáo sắc gì nữa!

Nói chưa dứt lời thì đã nằm xuống ngủ lịm đi, thấy hai người lính đến bắt đem đi một nơi, chung quanh có tường bao vây, những cây cổ thụ lớn đến hàng mười người ôm, trên điện có mấy chục cái ghế bành, hành lang phía hữu đặt một cái giường, trên giường ngồi một vị quan văn, đội mũ phốc đầu, mặc áo bổ phục, hai bên tả hữu có những người hầu nghiêm túc. Lính điệu ông Bảng nhãn vào, bắt quỳ xuống dưới thềm. Vị văn quan ngồi trên giường quát lớn lên rằng:

- Ta là Tế Văn hầu đây! Nhà ngươi là một gã tiểu sinh sơ học, sao dám càn rỡ xúc phạm đến bậc huân cựu của tiên triều. Tội đáng chết, không tha thứ được.

Ông Bảng nhãn nín hơi không dám ngẩng mặt lên trông. Cạnh đấy có một viên, khăn áo chững chạc, nài xin hộ. Lúc lâu, Tế Văn hầu mới nguôi mà nói:

- Công danh sự nghiệp của ta, cố nhiên không thèm so sánh với nhà ngươi. Duy ngày thường ngươi vẫn lấy khoa bảng kiêu căng, vậy thử về đọc bài Bình Ngô đại cáo của ta, nếu văn ngươi có hay hơn thì xé sắc của ta cũng đáng.

Tỉnh dậy, ông Bảng nhãn vội phải viết giả đạo sắc như cũ. Các công thần nhân thế không bị rút bớt ân trạch.

Ôi! Ông là người có những huân liệt[82] như thế mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị tru di hầu hết. Chó cỏ, rồng đất[83], vẫn là mối than chung từ xưa đến nay. Đáng buồn vậy thay!

ÔNG BÙI CẦM HỔ

Ông Bùi Cầm Hổ, người làng Đậu Liêu, huyện Thiên Lộc[84], học rộng và có tài kinh bang tế thế. Khi ông chơi ở kinh đô, có một người lái đi buôn xa về, người vợ nấu canh lươn cho ăn rồi chết, bởi có thứ lươn giống rắn và có nọc độc, có thể làm chết người được. Quan tòa xử người vợ ấy vào tội. Ông biết là oan, cố sức biện bạch, việc ấy được tỏ rõ ra. Vì thế, được triệu dùng làm quan trong triều. Đình thần thấy ông làm nên, không do thi cử, nên nhiều người không phục. Gặp khi có kỵ ở Thái miếu; định giờ làm lễ định vào trước lúc giời sáng. Theo lệ thì trăm quan hôm ấy phải đến họp ở hành lang Thái miếu từ hồi nửa đêm, nhưng ông một mình lại đến túc trực từ giờ Dậu là tối hôm trước. Đêm hôm ấy, mưa to gió lớn. Chốc lát ngự giá tới nơi; trăm quan chưa một ai đến cả. Vua nghĩ là lễ lớn không nên đổi lại giờ khác, sai ông kiêm làm cả mọi việc. Một mình ông tới lui ở chỗ cái chén, cái nậm, hết thảy đều đúng lễ. Bấy giờ những thuộc viên bộ Lễ ý định chơi khăm, đốt trầm trong lư hương lại không lót gio ở dưới. Ông rút chiếc khăn ướt trong túi để lót dâng đến trước vua, tâu là lư hương nóng xin lấy khăn đỡ; lui xuống vẻ mặt vẫn bình tĩnh. Lúc đọc chúc, cây nến ở trên điện bỗng tắt, ông cứ đọc mò, không sai một chữ nào cả. Đốt được lửa lên thì ông đọc đã xong. Vua nhân thế khen tài. Trong năm Thái Hòa, làm quan đến Ngự sử trung thừa, lĩnh chức Yên phủ trấn Lạng Sơn rồi thăng lên Tham tri chính sự. Làng ông ở giáp bể, ven núi, thường khổ về nạn nắng và lụt. Ông bèn men theo núi Hồng Lĩnh xếp đá làm cái đập, rồi khơi dẫn nước ngòi cho quanh queo chảy vào đồng ruộng, như kiểu kênh đào đời xưa. Cái ngòi ấy đào thành, tưới dội cho được hơn nghìn khoảnh ruộng, lợi cho người làng nhiều lắm.

Khi mất, người ta lập đền thờ ở dưới núi Bạch Tỵ và được phong là phúc thần. Cuối đời Cảnh Hưng, miền Hoan Châu[85] loạn lạc, duy đất ấy vì không lợi cả về quân bộ lẫn quân ky, nên riêng được yên ổn.

THƠ MA

Kính Phủ

Chùa Nguyệt Đường gần trấn Hoa Dương là một nơi đô hội. Gần đây, có một người học trò qua chơi, thấy trên vách có đề một bài thơ tứ tuyệt rằng:

幾年不到月堂門

Kỷ niên bất đáo Nguyệt Đường môn,

上剎依依鎖淚痕

Thượng sát y y tỏa lệ ngân.

宿草墳前妻妹恨

Túc thảo phần tiền thê muội hận,

荒邱一壘葬三魂

Hoang khâu nhất lũy táng tam hồn.

Nghĩa là: Đã mấy năm nay không đến chùa Nguyệt Đường, cảnh chùa còn nguyên phong ngấn lệ. Cỏ cũ trước mồ, mọc lên hỏi nỗi hờn của vợ và của em gái, một cảnh bãi hoang chôn vùi ba cái hồn.

Lời rất thê thảm, ngờ rằng đó là lời thơ ma.

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

Tùng Niên

Ông Phạm Ngũ Lão người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào. Nhà mấy đời vẫn làm nghề nông. Ông mặt mũi khôi ngô, có văn tài võ lược. Nhà ông ở gần đường cái quan, thường ngồi xếp bằng vót nan ở bên đường. Nhân khi đức Trần Hưng Đạo từ dinh Vạn Kiếp về kinh, quân đi trước đến nơi, quát đuổi đứng dậy. Ông vẫn ngồi im không cựa cậy. Quân lấy ngọn giáo đâm vào đùi; ông vẫn cứ ngồi yên như cũ. Rồi xe ngài đến. Ngài lấy làm lạ hỏi. Ông thưa rằng:

- Tôi đương mải nghĩ một việc nên không để ý đến.

Ngài càng lạ. Hỏi đến sự học thì kinh truyện thao lược, ứng đáp rất đâu ra đấy. Ngài sai lấy thuốc rịt vào chỗ bị đâm, rồi cho đi một chiếc xe sau đưa về, tiến lên triều đình, cho coi quân Cấm vệ. Vệ sĩ không phục, tâu xin cùng ông so đọ. Ông bằng lòng, nhưng trước khi so đọ, xin phép về nghỉ nhà ba tháng. Về nhà, ngày ngày ông ra cái gò lớn ngoài đồng, đứng cách một tầm mà nhảy lên. Nhảy mãi đến nỗi cái gò phải trụt thấp xuống mất một nửa. Hết hạn nghỉ, ông lại trở lại Cấm thành, cùng bọn vệ sĩ so đọ tài nghệ. Tay đấm chân đá, đi lại vùn vụt như bay, nghìn người không thể kháng cự nổi, ai nấy đều phải phục tài cả.

Bấy giờ, tù trưởng Ai Lao đem hơn một vạn con voi kéo sang cướp phá các trấn Hoan, Diễn; đi đến đâu thì quân bộ, quân kỵ của ta đều phải vỡ chạy. Triều đình sai ông đi đánh. Ông truyền cho những dân ngoài biên, làng nào cũng phải chặt những khúc gốc tre dài năm, sáu thước, để tích sẵn đấy. Khi gặp giặc, ông xua quân đứng lùi lại, một mình đi chân không vào, vớ những khúc tre mà đánh vào chân voi. Voi đau, kêu rống lên rồi chạy tán loạn. Quân Ai Lao đương đêm phải trốn.

Đức Hưng Đạo Vương hai phen đánh giặc Hồ Nguyên, ông cũng có giúp sức được nhiều.

Ông trải làm đến Điện súy Thượng tướng quân, khi mất được phong làm phúc thần, dựng miếu thờ dựng ở ngay chỗ nền nhà cũ.

Ông thường có thơ rằng:

橫槊江山恰幾秋

Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,

三軍貔虎氣吞牛

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu.

男兒未了功名債

Nam nhi vị liễu công danh trái,

羞聽人閒說武候

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

Nghĩa là: "Cầm ngang ngọn giáo giữa non sông đã trải mấy thu, ba quân như hùm như sói có cái khí hùng muốn nuốt cả sao Ngưu. Làm người con giai mà không giả xong nợ công danh, sẽ phải hổ thẹn khi nghe người ta nói đến chuyện Gia Cát, Vũ hầu". Cái khí khái của ông thủa sống thế nào, nay xem bài thơ cũng có thể tưởng tượng thấy được.

Gần đây ông Phạm Quý Thích ở bên làng láng giềng, làm bài thơ đề miếu ông, có những câu:

三朝事業餘編在

Tam triều sự nghiệp dư biên tại,

萬古江山一槊橫

Vạn cổ giang sơn nhất sóc hoành.

Nghĩa là: Sự nghiệp ba triều trong sử sách còn chép, non sông muôn thủa một ngọn giáo cầm ngang.

Lại có câu:

書生亦有吞牛志

Thư sinh diệc hữu thôn Ngưu chí,

惆悵遺吟和不成

Trù trướng di ngâm họa bất thành.

Nghĩa là: Kẻ thư sinh này cũng có chí nuốt sao Ngưu, nhưng buồn thay bài thơ của ông muốn họa mà không thành được. Đó là những nhời làm ra vì mối sở cảm vậy.

THI HỘI

Tùng Niên

Từ hồi Trung hưng trở về sau, mỗi khi gặp khoa thi hội nào, ngày vào trường (kỳ) thứ nhất, sáng sớm từ đầu trống canh năm, trong ngoài đã phải chỉnh túc86 đâu đấy. Tờ mờ sáng, hoàng thượng ngự ra với sự tiền hô hậu ủng đến điện Giảng Sách, hoặc gọi là điện Thi. Soái phủ (chúa Trịnh) đến trước ngự tọa làm lễ tham yết. Hoàng thượng đứng dậy, truyền miễn lạy và cho ngồi. Trăm quan đội mũ phốc đầu, mặc áo bổ phục, đi hia, đóng đai chững chạc, chầu hầu chung quanh. Thị thần soạn đầu bài thi, tiến trình, rồi quan Khâm sai chịu mệnh mà đi ra cửa, ngồi kiệu che lọng vào trướng, ra đầu bài thi. Gần trưa thì ngự giá về cung. Đến trường thứ hai, trường thứ ba, trường thứ tư, thì Súy phủ đi thay. Các quan chỉ phải chít khăn, mặc áo rộng xanh, đi giày buộc dải, làm lễ, bốn lạy dâng đầu đề, rồi quan Khâm sai chịu mệnh đi ra như trường thứ nhất. Trải qua các triều, vua chúa đều coi làm thường lệ.

Đến khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng, Thành Tổ Thịnh Vương (Trịnh Sâm) đến điện Giảng Sách, truyền chỉ cho trăm quan mũ áo triều yết phải như khi Hoàng thượng ngự ra xem thi. Quan Thượng thư Nguyễn Bá Lân chỉ mặc đồ thường phục, làm lễ bốn lạy, khải lên nói: "Các đấng liệt thánh tiên vương, xưa nay vẫn giữ đạo tôn phù nhà vua, truyền dõi trải hơn hai trăm năm; nay một sớm đổi thay, sợ làm kinh hãi cho sự xem nghe của mọi người.

Nguyễn Hoãn là Sư phó đại thần, không biết uốn nắn cho chúa đi vào đường chính, lại còn xin chém đầu ông Nguyễn Bá Lân để tạ thiên hạ. Chúa không vui lòng, bèn hồi loan.

Tối hôm ấy, một người học trò ở trong trường ra, ngủ gà nằm phục ở bên ngoài điện; đêm nghe thấy trong điện có tiếng người nói:

- Ba giường87 đã đứt, nhà Lê còn bền được sao!

Bừng dậy tìm xem. Trong điện vắng vẻ, chẳng có một ai cả, bèn ra về. Sau khi vạc đổi, người ấy mới kể câu chuyện này với những người quen thuộc.

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

Tùng Niên

Đất làng Đa Ngưu, huyện Văn Giang trấn Kinh Bắc, nhà phong thủy vẫn bảo là kiểu đất đẹp, hình trâu nằm. Trong tập Địa kiềm của Cao Biền có câu: "Thấy dây thì dừng, gặp cỏ thì ngừng", chính là trỏ vào đó vậy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, có một họ to kia, nhờ thầy tìm đất tốt để táng, đào phải cái huyệt trong quan ngoài quách, sơn son đỏ chói, trên khắc bốn chữ "Đào Khản chi mẫu", nghĩa là mẹ của Đào Khản88. Việc đến tai Súy phủ. Súy phủ sai quan đến xét rồi lại lấp nguyên giả như cũ.

Xét mả mẹ Đào Khản, đời truyền khi ông có tang, có người khách đến viếng, trỏ chỗ đất trâu nằm bảo là nên táng. Việc ấy có chép ở trong sử ký nhà Tấn, rành rành đủ làm chứng cứ. Chưa từng nghe thấy nói là chôn ở cái gò đất hình con trâu nằm. Vả lại, mả mẹ mà lại ghi mượn tên con, cũng là việc chưa từng thấy. Hẵng cứ chép vào đây để đợi người biết.

Năm gần đây, con sông Ứng Mộ ở huyện Vĩnh Lai, nước chảy xói sâu vào một cái gò lớn làm bật ra một cỗ quan tài sơn son thếp vàng, trên có dòng chữ: "Phục Ba tướng quân chi thiếp" nghĩa là vợ lẽ quan Phục Ba tướng quân. Lại ở một làng thuộc xứ Sơn Nam cũng vậy. Nhân phụ chép vào đây.

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

Thành Thăng Long đắp từ đời vua Lý Thái Tổ. Hồi ấy nhà vua xuống lệnh rất là nghiêm khắc, những học trò ở trường Quốc học cũng đều phải ra cuốc đất đội sọt cả. Phạm sinh tên là Khởi Trương, người yếu ớt, không kham nổi việc nặng nhọc, ngã lăn ra ở bên cạnh cửa Đông Hoa, bị phu tráng đắp chồng lên. Sau mấy tháng, người vợ mới ở nhà quê lên, ngoảnh vào tường thành mà gào khóc ba ngày không dứt. Bỗng nhiên thành đổ, Phạm sinh lộ ra, mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sống, ai trông thấy cũng phải kinh dị. Việc đến tai triều đình, sai dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, đến nay hãy còn. Gần đây người ta bảo là miếu Cửa Đông ở thành Lạng, đó là ngoa truyền89.

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

Tùng Niên

Tháng Quý hạ90 năm Mậu Ngọ (1798), vợ chồng anh Mỗ, người làng Kim Ngưu, huyện Văn Giang, cùng nhau gánh rơm cỏ nát ra đồng để phủ khoai. Buổi trưa, bỗng thấy một người đàn ông to lớn, cao hơn một trượng, mặt đỏ như gấc ở trong một ngôi chùa giữa đồng, đi ra, lôi người đàn bà vào. Mỗ vừa chạy vừa kêu, về đến cổng làng thì người làng kéo ra rất đông, cùng Mỗ đến cái chùa ấy. Mọi người vào chùa, thấy người đàn bà đương đứng dựa cột ở gian bên hữu phía trước Phật điện, mê mệt như say; còn pho tượng Già Lam thì sắc mặt thốt nhiên biến đổi, trên tay hữu còn phủ một cái khăn vuông của người đàn bà. Ai nấy kinh dị, bèn đạp đổ pho tượng mà phá hủy đi.

BIA NÚI THÀNH NAM

Kính Phủ

Thành Nam ở Tương Dương thuộc phủ Trà Lân trấn Nghệ An, xây đắp về đời nhà Trần. Vì thành ở phía nam sông lớn, nên gọi là Thành Nam. Cách thành một quãng, có cái núi gọi là núi Thành Nam. Vua Minh Tông nhà Trần đi thân chinh Ai Lao, xa giá về đến Kiềm Châu, sai từ thần là ông Nguyễn Trung Ngạn đẽo đá ghi công. Chính là chỗ ấy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, Mường Thai kết liên với Lèo Lung đánh phá Ai Lao, bức bách đến Trấn Ninh. Quan Đốc đồng Bùi Huy Bích phụng mệnh đi kinh lý việc biên, dừng xe ở Tương Dương, thường trèo lên núi xem bia. Chữ bia khắc to bằng bàn tay, sâu đến một tấc. Ông Bùi lấy mực đặc quét vào để in. Nay chép bài văn bia ấy như sau:

"Vị vua thứ sáu triều Trần nước Việt là Chương Nghiêu Văn Triết Thái thượng hoàng đế, ơn giời quyến cố, gồm có cả đất trung hạ, trong bể ngoài bể, chẳng đâu là chẳng thần phục. Vậy mà Ai Lao là một xứ nhỏ mọn, còn dám trái với đức hóa nhà vua. Năm Ất Hợi (1335), vua thân đem hai đạo quân, đi tuần ở bờ cõi phía tây. Thế tử nước Chiêm Thành, bầy tôi nước Chân Lạp, nước Tiêm La, tù trưởng dân Mán là Sái-cầm-xa-lặc, tù trưởng Lâm Bồn mới quy phụ là Xa-man, đâu đấy đều dâng đồ phương vật, tranh nhau đến xin vào bái kiến. Duy có nghịch Bổng giữ lỗi, sợ tội, chưa chịu đến chầu. Tháng Quý đông91, vua đến đóng ở bãi Cự Đồn tại Mật Châu, sai các tướng và quân man di kéo vào nước nó, nghịch Bổng phải trông chiều gió mà chạy trốn. Bèn xuống chiếu hồi quân. Niên hiệu Khai Hựu năm thứ 7, Ất Hợi mùa đông, ngày tháng 12 nhuận, khắc đá".

CỤ THÁI TỂ TÔI

Kính Phủ

Cụ tổ tám đời nhà tôi là quan Thái tể Trung Thuần, húy Thực, người làng Vân Điềm, huyện Đông Ngạn. Đời ông của người, húy là Bồn, tặng phong Thái bảo, Duyên Phúc hầu. Thuở trẻ, trong làng có viên nội thần Mỗ mời thầy địa lý đến xem đất, điểm một cái huyệt. Hầu đi chăn trâu trông thấy, bụng ghi nhớ lấy. Sau Mỗ táng ở chỗ khác, Hầu rước tiên phần đến táng ở huyệt này. Ông Thái tể thuở nhỏ chăm chỉ học hành. Bấy giờ quan Thượng thư Đàm Cư ở làng Ông Mặc cùng huyện là người được hưởng phong ấp ở Vân Điềm, thường xem ngôi đất ấy, biết rồi ông sẽ làm nên, bảo người lý trưởng nên miễn những tạp dịch cho ông để ông được chuyên vào việc học. Không bao lâu, ông đi du học về, cùng người trong làng làm việc cho ông Đàm. Ông Đàm trông thấy, hỏi tuổi rồi ra câu đối rằng:

十八力能擡土

Thập bát lực năng đài thổ

Nghĩa là: Mười tám tuổi có sức khuôn vác được đất.

Ông liền đối:

九五龍飛在天

Cửu ngũ long phi tại thiên

Nghĩa là: Hào cửu ngũ tượng rồng bay trên giời.92

Ông Đàm khen ngợi:

- Gã này, mai sau ta sẽ không thể theo kịp được.

Ông Đàm bèn vào nhà trong bàn việc hôn nhân, rồi đem người cháu gái (cháu gọi bằng ông) gả làm vợ ông. Bà ấy sau được phong là Quận phu nhân; ông tổ bảy đời tôi là quan Thái phó Cung Ý, húy Nghi, chính là do bà sinh ra vậy.

Khoa Ất Mùi niên hiệu Quang Hưng thứ 18 (1595) đời vua Thế Tông nhà Lê, là khoa thi thứ nhất của đời Trung hưng, ông thi đỗ Đình nguyên đệ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan đến Tán tri Dực vận công thần, Hộ bộ Thượng thư, Thái phó, Lan quận công, về trí sĩ. Khi mất, được tặng Thái tể và ban tên thụy là Trung Thuần. Con là ông Cung Ý đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) niên hiệu Hoằng Định, làm quan đến Thiếu phó Dương quận công, khi mất tặng Thái phó, ban tên thụy là Cung Ý.

Thuở còn hàn vi, ông (Thái tể) cùng ông Trúng thức93 ở làng Ông Mặc, là Đàm Nhị, đến nằm cầu mộng ở đền Chân Võ, huyện Yên Phong. Ông nằm chẳng thấy gì, duy ông Đàm thấy bài thơ rằng:

言覃玉耳夢詳明

Ngôn đàm ngọc nhĩ mộng tường minh,

第一開科第一名

Đệ nhất khai khoa đệ nhất danh.

父貴子貴孫又貴

Phụ quý, tử quý, tôn hựu quý,

子孫世世出公卿

Tử tôn thế thế xuất công khanh.

(Bài thơ này ở câu thứ nhất hai chữ "言覃 ngôn đàm" chắp lại thành chữ 譚 đàm, là họ Đàm, hai chữ "玉耳 ngọc nhĩ" chắp lại thành chữ 珥 nhị, là tên của ông Nhị. Nghĩa là Đàm Nhị chiêm bao tỏ tường, tên đỗ thứ nhất, ở khoa thứ nhất, cha sang, con sang cháu lại sang, con cháu đời đời làm nên công khanh.)

Về sau chính ông (Thái tể) thi đỗ làm quan, con cháu quý hiển, lại đúng như bài thơ ấy.

Đời truyền rằng ông học ông Thượng thư ở làng Kiệt Đặc (Chí Linh) là Nguyễn Công Phong. Sau khi nhà Mạc mất, ông Kiệt Đặc94 ở ẩn không ra. Vì ông tiến cử, ông Kiệt Đặc được triệu dùng,

trong năm Hoằng Định, làm quan đến Hình bộ Thượng thư, Mỹ Khê hầu. Bấy giờ ông làm chức Lễ bộ Thượng thư, vị ở đầu ban, cố từ không nhận. Chúa Trịnh hỏi cớ, ông nói vì có ông Kiệt Đặc là thầy. Chúa khen rồi nhắc ông Kiệt Đặc lên đứng đầu ban. Chuyện này thấy ở sách Công dư tiệp ký95 phụ chép vào đây để tiện tham khảo.

SÔNG ĐỘC

Kính Phủ

Sông Độc ở xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra. Sông Hát là chi lưu của sông Phú Lương (sông Nhị), chảy đến làng Đốc Tín, ở huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, trên có cái miếu thờ thần sông, vốn linh thiêng lắm. Những thuyền buôn qua lại, tất phải sửa đồ lên lễ, nếu không thì buồm, cột, chèo, lái, chẳng cái gì còn. Giữa sông có cái cột không biết dựng từ bao giờ. Tục truyền người ta có chuyện thề bồi, thường đến ôm cái cột ấy, ai cong queo sẽ bị lôi tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh Hưng, chúa Trịnh ngự giá đi tuần du phương Nam. Thuyền qua chỗ ấy, dưới sông bỗng nổi lên một cái bãi. Nước cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào thì đào đến đâu lại đầy đến đấy. Sai người lên lễ, khấn thần đến, hứa sẽ thăng trật. Thì chỉ chốc lát, trong nước bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước và to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Rắn bò đến đâu, cát tan ra đến đấy, nước sông lại đầy lên như cũ. Chúa thấy sự linh thiêng, tiến phong cho thần đến làm bậc thượng đẳng.

Một người lính thị hậu là Mỗ trưng thuế ở cái làng gần đấy, thường ra sông tắm rồi ngồi ở bến hóng mát, lấy cái sáo ngắn ra thổi, tiếng véo von rất hay. Chợt thấy một con rắn nhỏ bò đến bên cạnh, ngang nhiên cất đầu lên, mắt đỏ như mặt giời. Mỗ bèn nói:

- Mày muốn nghe ta thổi sáo chăng? Thế thì theo ta về nhà.

Con rắn liền bò lên nón Mỗ mà nằm. Mỗ đem về đến đình. Trong đình, mọi người đương uống rượu, mời Mỗ vào thiết đãi. Chiều tối ra về, dọc đường, đánh rơi cái nón. Con rắn nằm lăn ra đất, không dậy. Mỗ giận nói:

- À, mày lại dỗi với tao à?

Liền lấy gót chân nện chết.

Chưa bao lâu, vị hầu tước quản lĩnh thị hậu ở kinh đô bị ốm, thuốc thang chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng:

- Hầu ốm không cớ gì khác, chỉ tại tên Mỗ nó giết con thần sông mà nên. Kíp bảo nó đến đền chịu tội. Nếu không mà thần giận quá, thì bệnh sẽ không thể khỏi được.

Gọi Mỗ đến hỏi. Mỗ kể rõ đầu đuôi và nói:

- Tôi làm trái thì tôi chịu lỗi, không dám để lụy đến ngài.

Hầu bèn sắm lễ vật cho Mỗ đi lễ. Mỗ ngầm lấy vải quấn chặt từ rốn xuống đến gối, cài khắp những con dao nhọn vào, lại giấu riêng một con dao sắc để dùng. Đến nơi, xuống ôm cái cột. Một lúc trụt xuống nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuống. Ước một trống canh lại ngoi lên, vẫy thuyền. Người mà Mỗ đón coi, thấy tay Mỗ đầm đìa những máu. Mọi người đứng xem, đều sợ toát cả mồ hôi. Một lúc, Mỗ lại ôm cột, nhưng hồi lâu không bị trụt xuống, bèn lên bờ về. Sáng hôm sau, trên sông vô số những thuồng luồng, ba ba, chết nổi, nước sông đỏ ngầu. Rồi viên quan quản kia cũng được vô sự.

MẢ TỔ QUẬN BẰNG

Kính Phủ

Quận Bằng Nguyễn Hữu Chỉnh, người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, đời trước vốn hào phú nhất trong một vùng. Thân phụ thích về phong thủy, nghe nói ông Giám sinh họ Đỗ ở huyện Thanh Chương theo chân nhân Phạm Viên đi chơi, học được những bí quyết về địa lý, bèn mời đến xin tìm đất táng mả hộ. Giám sinh nhận nhời, bèn cắm cho một cái huyệt ở núi Côn Bằng. Rồi đó, người vợ có thai. Khi sinh, Đỗ giám sinh đến cửa nghe thấy tiếng khóc, giật mình mà nói:

- Đó là một kẻ gian hùng ở đời loạn, làm hại thiên hạ chính là ta rồi.

Đứa trẻ ấy nhớn lên, chính là quận Bằng. Khoảng năm Chiêu Thống, quận Bằng làm đến Đại tư đồ Bình chương Quân quốc trọng sự. Một thầy tướng xem thấy, trở ra nói rằng:

- Đó là sao Thiên Cẩu giáng xuống, ngôi đến vương công, tai vạ tất không thể tránh khỏi.

Chưa bao lâu quận Bằng mắc cạn, đúng như lời nói ấy.

MIẾU THANH CẨM

Tùng Niên

Miếu Thanh Cẩm ở phường Đông Các, huyện Thọ Xương, thờ vị liệt sĩ nhà Mạc, là ông Mỗ. Ông họ tên không thể tra xét ra được, đỗ tiến sĩ nhà Mạc, làm quan đến đài sảnh. Bấy giờ Thành Tổ Triết Vương đem nghĩa quân xuống đông. Vua Mạc phải bỏ kinh thành chạy trốn sang bắc. Vương đem quân đuổi theo. Việc đã nguy cấp, ông đai vàng áo gấm, do hồ Thái Cực đi ra phố Đông Các, cản cương ngựa của vương. Vương rung chuông đứng dừng lại, họp các tướng bàn rồi đem ra chém. Đoạn lại nổi hiệu tiến quân, nhưng vua Mạc đã qua sông rồi. Nghĩa quân rút về, họ Mạc lại chiếm giữ Long Biên, bèn dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, chắn ngang đường đi, hương lửa không dứt. Đời Hy Tổ Nhân Vương thường đã có lần sai phá miếu. Dưới miếu có mả, khơi đào rồi dùng một cơ lính kéo lên mà không nhúc nhích. Vì thế mà miếu không bị phá hủy nữa.

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM

Tùng Niên

Phạm chân nhân tên là Viên, người làng An Bài, huyện Đông Thành. Đầu đuôi việc ông gặp tiên, đã tường trong tập tiểu truyện ông Ngô Phúc Lâm viết ra, đây không cần phải rậm nhời96 nữa. Đời truyền khi chân nhân đắc đạo trở về, cha là Thượng thư đương làm quan ở kinh đô. Gặp ngày giỗ bà mẹ, chân nhân dẫn bốn tên gia đồng khiêng một mâm cỗ đi biếu ông Thượng. Ra khỏi cổng làng độ một dặm, ông bảo bọn gia đồng nhắm mắt mà đi. Chốc lát, mở mắt đã đến chợ Cầu Dền ở kinh đô rồi. Lúc trở về, cũng như vậy.

Một hôm, ông mặc đồ sô gai, chống gậy vào nhà mà khóc ầm lên. Các anh em đều trách là sao lại như vậy. Không bao lâu, ông Thượng thư mất. Chân nhân bảo các anh em rằng:

- Tôi là một đứa con hư của cha mẹ, đi bông lông lâu năm, nay xin nằm rơm gối đất chầu chực bên cữu để chuộc lỗi trước. Còn các việc lớn ma chay, xin để phần các anh em cả.

Mọi người bằng lòng. Khi sắp đưa ma, các anh em sắm sửa mọi thứ để làm nhà trạm, duy chân nhân vẫn lặng im chẳng làm gì cả. Đến trước một ngày, mới ra ngoài đồng, xem ngắm những chỗ làm lễ đình dư và thượng thực97, một lúc trở về. Sáng hôm sau, đám đưa đến những chỗ ấy, đã thấy nhà cửa đồ sộ sẵn sàng, đều là quán ngói của các làng chung quanh; lợn, rượu, cỗ bàn, chẳng thức gì không có. Tế xong, dọn ra thết đãi bạn bè, khách khứa. Đêm đến, các cái quán đó đâu lại về đấy cả. Rồi ông hóa thành tiên, đi mất.

ÔNG ĐẶNG CHẤT

Tùng Niên

Ông Trạng nguyên làng Phù Đổng là Đặng Chất, khi chưa đỗ, một mình học tập ở trong một cái nhà. Một hôm dậy sớm, thấy người đàn bà bên láng giềng phơi hai cái yếm ở sân. Người ấy đi khỏi thì một người đàn bà khác cùng nhà rút mất. Tối về, hai mụ cãi nhau ầm ĩ, rồi sửa xôi gà đem nhau ra thề ở đền Đổng Thiên vương. Ông tẩn mẩn lấy bút ghi lấy. Sau mấy tháng, người đàn bà ăn trộm cũng vẫn như cũ, ông cười mà rằng:

- Quỷ thần mới linh thiêng làm sao!

Rồi thần đến gõ cửa bảo:

- Ông trạng! Ông trạng! Sau này ông xử sự ở triều đình, sẽ lấy một mạng người để đền hai cái yếm phải không?

Ông sợ hãi rợn người, sáng ra đến đền tạ lỗi. Nhưng cũng nhân thế mà từ đó lòng mừng hí hửng.

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

Kính Phủ

Ông Nguyễn Tông Khuê người làng Phúc Khê, huyện Ngự Thiên (Hưng Nhân, Thái Bình), thuở nhỏ ngụ ở kinh đô, không thiết học hành, hằng ngày chỉ theo bọn trẻ đùa nghịch. Cha giận đánh đập, ông đến ẩn ở chùa Diên Hưng hàng tuần, đói thì ăn trộm những oản quả cúng Phật để ăn. Người ta biết, mách với người cha. Cha đến bắt về, nhiếc mắng rất nhục nhã. Ông xin từ nay chăm chỉ đi học, rồi đến học ở trường ông Thám hoa Vũ Thành. Ông Vũ là bậc tôn sư đời bấy giờ, những học trò làm nên nhiều lắm. Khi ông Nguyễn mới đến học, cũng không có gì là xuất sắc. Một lần, ông Vũ ra đầu bài thơ "trống mái" để làm tập. Bài thơ ông làm có hai câu tam tứ rằng:

並立山頭玄石亂

Tịnh lập sơn đầu huyền thạch loạn,

雙飛漢表黑雲迷

Song phi hán biểu hắc vân mê.

Nghĩa là: Cùng đứng đầu non, đá xanh phải loạn, bay đôi trên giời, mây đen phải mờ. Ông Vũ khen ngợi rằng:

- Gã này mai sau tất sẽ làm thơ hay nổi tiếng.

Năm 28 tuổi, ông thi đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) niên hiệu Bảo Thái. Bấy giờ ông Nguyễn Đức Đôn ở Vịnh Kiều vẫn tự căng tài học của mình, khi vào trường thứ tư ra, nói với người ta rằng:

- Khoa này đỗ đầu, trừ ra có Nguyễn Tông Khuê, chứ những anh khác thì còn kém thua ta xa lắm.

Lúc ra bảng, ông trúng thứ nhất mà ông Vịnh Kiều trúng thứ hai. Vào đình đối, ông đỗ Hoàng giáp. Hai lần phụng mệnh sang sứ Tàu, làm đến quan Hộ bộ Tả thị lang, tước hầu. Tính ông ngay thẳng mà ghét sự tà khúc, không chịu kiêng tránh gì cả, nhân thế bị viên đại thần là Việp quận công (Hoàng Ngũ Phúc) không ưa, mượn chuyện tâu hặc, phải giáng xuống Hàn lâm thị độc và truất về làng. Thọ hơn 70 tuổi mới mất. Khi đi sứ Tàu có tập thơ Sứ Hoa tùng vịnh đến mấy trăm bài, được người Tàu rất là khen ngợi. Đến nay trải hơn năm mươi năm, người trong nước vẫn đều truyền tụng. Con là Tông Bảo làm Tri phủ Trà Lân, Tông Thực làm Hiến phó Kinh Bắc, cũng đều nổi tiếng hay thơ.

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

Quận Lộc ở Hàm Giang là Đinh Văn Tả, hồi tuổi trẻ tênh toảng, bừa bãi, thích chơi với những kẻ vô lại. Sức vóc khỏe mạnh, át hết cả mọi người. Trước làng có con sông to rộng chừng một dặm, thường xuống bơi lội nô đùa luôn. Một hôm cùng bạn lứa uống rượu say nhè ở bên sông. Nghe bên kia sông có tiếng chiêng cúng tế trong một cái đình, bạn nói khích bảo đố sang lấy trộm cái chiêng đem về được. Ông bảo: "Ừ, rồi sẽ lấy về cho coi". Đêm hôm ấy, ông lội qua sông, sang lấy trộm chiêng, về đến giữa sông mới đấm vang lên. Người làng bên kia tỉnh dậy đuổi theo, nhưng đã không kịp.

Sau, ông vì mắc vào tội lỗi, phải giam ở ngục Đông Môn. Bấy giờ đương buổi dụng binh ở biên thùy phía Nam, chúa Trịnh sai các tướng sĩ đặt bia ở trước lầu Ngũ Long thi nhau bắn súng. Ông cùng bọn ngục tốt đứng xem, cười mà rằng:

- Bắn có thế mà không trúng, không biết triều đình dùng bọn họ làm gì!

Người bắn tức giận, đưa súng cho ông, bảo có giỏi, thử bắn xem nào. Ông lại lấy một cái súng lớn, cắp vào bên má, bắn luôn mấy phát, phá vỡ ba bia. Người bắn ấy rất là kính phục. Bọn tướng sĩ lại kéo đến, bảo thử bắn lại cho xem. Ông bắn phát nào trúng phát ấy. Việc đến tai chúa, truyền tha tội cho, cho theo quân đi đánh phương Nam. Khi gặp quân địch, quan quân đóng giữ ở trên núi; quân địch tiến đánh, tướng sĩ đều lui chạy. Ông một mình phục trong rừng rậm, đợi quân địch đến, chĩa súng bắn ra. Quân địch sợ có mai phục phải rút lui. Quan quân quay lại đánh, bên địch phải thua vỡ lớn. Do thế mà ông nổi danh tiếng. Trải nhiều lần lập nên công lớn, ông được phong tước Quận công. Nhưng ông nộp giả hết cáo sắc để xin xóa tên trong sổ tội nhân. Rồi sau đó lại lập chiến công, làm quan lên đến bậc cực phẩm. Năm 80 tuổi, ốm nặng,

chúa thân đến thăm, và hỏi có muốn nói điều gì. Ông nói nếu được ngay lúc chưa chết này, chúa phong cho làm phúc thần thì nhắm mắt đi, sẽ không còn điều gì băn khoăn nữa. Chúa ưng cho, sai tuyên sắc ngay ở trước giường. Chưa bao lâu, khỏi ốm, lại sống mấy năm nữa mới mất. Con cháu về sau, nhiều người trở nên bậc dũng tướng, có tiếng đánh giặc tài.

Bấy giờ Quốc lão Đặng Đình Tướng, con cháu đều quý hiển, áo xanh áo tía đầy triều. Người ta đặt ra câu ví: "Họ Đinh đánh giặc, họ Đặng làm quan", lời đó đúng với sự thực.

Cháu xa của ông là Nhạ Hành, thích thư sử, nhún nhường, nhã nhặn, có phong độ của kẻ nho sĩ. Cuối đời Chiêu Thống, làm đến Điển Khấu đại tướng quân, tước Hàm quận công. Năm Kỷ Dậu (1789), đem cả gia quyến theo vua chạy sang Trung Hoa. Khi bà mẹ mất, ông có làm câu đối:

日沉西領水東流，古今常態

Nhật trầm tây lĩnh, thủy đông lưu, cổ kim thường thái,

母夢南柯君北渡，家國俱憂

Mẫu mộng nam kha, quân bắc độ, gia quốc câu ưu.

Nghĩa là: Mặt giời chìm xuống núi tây, nước chảy về đàng đông, xưa nay vẫn thế; mẹ vào giấc mộng cành nam, vua chạy sang đất bắc, nhà nước đều buồn.

Ai nghe cũng phải thương cảm.

TẢ AO TIÊN SINH

Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Thuở nhỏ, mồ côi cha, nhà nghèo, mẹ mắt lòa, ông theo một người khách buôn ở phố Phù Thạch[98] về Tàu, học nghề chữa mắt. Thày thuốc Tàu khen người có hiếu, hết lòng dạy cho. Khi nghề đã thành, sắp sửa về nước, chợt có thầy địa lý chính tông, đau mắt đã lâu không khỏi, đến mời thầy thuốc này chữa cho. Thầy già yếu, không đi được, sai ông đi thay. Thầy địa lý khỏi mắt, trông mặt mũi ông rồi nói:

- Anh này có thể dạy được đây.

Bèn đem hết cái học của mình ra truyền cho. Hơn một năm, thầy muốn thử ông xem ra thế nào, bèn lấy cát đắp các hình sơn thủy, vùi một trăm đồng tiền ở dưới, đưa cho ông một trăm cái đinh để điểm huyệt. Ông điểm xong, gạt cát ra xem thì trúng chín mươi chín huyệt, sai có một huyệt mà thôi. Thầy địa lý nói:

- Khá lắm!

Bèn cho ông về. Lúc chia tay, thầy dặn:

- Đi qua núi Hồng Lĩnh, chớ có ngẩng nhìn.

Ông vâng lời, ra về. Đến nhà thì mẹ hãy còn mạnh. Đem phương thuốc học được ra chữa, mẹ khỏi mắt. Nhân có việc đi qua núi Hồng Lĩnh, nhớ lời thầy dặn, không hiểu duyên cớ thế nào. Thử trèo lên núi trông xem, ngắm được một cái huyệt rất quý, cười mà rằng:

- À, ra thầy dặn ta không được ngẩng lên nhìn là vì thế!

Bèn về đem tiên phần đến chôn. Không bao lâu, ông sinh ra được một con trai. Bấy giờ người Minh trông thiên văn nói:

- Các ngôi sao đều chầu cả về phương nam, nước An Nam được đất rồi!

Nhà vua xuống chiếu cho các nhà phong thủy, ai đã cắm đất cho người An Nam hay dạy phong thủy cho người An Nam thì phải dùng kế phá đi. Nếu không, sẽ phải tội tru di tam tộc. Chiếu ban xuống, thầy địa lý đoán hẳn lại chỉ có ông chứ không còn ai, liền sai con sang do thám. Sang đến nơi, con thầy địa lý hỏi ông rằng:

- Từ khi về nước đến nay, bác đã táng được ngôi tiên phần nào chưa?

Ông đem tình thực kể. Người khách ấy bèn ngầm đào trộm ngôi mả và lừa đem con trai ông về Tàu.

Chưa bao lâu bà mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo. Ngày giờ đã định, không may sóng gió cản trở, không ra chôn được, thành ra lỗi kỳ. Ông than rằng:

- Đó là cái huyệt miệng rồng, năm trăm năm mới mở một lần, mà chỉ mở trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta!

Từ đấy, ông không tưởng gì đến gia nghiệp, thường đi chu du bốn phương đặt mả cho người. Khi mất, chỉ có hai người con gái.

Trước kia, khi còn ở nhà, ông đã ngắm sẵn huyệt cho mình, nói là kiểu con chó đuổi đàn dê, táng chỉ ba ngày sẽ thành địa tiên. Tuổi già, ông ở kinh đô về, người đã yếu sẵn. Ông có đem theo một người học trò cùng về, dặn công việc sau này. Nửa đường, người học trò lại chết. Ông về đến nhà thì ốm nặng, bảo người nhà khiêng đến huyệt ấy. Nhưng đường xa liệu chừng không đến nơi được, ông bèn chỉ một cái gò bên cạnh đường nói:

- Đó là một ngôi đất huyết thực[99]. Bất đắc dĩ thì chôn đó cũng được.

Ông xuống cáng, chỉ hướng cho người nhà đào, chôn lấp mình. Sau, quả nhiên làm phúc thần.

Chao ôi! Phương thuật của ông kể cũng rất lạ, vậy mà họ tên không truyền lại! Tiếc thay! (Có thuyết bảo ông họ Hoàng, tên Chỉ)[100].

THÀNH CŨ TRIỀU KHẨU

Thành cũ Triều Khẩu ở làng Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên (Nghệ An), người Minh đắp trong năm Vĩnh Lạc. Đức Thái Tổ tiến triều từ thôn Đỗ Gia qua sông vây đánh, chính là chỗ đó. Phía tây bắc thành có núi bao bọc, còn phía đông nam thì xây gạch. Lâu năm thành đổ, gai rậm ngút mắt. Đằng cửa nam là trường nuôi ngựa. Trên núi có hòn đá cắm cờ, hãy còn. Lưng chừng núi có miếu Tuyên Nghĩa, họ tên vị thần thờ đền ấy không rõ. Trong thành có một cái ao, tương truyền là di tích người Trung Hoa để của. Trâu bò xuống đầm bùn, đi lên, thường có những đồng tiền bám vào lông.

Khoảng năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích làm Đốc đồng Nghệ An, những lúc việc quan nhàn rỗi, thường lên chơi đây, có bài thơ vịnh, bốn câu giữa như sau:

鬼廟岩腰名不攷

Quỷ miếu nham yêu danh bất khảo[101],

旗竿石上跡猶存

Kỳ can thạch thượng tích do tồn.

野牛戲浴埋錢窟

Dã ngưu hý dục mai tiền quật,

官馬閒遊砌甓門

Quan mã nhàn du xế bích môn.

Nghĩa là: Đền ma lưng núi không xét được tên họ, đống đá cắm cờ dấu vết hãy còn. Trâu đồng đùa tắm ở vũng chôn tiền, ngựa quan chơi nhởn ở cổng gạch xây.

Các câu khác không cần chép đủ ra đây, vì đã có trong Nghệ An tập của ông Bùi.

ÔNG VŨ DUỆ

Tùng Niên

Ông Trạng nguyên Vũ Duệ người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, vốn con nhà làm ruộng. Thuở nhỏ, cha mẹ ra đồng, ông cùng lũ trẻ lấy đất nặn một con voi con, gắn bướm vào làm tai, ghim đỉa vào làm vòi, bắt bốn con cua đội bốn chân cho nó đi. Có người khách đòi nợ đến cổng, hỏi cha đi đâu, ông nói:

- Cha tôi đi giết người.

Hỏi mẹ đi đâu, ông nói:

- Mẹ tôi đi làm sống người.

Khách lấy làm lạ hỏi; ông đòi có thưởng mới nói.

Khách bảo:

- Mày không giấu ta, ta sẽ xóa nợ cho nhà mày.

Ông đưa nắm đất nát, bắt phải in tay vào làm tin. Khách cũng gượng in. Ông mới cười mà nói:

- Cha tôi đi nhổ mạ, còn mẹ tôi đi cấy lúa.

Khách rất khen ngợi ông có khiếu tinh quái. Sau khách lại đến đòi nợ, ông giơ nắm đất ra làm tin. Khách không nói sao được nữa, khuyên người cha nên cố cho ông đi học, và xin lấy món tiền nợ ấy để đỡ dầu đèn.

Niên hiệu Hồng Đức năm thứ 21 (1490) ông đỗ đầu thiên hạ, làm quan đến Ngự sử đài Đô ngự sử.

Gặp khi trong nước có nhiều biến cố, ông theo vua Chiêu Tông

chạy vào Thanh Hóa. Quyền thần Mạc Đăng Dung đem quân đón về, ông mắng chửi tàn nhẫn, rồi mang cả quả ấn ngự sử gieo mình xuống cửa bể Thần Phù, tự tử.

Khi tiên triều trung hưng, ấn Ngự sử đúc mãi không thành, bèn sai phường chài lặn xuống cửa bề ấy mò tìm. Người lặn xuống thấy ông vẫn đội mũ mặc áo như sống. Tính từ khi ông mất, đã hơn sáu mươi năm. Bấy giờ mới đưa về huyện Sơn Vi táng.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

Quan Thượng Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mỗ, người cùng làng. Nhà vốn nghèo, nhân có sức khỏe, thường phải đi gánh thuê lấy tiền mua sắm dầu đèn, giấy bút. Một hôm gánh thuê về, giời nóng bức, ông lội xuống tắm ở cái ao trước cửa nhà thầy học.

Trong lúc đương bơi lội, quần áo trên bờ bị đứa vô lại nào lấy mất, ông phải ngâm mình dưới nước mãi không dám ngoi lên. Bên kia ao là nhà một ông giám sinh; có cô con gái ra ao định giặt, nhưng thấy ông đương tắm đành phải quay vào. Một lúc nữa, trở ra lại thấy như vậy. Rồi một lúc nữa, cô kia ra, loanh quanh ở bờ ao, bỏ lại trên bờ mấy chục thước vải. Ông cảm lòng cô gái, lấy trộm vải đóng khố rồi đi về nhà. Sau khi thi đỗ, ông đến nói với ông giám sinh, hỏi cô gái ấy làm vợ thứ. Ông giám sinh nói:

- Con gái tôi vô duyên. Hôm qua, tôi đã trót nhận lời gả cho một người học trò của tôi, cũng là bạn đồng khoa của ông đấy. Xin ông đừng lấy làm lạ sao tôi lại từ chối.

Ông đồng khoa kia đến, hai bên tranh biện mãi, không giải quyết xong. Ông nói:

- Tôi vốn đã có vợ từ lâu, không phải dám tham sắc đẹp để mua cười với bạn. Chỉ vì hồi trẻ, hàn vi, từng được đội ơn người khuê các để mắt xanh đến, nên đã dốc lòng mến yêu từ đấy. Giời đất quỷ thần hẳn đều soi xét, lòng này có dám man muội đâu.

Nhân kể rõ câu chuyện ngày xưa. Ông giám sinh vào trong nhà, hỏi chuyện con gái thì con nói cũng đúng như vậy. Bèn gả cho ông Giai. Đó là bà phu nhân thứ ba, ông yêu quý bà như bà cả vậy.

MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ

Tùng Niên

Ngõ Hàng Nghiên ở thành Thăng Long, có miếu Thuần Dương tổ sư, không biết lập từ bao giờ. Chân nhân Phạm Viên thường gặp ông Thuần Dương ở đấy.

Họ Trương ở làng Như Kinh đời trước vốn nghèo lắm, mở cửa hàng bán nước ở cạnh đường, sớm chiều chỉ kiếm được đủ sống. Một hôm, thấy vị đạo nhân, râu ria tốt đẹp, đi qua đi lại rồi vào nghỉ. Trước rước mời rất cung kính. Đạo nhân cảm lòng tốt, bèn đặt cho một ngôi âm phần. Việc xong, hỏi tên họ thì đạo nhân nói:

- Ta họ Lã, nhà ở đầu ngõ Hàng Nghiên.

Trương ghi nhớ lấy. Sau cứ người đến tạ lễ, hỏi thăm khắp cả, chẳng có ai họ Lã, chỉ có tòa miếu Thuần Dương. Từ cuộc binh hỏa năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, các bậc già cả qua đời, những người cúng vái nhận lầm là miếu thờ bà chúa Liễu Hạnh, hoa vàng hài vóc bày đầy trước án. Những cái lầm lẫn như thế thật rất đáng phàn nàn.

NGƯỜI KHỔNG LỒ

Tùng Niên

Các động, các trại ở Tuyên Quang, phần nhiều ở xen vào tận hang núi, dân bản thổ thường làm nhà sàn để tránh thú dữ. Hồi quan Đốc đồng Nguyễn Đình Thạc ở trấn, có một người khổng lồ vào nhà trong xóm bắt người mà ăn. Nhà có mười người, ăn mất chín. Một người chạy trốn được lên báo quan; quan cho xe súng lớn đến bắn bừa vào. Người ấy ngồi chết trên nhà sàn, chân thõng xuống tận đất. Lôi ra thì thấy thân thể trần truồng, dài ước hơn hai trượng, tóc ngắn đến vai. Ông lấy làm lạ, về thuật chuyện với quan Bình chương Phan Trọng Phiên. Ông Phan nói:

- Đó là giống người ở biên cảnh tây nam. Năm Giáp Ngọ (1774), tôi đi đánh phương nam, có thấy trong kho vũ khố của họ Nguyễn một bộ da người, cũng suýt soát như thế, chứa đầy trấu. Hỏi người coi giữ, họ nói bắt được trong rừng. Chính người này thuộc về giống ấy.

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Kính Phủ

Quan Thượng Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn (Hải Dương) gồm cả tài văn võ. Thuở nhỏ đi học, ông làm bài phú Bắc môn tỏa thước có những câu thế này:

嗚呼華夷望重

Ô hô! Hoa di vọng trọng,

社稷功高

Xã tắc công cao.

枚數宋朝巨俊

Mai sổ Tống triều cự tuấn,

幾如寇老時髦

Kỷ như Khấu lão thời mao.

何故不在中書，調鼎任商衡之重

Hà cố bất tại trung thư, điều đỉnh nhiệm Thương hành chi trọng.

却乃遠臨沙塞，折衝當漢閫之勞

Khước nãi viễn lâm sa tái, chiết xung đương Hán khổn chi lao.

畢竟見忌于人

Tất cánh kiến kỵ vu nhân,

難平者事

Nan bình giả sự.

要盟恥甚於眞宗

Yêu minh sỉ thậm ư Chân Tông,

沮約仇深於王子

Tự ước cừu thâm ư vương tử.

澶淵下閑門束手，彼既膠宿怨之未舒

Thiền Uyên hạ bế môn thúc thủ, bỉ ký giao túc oán chi vị thư,

泰山巔牒玉泥金，茲更慮奸謀之見沮

Thái Sơn điên điệp ngọc nê kim, tư cánh lự gian mưu chi kiến tự.

故久淹河上之翱翔

Cố cửu yêm hà thượng chi cao tường,

豈特爲朔方之桿禦

Khởi đặc vị sóc phương chi hãn ngữ.

Nghĩa là: "Than ôi, có vị danh vọng cao trọng đối với Trung Hoa và ngoại di, có công lớn đối với xã tắc, thử tính những nhân vật xuất sắc trong triều đình nhà Tống, mấy ai được như ông già Khấu Chuẩn. Vậy mà cớ sao không ở trong tòa Trung thư điều hòa nồi vạc, cầm vững cán cân nhà Thương, lại phải ra ngoài ải cát xa xăm, chống chọi giặc mạnh, giữ gìn cửa ngăn nhà Hán.

Chẳng qua, vì bị người ghen ghét, gặp việc khắt khe. Vua Chân Tông lấy làm xấu hổ việc cùng giặc giảng hòa, Vương Khâm Nhược lấy làm tức tối việc cản trở ý muốn của hắn. Dưới thành Thiền Uyên đóng cửa bó tay, Khâm Nhược chưa quên mối hờn sai hắn ra chống giữ ở đấy; trên đỉnh Thái Sơn sắp bày bàn tế, nay hắn lại sợ ngăn trở mưu gian. Vì thế mà ông lửng lơ mãi ở trên sông, há phải cốt vì việc chống giữ phương bắc".103

Xem xong bài phú này của ông, ai cũng lấy làm lạ. Sau, ông thi đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) niên hiệu Vĩnh Hựu. Rồi nhân nhà có tang, phải nghỉ quan về. Bấy giờ giặc Ninh Xá104 nổi lên, vùng đông nam rối loạn. Ông thường nói với những người quen biết rằng:

- Dẹp yên giặc ấy, phi tay tôi không xong.

Không bao lâu, vì có công lừa bắt được tướng giặc Nguyễn Cừ, được thăng Công bộ Hữu thị lang, tước bá.

Trước đây, dư đảng giặc Ninh Xá bày người làng Lôi Động, huyện Thanh Hà là Nguyễn Hữu Cầu105 lên làm thủ lĩnh, lui ra giữ Đồ Sơn, tựa núi cách bể làm thế cố thủ. Triều đình đem quân đánh mấy năm không được, sai ông làm chức Hiệp thống lĩnh, cùng Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc chia đường cùng tiến, lập trại ở trên núi nhòm xuống. Đánh mãi không phá được giặc, ông sai chặt mấy trăm cây thông, đục rỗng ruột, nhồi đá sỏi và thuốc súng vào, bên ngoài đánh đai sắt, từ trên cao ném vào trại giặc, giết chết vô số. Giặc dùng ván gỗ thông để che. Ông lấy nhựa thông tẩm vào vải to, cát vụn, trộn với sỏi và thuốc súng, lại ném xuống như trước. Những miếng vải ấy thành ra những mồi lửa đốt cháy ván, giặc phải vỡ chạy về phía bắc. Đồ Sơn được yên, vì công ấy, ông được phong phó đô ngự sử, chánh thống lĩnh.

Chưa bao lâu, Cầu lại tập hợp đồ đảng, vào cướp vùng đông bắc, hoành hành không ai kiềm chế nổi, thời bấy giờ gọi là "giặc ma chơi". Cầu có tài dùng ít đánh nhiều, cùng quan quân giao chiến, phóng ngựa xông bừa vào trận, làm cho quân nào cũng phải bỏ chạy. Duy có ông và quận Việp ra trận nghiêm chỉnh, nên chưa từng bị thất bại. Giặc phải sợ, gọi ông là con thằn lằn, gọi quận Việp là thằng quạ đen, ý bảo khó lòng trêu ghẹo được. Một lần, ông dẫn hơn mười quân ky, gặp giặc đến, ai nấy đều sợ, muốn đi cho mau. Nhưng ông ngăn lại, đi vòng xuống một con đường nhỏ trong đồng. Con đường ấy kề một cái giếng, cỏ mọc nham nhở, bùn đục ngầu, người đi vô tình không nhận ra, ông ngồi cạnh giếng chờ quân giặc. Giặc đuổi đến, còn cách một quãng, hô to:

- Con thằn lằn! Hôm nay, chúng tao phải bắt được mày!

Ông cũng quát:

- Thằng giặc nhãi ranh kia! Hôm nay ta không chém được đầu mày sao!

Giặc tức giận, đổ xô xuống đuổi, người và ngựa lăn cả xuống giếng. Những quân đi theo muốn xuống bắt, nhưng ông không cho, bảo chạy đi. Khi giặc ra khỏi giếng, ông đã về đến huyện Giáp Sơn rồi.

Ông hành quân cẩn thận, không cầu lợi nhỏ. Hễ thình lình gặp giặc thì rung chuông dàn quân bao vây bên ngoài; nếu giặc đi thì

dõi theo ở đằng xa. Thường thả những quân kỵ đi rảo để ngăn cản chuyện cướp bóc. Vì thế, giặc phải lén lút ứng phó một cách khó nhọc, cùng túng phải xin đầu hàng. Triều đình ban cho tướng giặc Nguyễn Hữu Cầu lĩnh ấn Ninh Đông tướng quân, phong tước Hướng Nghĩa hầu. Ông hết sức can ngăn, nói:

- Giống lang sói ấy rồi thể nào cũng không để cho mình dùng đâu.

Bèn lại dẫn quân đuổi đánh. Giặc vỡ chạy. Cầu phải chạy vào Bào Giang ở Nghệ An. Bộ tướng của ông là tướng quân Phạm Đình Hãn bắt được. Từ đấy giặc mới yên. Triều đình luận công, ông được sắc phong làm Tuyên lực Dương võ công thần, thăng Binh bộ thượng thư, tước Hải quận công, lại được bổ làm Đốc suất trấn Nghệ An.

Khi trước, ông cùng viên Thự phủ Luyện quận công là Đỗ Thế Giai có mối hiềm khích106. Gặp ngày trừ tịch, ông ở Nghệ An thấy trung sứ đem đến ban cho rượu thuốc. Viên tướng thân yêu ở dưới cờ là Thanh Kỳ toan rút dao giết sứ giả, rồi xin ông cất quân kéo về kinh đô để trừ bọn gian bên cạnh chúa. Ông gạt đi. Sáng hôm sau, ông mặc triều phục vọng bái về kinh rồi vào tư thất, rót rượu ngự ra uống, mật viết thư vời quan Đốc đồng Trần Danh Lâm đến dặn dò việc sau. Ông Trần đến thì ông đã đổ máu ra cả bảy khiếu107 mà chết. Bấy giờ Thanh Kỳ nghe tin ông mất, sắm sửa binh mã định đem cả châu Hoan theo về họ Nguyễn (chúa Nguyễn ở phương Nam). Ông Trần được thư của ông Phạm, đánh lừa Thanh Kỳ lên một cái gác, rồi phục quân giáp sĩ bắt chém chết. Tin buồn đưa về đến kinh, ông được truy tặng làm phúc thần, lập miếu thờ ở núi Càn Hương, phong cho con là Đình Nghi tước Đông Ngạn hầu. Đời Cảnh Hưng, Đình Nghi làm đến Phó đề lĩnh. Khi cố thái tử bị phế, giam ở dinh ông Nghi, ông Nghi lấy lễ trừ quân108 mà thờ phụng. Chúa giận, bãi chức đề lĩnh, vì thế ông Nghi lận đận, không làm nên to được. Niên hiệu Chiêu Thống, năm Đinh Mùi (1787) truy lục công ấy, trao cho ông Nghi chức Trấn thủ Hải Dương. Năm Mậu Thân (1788), ông mất ở nhà.

Thanh Kỳ cũng người làng Khinh Dao, họ tên không tra xét. Lúc trẻ, khỏe mạnh, theo ông Phạm Đình Trọng đi đánh giặc, cai quản đám nghĩa sĩ Thanh Hà, Tứ Kỳ. Khi ông Trọng làm Thống lĩnh, thường ngồi trong một chiếc thuyền, chỉ có người nàng hầu yêu và Thanh Kỳ hầu bên. Một hôm sáng sớm, người nàng hầu ra rửa tay, kêu lớn lên là có giặc. Ông cứ ngồi yên không nhúc nhích. Thanh Kỳ chạy ra thì Cầu đã bíu được vào thuyền sắp sửa trèo lên. Hai bên đánh nhau một lúc, Cầu phải lặn xuống nước, đi mất. Ông Phạm vì thế yêu hắn lắm. Nhưng hắn kiêu ngạo, hay làm những việc trái phép, ông đã nhiều lần muốn giết, rồi lại thôi. Đến nay

hắn chết.

Đời truyền rằng khi ông chưa đỗ, ở huyện Nghi Dương có một viên giám sinh già họ Đỗ, chơi với một viên giám sinh trẻ là Mỗ, người cùng huyện. Mỗ chết, họ Đỗ đến lo liệu giùm mọi công việc tang. Năm Kỷ Mùi (1739), gặp khoa thi hội, họ Đỗ lên kinh thi. Đường đi qua hạt Thượng Hồng, trời tối, họ Đỗ thấy Mỗ hiện lên mời mình về nhà, cửa nhà lộng lẫy, kẻ hầu người hạ rất oai vệ. Mỗ sai mổ trâu đặt tiệc thết đãi. Họ Đỗ hỏi về tiền trình của mình, Mỗ chau mày nói:

- Bác thì rồi đến nhà tan, mệnh cùng, còn hỏi chuyện công danh làm gì!

Họ Đỗ van nài xin cứu cho, Mỗ nói:

- Khoa này, đầu bài phú ra rất hiểm hóc, hễ gặp người thí sinh nào tên là Phạm Đình Trọng thì bảo giúp cho người ta, đó cũng là một vị cứu tinh.

Một lát thì đi ngủ. Sáng sớm hôm sau trở dậy, từ biệt ra đi, ngoảnh lại trông thì thấy là đền Phạm Ngũ Lão, làng Phù Ủng. Hỏi thăm dân làng, thấy nói ban đêm có một con trâu vô cớ ngã lăn ra chết. Họ Đỗ ghi chuyện ấy vào lòng. Khoa ấy đi thi vào trường thứ ba, đầu bài phú ra là "Tuyển hiền nhậm năng" (Kén người hiền, dùng người tài). Có một thí sinh cùng thi hỏi họ Đỗ có nhớ bốn chữ ấy xuất xứ ở đâu, làm ơn bảo giúp.

Họ Đỗ hỏi, biết thí sinh ấy chính tên là Phạm Đình Trọng, bèn nói cho biết. Khoa ấy, ông Phạm đỗ tiến sĩ. Chưa bao lâu, giặc đông nổi dậy, vợ con họ Đỗ đều bị nạn cả, chỉ còn trơ một mình đến nương nhờ ông Phạm. Ông thường cấp giúp cho, đủ sống. Mấy lần dâng sổ quân công, ông định biên tên họ Đỗ vào, nhưng rồi lại thôi. Thành ra, họ Đỗ trọn đời chỉ là một viên giám sinh.

CHÙA THIÊN MỤ

Kính Phủ

Chùa ở huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa, dựng trên một trái đồi phẳng, có cái vẻ đẹp của khe núi. Tục truyền khi xưa, nhà phong thủy khai đào sông núi, thấy có một bà cụ già bảo người làng ở đấy dựng chùa để đón các thiên thần về, nhân đặt tên là chùa Thiên Mụ (bà cụ già nhà Giời).

Đoan quốc công Nguyễn Hoàng xưa có trùng tu, về sau cũng sửa chữa nhiều lần. Chùa có một cái khánh đá, tiếng lớn và trong, ghi là "Chính lịch nhị niên tạo"109, hội chủ là Thế Tổ Minh Khang thái vương. Bên cạnh Phật tọa có bài vị tổ khảo bảy đời của họ Nguyễn. Khi chúa Nguyễn mất, có người bề tôi là Mỗ đến chùa bái yết, đề thơ ở vách, có hai câu:

可憐二百年基業

Khả liên nhị bách niên cơ nghiệp,

不及山僧一夢長

Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.

Nghĩa là: Thương thay cơ nghiệp hai trăm năm, không dài bằng một giấc mộng của nhà sư trên núi.

Khoảng năm Cảnh Hưng, chùa hơi đổ nát, quan Đốc đồng Hoan Châu là Bùi Huy Bích phụng chỉ vào Huế tuyên dụ, thường cùng quan đốc thị là Trương Đăng Quỹ đi thuyền lên chơi xem, có làm những câu thơ như:

阮家七世牌空在

Nguyễn gia thất thế bài không tại,

僧舍千間瓦半零

Tăng xá thiên gian ngõa bán linh.

Nghĩa là: Bảy đời họ Nguyễn bài vị còn đây, bao nhiêu gian của nhà sư ở, ngói đã trụt mất đến nửa.

Lại có câu:

輕帆一片登臨處

Khinh phàm nhất phiến đăng lâm xứ,

閒拂苔階閱磬銘

Nhàn phất đài giai duyệt khánh minh.

Nghĩa là: Giương một cánh buồm nhẹ lên thăm phong cảnh, phẩy cái thềm rêu để đứng nhìn bài minh khắc trên tấm khánh.

HỒ HOÀN KIẾM

Kính Phủ

Hồ Hoàn Kiếm thành Thăng Long ở bên cạnh phường Báo Thiên, thông với nước ngoài sông, hình thế rất to rộng. Ấy là nơi đức Thái Tổ hoàng đế tiên triều đánh rơi kiếm. Hồi Thái Tổ khởi nghĩa, ngài bắt được một thanh kiếm cổ, sau khi lên làm vua, thường vẫn đeo ở bên mình. Một hôm chơi thuyền ở trong hồ, bỗng thấy một con rùa rất lớn nổi lên mặt nước, bắn nó không trúng, ngài lấy thanh kiếm mà chỉ. Bất đồ, thanh kiếm rơi xuống nước, con rùa cũng lặn theo. Ngài giận, sai lấp cửa hồ lại, đắp cái bờ ngang, tát hết nước để tìm. Nhưng chẳng thấy đâu cả. Đời sau, nhân cái bờ ấy, chia ra làm hai hồ Tả Vọng, Hữu Vọng. Cuối đời Cảnh Hưng, có một vật gì mọc lên từ cái đảo trong hồ, sáng rực rồi tắt. Người ta cho là thanh bảo kiếm bay đi.

CỬA KINH THÀNH

Kính Phủ

Bốn cửa kinh thành đều xây từ đời vua Lý Thái Tổ. Năm gần đây, phá bớt tường ngoài cửa Đại Hưng. Phá được nửa vời, thấy một con rắn to bằng đòn tay, mình đen, vằn trắng, từ trong gạch đá chui ra, bò sang nóc nhà hàng phố rồi vùn vụt đi đàng nào mất. Bắt được ba con con, đều giết chết.

Tục truyền năm Cảnh Hưng, phá cửa Bạch Hổ, bắt được ở trong khe gạch một con rùa nhỏ như đồng tiền, đầu và chân vẫn còn cựa quậy. Vậy cũng phụ chép vào đây.

ÔNG HOÀNG SẦM

Ông Hoàng Sầm, ở Thụ Sơn, đời đời làm nghề cày ruộng. Cha mất sớm, để lại cho mấy sào ruộng, mẹ con nương tựa nhau mà sống; năm 24 tuổi, vẫn chưa biết một chữ nào cả. Cùng huyện có quan Thượng Nguyễn Công Doãn trí sĩ về làng. Quan huyện bắt dân ra đón rước. Ông cũng ở trong số ấy, sung vào chân khiêng kiệu của tiểu thư. Khi khiêng, ông liếc mắt nhìn trộm, thấy tiểu thư là một người tư sắc tuyệt vời, bất giác lòng rung động.

Về nhà, ông nói với mẹ muốn được lấy cô con gái ấy. Mẹ cười và bảo đừng mơ ước hão huyền. Ông không nghe, mua một buồng cau, cố bắt mẹ phải đi dạm, lại đi theo sau mẹ, sợ mẹ dối mình. Bà mẹ không nỡ trái ý con, đến đứng loanh quanh mãi ở cửa nhà quan Thượng. Quan Thượng lấy làm lạ hỏi. Bà mẹ kêu xin tha tội và kể việc con giai thúc bách. Quan Thượng cười mà rằng:

- Không hề gì!

Rồi sau gọi ông đến để xem người ra sao. Ông đóng một chiếc khố, đến phục lạy trước thềm. Quan Thượng nói:

- Con gái nhà quan không lẽ gả cho người bạch ốc. Anh sau này làm nên sự nghiệp như ta mới có thể lấy con ta được.

Ông lạy hai lạy nói:

- Xin vâng theo mệnh. Nhưng mong quan lớn đừng sai lời.

Về nhà, ông không nói gì với mẹ, đi bán trộm một sào ruộng được 30 quan tiền, tới kinh tìm đến một bậc danh nhân xin học. Học ba năm đã giỏi lắm, đi khảo trúng ở huyện Hiệp Hòa (nay thuộc Bắc Giang), rồi đi thi hương đỗ Giải nguyên. Đỗ khoa hương rồi, ông nhờ một người làng đến nói với quan Thượng xin đừng sai ước cũ, rồi lại tới kinh. Bấy giờ con gái quan Thượng tuy có mấy đám hỏi,

nhưng chưa thành đám nào, vẫn còn ở nhà. Khoa Mậu Tuất (1538) niên hiệu Đại Chính đời nhà Mạc, ông 27 tuổi, thi đậu Thám hoa. Hôm vinh quy, làm lễ cưới ngay ở sân nhà quan Thượng. Người làng đều cho là một sự vẻ vang. Ông làm quan đến Lễ bộ Tả thị lang, tước Hoành Phúc bá.

ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN

Tùng Niên

Ông người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, bạn của đấng tiên quân tôi xưa. Tính thích rượu, đềnh đoàng phóng túng. Trong khoảng trường ốc, văn chương ông tiếng lừng thiên hạ. Bấy giờ, chúa Uy Vương110 phải dời đến ở cung Thưởng Liên. Kinh thành tối đến cấm lửa rất ngặt. Ông đào hầm ở dưới đất đọc sách, không bỏ bễ lúc nào. Thường đề tranh Tiêu Tương bát cảnh111. Cảnh Tiêu tương dạ vũ(Mưa đêm ở sông Tiêu Tương), ông đề bài thơ như sau:

菰蒲澤國四滄滄

Cô bồ trạch quốc tứ thương thương,

誰把琳瑯滴夜長

Thùy bả lâm lang trích dạ trường.

乍過幽蘭啼楚客

Sạ quá u lan đề Sở khách,

忽來暗竹泣娥皇

Hốt lai ám trúc khấp Nga Hoàng.

蘋洲冷逼漁燈細

Tần châu lãnh bức ngủ đăng tế,

蓬底秋驚旅鬢黃

Bồng để thu kinh lữ mấn hoàng.

拂掠數峯猿樹外

Phất lược sổ phong viên thụ ngoại,

滄歌聲斷水茫茫

Thương ca thanh đoạn thủy mang mang.

Nghĩa là: Cỏ cao nước cả bốn bề xanh xanh, ai đem gieo hạt ngọc trong lúc đêm dài? Trận mưa chợt qua, cụm lan tối tăm để than người khách Sở112 vụt đến bụi trúc âm thầm để khóc nàng Nga Hoàng113. Bãi rau bị khí lạnh đè ép làm cho đèn chài nhỏ tý, gốc cỏ bồng hơi thu ghê rợn làm cho mái tóc lữ thứ điểm vàng. Chợt qua ngoài lùm cây vượn leo trên mấy ngọn núi cao, khúc ca Thương Lương dứt tiếng114, mặt nước sông man mác.

Cảnh Sơn thị tình lam (Chợ núi quang tạnh hơi lam) có những câu:

人家籬外湮光靜

Nhân gia lộc ngoại yên quang tĩnh,

酒店林間樹色明

Tửu điểm lâm gian thụ sắc minh.

Nghĩa là: Nhà dân ở ngoài núi hơi khói quang tạnh, quán rượu ở trong rừng màu cây tỏ rõ.

Và:

換米樵夫穿洞去

Hoán mễ tiều phu xuyên động khứ,

賣鮮漁子傍溪行

Mại tiên ngư tử bạng khê hành.

Nghĩa là: Chú tiều đổi gạo xuyên động mà đi, anh chài bán cá men khe mà bước.

Cảnh Viễn phố quy phàm (Bến xa buồm về) có những câu:

日暮無人迎掉問

Nhật mộ vô nhân nghinh trạo vấn,

五湖多少水湮秋

Ngũ hồ đa thiểu thủy yên thu.

Nghĩa là: Ngày đã tối không ai chờ thuyền để hỏi, năm hồ khói nước màu thu có ít hay nhiều.

Cảnh Giang thiên mộ tuyết (Buổi tối trên sông tuyết xuống) có những câu:

混沌千山埋草樹

Hỗn độn thiên sơn mai thảo thụ,

朦朧萬頃失烟波

Mông lung vạn khoảnh thất yên ba.

Nghĩa là: Man mác nghìn ngọn núi lấp cả cây cỏ, mịt mù muôn khoảnh nước mất cả khói sóng.

Và:

漁翁迷却蘆花渚

Ngư ông mê khước lô hoa chử,

向夜歸來玉滿簑

Hướng dạ quy lai ngọc mãn xoa.

Nghĩa là: Ông chài lạc cả đường về bến hoa lau, đêm về đến nơi thì ngọc (tuyết) giắt đầy tấm áo lá.

Cảnh Bình sa lạc nhạn có những câu:

細雨簾葭箫瑟裏

Tế vũ liêm hà tiêu sắt lý,

又添秋色滿南江

Hựu thiêm thu sắc mãn nam giang.

Nghĩa là: Trong cảnh tiêu sắc của một giời mưa phùn tưới lên những khóm cỏ liêm hà, lại thêm vẻ thu đầy trên sông nam.

Những thơ này phong cách cao trội, kể từ đời Trung hưng đến giờ, thi phái mới nhân đó chấn khởi lên được.

Các bài phú bát vận liên châu của ông, những người học đi thi, thường giữ gìn một cách quý báu. Bài phú Trương Hàn nhớ rau rút cá mè có những câu:

冷淡村殽，半餉了八王之成敗

Lãnh đạm thôn hào, bán xướng liễu bát vương chi thành bại,

尋常野品，數盃殘兩晉之是非

Tầm thường dã phẩm, sổ bôi tàn lưỡng Tấn chi thị phi.

Nghĩa là: Món quê nhạt nhẽo, nửa bữa xong cuộc thành bại của tám vị vương, vị đồng tầm thường, mấy chén tàn chuyện thị phi của hai triều Tấn.

Bài phú Trương Lương mặc áo vải có những câu:

副車盈恨一襟博浪之沙痕暗濕

Phó xa doanh hận nhất khâm, Bác Lãng chi sa ngân ám thấp,

黃石祕傳半袖圮橋之露點初稀

Hoàng Thạch bí truyền bán tụ, Di Kiều chi lộ điểm sơ hy.

Nghĩa là: Một vạt áo chứa đầy tức giận bởi nỗi đánh lầm phải người phó xa mà không đánh trúng Tần Thủy Hoàng, vạt áo ấy còn dâm dấp ướt vì ngấn cát ở đất Bác Lãng, nửa ống tay giấu quyển sách bí truyền của ông Hoàng Thạch, vừa khô vết sương ở cầu Di Kiều.

Bài phú Tiếng gõ cửa115 có những câu:

門邱幾聲，手報無言之綸綍

Môn khấu kỷ thanh, thủ báo vô ngon chi luân phất,

規恢一宇，喉通未到之關河

Quy khôi nhất vũ, hầu thông vị đáo chi quan hà.

Nghĩa là: Cửa gõ mấy tiếng, tay báo cái ý chỉ nói không ra nhời, (nghĩa câu dưới chưa rõ, tạm để khuyết nghi)116.

Và:

乾坤盃裡經營，鼾睡之山河欲動

Càn khôn bôi lý kinh doanh, hãn thụy chi sơn hà dục động.

Nghĩa là: Xoay sở càn khôn trong chén rượu, làm cho một cõi non sông ngủ ngày bên cạnh như muốn giật mình117.

Đó đều là những câu văn sang sảng đáng đọc.

Khi ông mới được trao chức Huấn đạo, bài văn yết miếu đức Thánh (Khổng Tử) có hai câu:

無位勛華

Vô vị Huân Hoa

能言天地

Năng ngôn thiên địa

Nghĩa là: Ngài như Nghiêu Thuấn không ngôi và như trời đất biết nói118. Hai câu này càng được người đời khen ngợi lắm.

Khoảng năm về già, ông làm ra khúc Chinh phụ ngâm, cả thảy đến mấy nghìn lời. Làm xong đưa ông Ngô Thì Sĩ xem, ông Ngô thán phục mà rằng:

- Văn này đánh đổ cả lão Ngô già này chứ còn gì nữa.

Khúc ngâm ấy người ta sao chép, truyền sang đến hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây nước Tàu, có người thức giả nói:

“Tinh thần trút cả vào đây, tác giả bài này chẳng qua chỉ ba năm thì chết”.

Sau ông làm đến chức quan Ngự sử rồi mất đúng như nhời trên ấy. Ông có tập tiểu thuyết Bích câu kỳ ngộ lưu hành ở đời.

MẸ RANH CÀN SÁT

Tùng Niên

Ở khoảng làng Hạ Lôi và Thượng Cát thuộc huyện Từ Liêm, có một thằng bé con nhà làm ruộng, tuổi ước lên 5 lên 6, thường nói với cha, xin sang ngủ ở nhà ông ngoại thôn bên, tối đi sớm về, trải mấy tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu phải đi lại vất vả, một hôm gặp ông bà ngoại nó ở đường, bèn nói bảo cho cháu nó ngủ ở nhà. Người bà ngoại giật mình nói:

- Đã lâu cháu nó có sang ngủ nhà tôi nữa đâu, sao lại có câu chuyện ấy.

Người chú bấy giờ mới biết, không giả nhời sao. Đến tối, ngầm đi theo sau thằng bé. Ra khỏi cổng làng, gần đến một cái gò cây cối rậm rạp, thằng bé gọi với rằng:

- Mẹ ơi! Con đã đến đây.

Người chú ngồi núp ở một cái gò bên rình xem, thấy trong bụi cây có mấy chục đứa trẻ, đứa cười đứa khóc, một người đàn bà hai vú đều dài đến một thước, ôm lấy thằng bé cho nó bú. Thằng bé nói:

- Sớm đi tối đến, chỉ sợ rồi họ biết, sao mẹ chẳng đem con đi luôn có được không?

Người đàn bà an ủi.

- Hạn nợ chưa hết, con hãy phải đợi vài năm nữa. Nếu họ cho con ăn cá chép ba ba thì con chớ có ăn, nếu không thì mẹ sẽ không thể gần con được nữa.

Thằng bé vâng nhời, rồi hai mẹ con lại nói chuyện với nhau lào xào. Người chú im lặng trở về. Đến sáng, mua hai thứ kia nấu

chung làm một, gọi thằng bé bảo ăn. Thằng bé quả chối từ không ăn. Nhưng người chú cố đè ra đổ cho ăn và đổ tóe cả ra mình nó. Buổi tối lại đi dò theo thằng bé ấy, thấy thằng bé đến cách cái gò độ mấy chục bước, con mẹ ranh cả kinh mà rằng:

- Mày không nghe lời dặn của tao, lại còn đến đây làm gì!

Rồi đuổi, không cho đến. Thằng bé đứng lùi lại, khóc. Người chú liền quát lớn thì con mẹ kia phút biến đi. Người chú lại lấy xương ba ba, cá chép vứt khắp bụi cây. Đêm hôm ấy, thấy con mẹ kia đến gõ cửa van xin bỏ hai vật kia cho, nếu không sẽ làm yêu quái. Người chú bất đắc dĩ phải bằng lòng. Sớm hôm sau, dậy ra nhặt vứt hai vật kia xuống nước. Thằng bé từ đấy cũng không hề gì.

ĐỀN TRẤN VÕ

Tùng Niên

Miếu Ma ở huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc, nay đổi là miếu Xuân, đời thượng cổ có con hồ chín đuôi, vẫn làm hại dân gian. Một khoảng xa hơn bốn mươi dặm, vắng tanh không ai dám ở. Nhờ có đức Huyền Thiên thượng đế, giáng xuống bắt con hồ ấy. Từ đấy, trải các triều vua, đều có thờ vọng và ghi vào lễ điển, dựng đền Trấn Võ ở phía tây bắc thành Thăng Long để trấn át linh khí của Hồ Tây. Đời chúa Định Vương tiên triều mới đúc đồng làm tượng, cao mấy chục thước, xõa tóc đi chân không, chống gươm đứng giẫm lên con rùa, con rắn. Lại có bốn viên nguyên súy đứng ở phía trước, tượng Hồ tinh đứng một bên, uy dũng nghiêm chỉnh.

Đạo sĩ vốn quê Thanh Hóa, đời cha đời ông vẫn làm nghề phù thủy. Một lần, từ làng bên cạnh về nhà, gặp ông địa lý Tả Ao giữa đường kêu đói, bèn lấy cả oản chuối trong bọc ra biếu. Ông Tả Ao cảm bụng tốt, táng cho một ngôi mộ tổ, nói cái ân một bữa, xin lấy việc ấy báo đền. Chưa bao lâu, Thành Tổ Triết Vương đem quân nghĩa kéo ra mặt đông, ngài bị cảm ở chỗ đóng quân, kíp triệu đạo sĩ đến cúng trừ. Đạo sĩ vừa phát bùa dấu thì bệnh vương đã khỏi, ngài sai ghi lấy công. Khoảng năm Quang Hưng (1573-1600) xa giá ngự ra Trung bộ, cho đạo sĩ được coi giữ đền Trấn Võ. Đạo sĩ đến đền, từ người trụ trì đến người coi việc đèn hương đều dùng con cháu trong nhà cả.

Quan Thượng Mỗ người làng Hoàng Xá, khi đi sứ Trung Hoa, có rước pho tượng Tử Đồng đế quân về nước tạm đặt ở tiền đường đền Trấn Võ sau lại thiên lên đỉnh núi Hoàng Xá. Rồi thấy đức Tử Đồng giáng bút nói rằng:

- An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 ngày 6 ứng mộng cho các học trò. Nguyên tượng thì phải trả về Trung Hoa, đừng đem ta đi vơ vất như vậy.

Chợt có thuyền của người bên Trung Hoa sang, đi tìm hỏi pho tượng ấy. Quan thượng thư tuân mệnh giả về, rồi ở chỗ di tích, tạc pho tượng mới để thờ phụng, nay ở trước đền Trấn Võ, về bên phía tả, pho tượng đội mũ phốc đầu, mặc áo bổ phục chính là đó vậy. Gặp năm có khoa thi hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tắm gội chay sạch đến đền làm lễ cầu mộng, báo ứng rất nghiệm. Tại chùa núi Hoàng Xá cũng vậy.

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ổ.

Kính Phủ

Họ Nguyễn ở Quế Ổ vốn là một họ danh tiếng về đời Lê Trung hưng. Tiên tổ khi xưa nhà nghèo, dựng lều ngoài đồng để làm nghề chăn vịt. Một hôm con ra thăm cha, không thấy đâu cả, có phong thư, mở xem mới biết cha mình đã bị những người Tàu đến đào hố của giết mất, moi ruột tế thần giữ của, chôn ở cái gò đất bên lều, và dặn đó là cát địa, đừng nên cất nhắc đi đâu cả, người con kêu khóc rồi đắp nấm mồ mà về.

Sau nhà ấy thường sinh ra những bậc danh tướng, có tiếng khỏe mạnh, nhưng phần nhiều về sau không được trọn vẹn, người ta cho là vì mồ mả xui nên. Khoảng năm Vĩnh Hựu, có người cháu là Đức Tố do chức tướng quân đi đánh giặc, lúc lâm hành, trao cờ ấn cho kẻ bộ hạ mà bảo:

- Giữ lấy rồi đem về nộp với triều đình, ta tất không thể trở về được.

Rồi tướng quân gặp giặc Diên đến, hăm hở một ngựa xông ra, đánh nhau mê mải hồi lâu, rồi ngựa vấp ngã bị giặc giết chết.

Giặc Diên là người làng Ninh Xá huyện Chí Linh, dòng sau của ông Nguyễn Mại, sức khỏe tuyệt vời, mỗi bữa ăn hết nồi tư cơm, thuở nhỏ tập nghề võ, vẫn cùng tướng quân có tiếng giỏi ngang nhau. Nay Diên mừng mà rằng:

- Thế là từ nay ta không còn có người đối thủ nữa.

Tin buồn đưa về, triều đình khen Đức tướng quân là tiết nghĩa, truy phong làm Phúc thần, và cất dùng con là Đức Thân, Đức Ánh làm quan. Trận đánh ở Nhã Nam (ở Yên Thế, đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu), Đức Ánh cưỡi voi đốc chiến, bị thương ở cánh tay hữu gần gãy, xé vạt áo băng bó rồi lại xua binh tiến vào, tiếp đó bị giặc bắn chết, được truy tặng Quận tước. Bấy giờ Đức Thân đương làm Hữu tướng quân, tiến áp đến bên trại giặc, bị tin phải đạn bay mà mất. Con là Đức Vượng lại lĩnh quân của cha, đánh

nhau rất hăng, được phong Bắc Ngạn hầu. Cuối đời Cảnh Hưng, lệ thuộc vào đạo quân Thuận Quảng. Tháng Năm năm Bính Ngọ, thành hãm, cũng vì đánh trận mà chết.

ÔNG SẤM

Kính Phủ

Người nhà giàu Mỗ ở làng Như Phượng, huyện Văn Giang, thường đi buôn bán ngoài bể khơi, bị sóng gió đánh đắm thuyền, dạt đến một cái đảo, thấy trên đảo toàn là những người đen xấu, ăn mặc cày cấy cũng giống như người đời. Mỗ ở đấy làm mướn mấy năm. Một hôm người trong đảo bảo rằng:

- Anh có muốn về thì đi theo ta.

Hắn trao cho nắm một đầu thừng bảo nhắm mắt lại, rồi hắn bay tung lên giời, bên tai Mỗ nghe thấy tiếng sấm ù ù, một lúc thừng đứt mình lăn xuống đất, nhìn ra thì đã là cổng làng. Mỗ về đến nhà hình trạng biến đổi khác cả, người nhà không thể nhận được nữa, thuật chuyện lại rồi họ mới tin. Ngày nay con cháu đều đen, người ta bảo là họ ông Sấm.

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

Kính Phủ

Ông người làng Hà Lỗ huyện Đông Ngàn. Hồi chưa đỗ, thường đến đền Chân Võ ở huyện Yên Phong cầu mộng. Thần bảo rằng: "Suốt đời làm dân hạng". Tỉnh dậy buồn rầu, nguội lạnh cả lòng trường ốc. Khoa thi hội năm Mậu Thìn, theo một ông thầy học ở làng là viên giám sinh Mỗ đến kinh, mới vào đến tam trường thì viên giám sinh mất, ông bèn mạo tên vào trường làm văn. Các cống sĩ đồn dậy lên, nói có người mạo tên vào thi, trong trường rất rối loạn. Một thí sinh người làng Tỵ Xá là Nguyễn Duy Hiểu, con quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì, đứng dậy bảo các cống sĩ rằng:

- Ba năm mới có một khoa thi, đó là một điển lễ lớn chọn tài, phải trái đã có công luận, ai nấy chỉ nên gắng lo về tiền trình của mình là hơn.

Các cống sĩ bấy giờ mới im lặng. Khi ra bảng, ông được hợp cách. Việc đến tai triều, đình thần muốn tước bỏ, nhưng còn bàn bạc chưa xong. Bấy giờ ông Nguyễn Duy Hiểu trúng cách, bạn khách đến mừng nhưng ông Hiểu không tiếp. Cha là ông Thượng thư hỏi vì cớ sao, ông Hiểu thưa:

- Vì nghĩ Dương Mỗ có kỳ tài mà bị truất cho nên con buồn, không muốn nhận lời mừng của ai.

Ông Thượng thư cố bắt phải ra tiếp khách rồi vào phủ nói với chúa rằng:

- Dương Công Cao thi hội trúng cách, há rằng thi hương lại không trúng cách ư? Khoa mục cốt ở chọn được người, không nên câu nệ những lề luật có sẵn.

Chúa nghe theo, cho vào thi đình, ông đỗ nhị giáp. Sau bia đề tên

ông, chua là dân hạng. Thần mộng quả là ứng nghiệm.

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO

Tùng Niên

Ông người làng Hoài Bão huyện Tiên Du, tính nết bừa bãi, ngoài thịt chó và rượu ngon không còn ham thích cái gì, ngông ngạo không coi ai vào đâu cả. Ngày vào điện thí, đáng nhẽ đỗ đầu mới phải, nhưng triều đình đè nén, đặt xuống thứ ba. Đứng trong triều nói năng không kiêng sợ gì, nên mấy lần bị biếm truất. Sứ Tàu sang sách phong, đi đến trạm Xương Giang dừng lại, đưa cho thế tử một vuông gấm, viết lớn một chữ Càn 乾. Cả triều không ai giải đoán được, phải đặc chỉ triệu ông vào. Ông thưa rằng:

- Cái trò đánh đố nhỏ nhặt ấy, bõ gì chúa thượng phải bận lòng suy nghĩ.

Ông bèn cầm bút đẫm mực viết một nét xổ để trả lời, sứ Tàu liền đến ngay. Chúa hỏi duyên cớ, ông nói:

- Tượng của quẻ càn có ba nét ngang 三, thêm vào một nét sổ | thì thành chữ vương 王, có thế thôi.

Khi ông sung làm chánh sứ sang cống Tàu, qua một cái quán giường cột lộng lẫy. Người bạn tống xin ông đề cho mấy chữ biển ngạch, ông liền viết hai chữ trùng nhị 虫二. Người Tàu hỏi nghĩa là thế nào, ông cười mà rằng:

- Thế nghĩa là Phong nguyệt vô biên 風月無邊120.

Ai nghe thấy cũng phải kính phục.

Việc đi sứ xong, ông xin về hưu, thường đội cái nón, chống cây gậy, xách bầu nước, lê đôi dép, qua lại thẩn thơ ở trong khoảng suối đá, ham vui quên về. Có khi nhân đêm trăng lên chơi núi Lạn Kha, canh một đã hết, bốn bề im lặng không có một người nào.

Bỗng thấy trên núi có hai cây gậy cắm, giữa căng một sợi dây nhỏ, một đạo nhân nằm lên trên sợi dây ấy, ngủ ngáy kho kho. Ông lấy làm lạ quỳ dài ở dưới đất để đợi. Ước một trống canh đạo nhân ngồi dậy nói:

- Ông có phải là ông Thám hoa người làng Hoài Bão không?

Ông dập đầu vâng nhận, xin bỏ việc cõi đời theo đi tu tiên. Đạo nhân vung ngón tay trỏ một vòng rồi nói:

- Ông có số nhưng không có mệnh, đừng nên tự khổ.

Ông cố nài xin thì đạo nhân nói:

- Tu tiên phải ăn kiêng nhiều thứ mà thịt chó là một, vậy ông có thể kiêng được không?

Ông nói kiêng được. Đạo nhân bèn cuốn dây buộc gậy, đưa cho ông vác đi theo. Trải qua các núi sông, đều thấy khác phong cảnh ngày trước. Đến một cái chợ, mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm sực đưa vào lỗ mũi, ông thèm quá không thể nén được, xin cho ăn một bữa rồi từ rầy thôi hẳn. Đạo nhân bằng lòng cầm hộ gậy và dây để cho ông vào. Ông ăn no rồi đi ra, đạo nhân bảo:

- Ta là Trần Đồ Nam đây. Ông có số không mệnh, thôi đừng nên tự khổ nữa.

Bèn trao cho ông một phương thuốc chữa trâu bò rồi vụt biến đi không trông thấy đâu nữa. Ông chùi mắt nhận kỹ, té ra đấy là chợ Cầu Lim ở làng Nội Duệ, cách núi Lạn Kha mới độ chừng một dặm, ngẩn ngơ buồn tiếc một hồi lâu.

ÔNG BÙI HUY BÍCH

Tùng Niên

Năm Cảnh Hưng Nhâm Dần (1782), chúa Điện Đô trẻ thơ lên cầm quyền chính, xa gần đều nôn nao. Ngày 25 tháng Mười, quân Tam phủ làm loạn, phù lập con nhớn của chúa cũ là Tông lên ngôi, đó là Đoan Nam Vương. Ông Bùi Huy Bích ở trong chính phủ, hết sức chèo chống, trong ngoài mới được tạm yên ổn.

Bấy giờ dưới lấn trên suy, rường mối trong triều ngày càng nát nớt, ông lo lắng, thường vẫn thở ngắn than dài. Bài văn khóc ông Quyền phủ Hồ Sĩ Đống, ông có những câu:

"Trên triều đình chính sự bừa bãi, lại thêm mùa màng bị nước lụt sâu cắn, đương mong ông hoặc có cứu chữa được tình thế chăng. Nay ông từ trần thì tôi lại chưa được tránh bước người hiền để lui về nuôi giữ cái ngu của mình".

Coi đó thấy tấm lòng của ông tỏ bày ra ở lời nói.

Một hôm ông chiêm bao thấy chúa Nghị Tổ Ân Vương ngự đi chơi núi, ông quỳ khải rằng:

- Việc nước đến cơ hỏng mất, còn mong ở đấng Tiên thánh vương sẽ tính kế cho xã tắc.

Chúa thở dài không nói gì, chỉ trỏ tay xuống dưới núi thì thấy ở giữa đám núi thịt bể máu, mũ xiêm xe kiệu bề bộn ngổn ngang không biết bao nhiêu mà kể. Rồi đó mấy lần ông xin thoái chức nhưng không được. Chưa bao lâu nước mất.

THÁP BÁO THIÊN

Tùng Niên

Cây tháp Đại Thắng Tư Thiên ở chùa Báo Thiên dựng từ đời vua Lý Thánh Tông. Tháp xây mười hai tầng, cao mấy chục trượng. Đời vẫn nói An Nam tứ khí 安南四器, nghĩa là nước An Nam có bốn cái công trình lớn thì tháp này là một121. Khoảng năm Tuyên Đức nhà Minh, đức Thái Tổ hoàng đế Tiên triều tiến binh vây Đông Đô, viên quan giữ thành là Thành Sơn hầu Vương Thông phá hủy cây tháp để chế súng đá làm kế giữ thành.

Tiên triều nhân nền cũ, đắp cái núi đất phủ lên trên. Sau hồi vạc đổi, chùa bỏ hoang làm chợ Báo Thiên, núi làm chỗ xử tử người tội. Năm Giáp Dần (1791), đắp lấy những gạch đá nền tháp để tu bổ thành Thăng Long. Nền tháp mở ra, thấy có 8 pho tượng Kim Cương chia đứng bốn cửa, ngoài ra còn những tượng người tiên, chim muông, cho đến những giường ghế chén bát không thể kể xiết, toàn bằng đá cả. Những hòn gạch hoa, hòn nào cũng khắc những chữ 李家弟三帝龍瑞太平四年造, nghĩa là niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ tư đời vua thứ ba triều nhà Lý đúc nên. Tôi bấy giờ có câu thơ rằng:

李氏故基成茂草

Lý thị cố cơ thành mậu thảo,

太平遺號委殘磚

Thái Bình di hiệu ủy tàn chuyên.

Nghĩa là:

Lý thị nền xưa vầng cỏ tốt,

Thái Bình hiệu cũ đống sành hoang.

Đó là lời kỷ thực122 vậy.

TIÊN QUẬN CHÚA

Tùng Niên

Cô gái yêu của bà chính phi chúa Minh Vương (Trịnh Doanh) là Tiên quận chúa, đã đính hôn với Hoàng thái tử Duy Vĩ.

Chưa thành hôn thì bà tạ thế, sau khi khâm liệm, truy sách làm Hoàng thái tử phi, lễ thành phục làm ở dinh bà Liêu công phu nhân là bảo mẫu của quận chúa.

Trước đó một ngày, Thái tử túc trực ở nhà tang, chiêm bao thấy kẻ Yết giả áo vàng dẫn vào vương phủ, trông thấy lâu đài cùng kẻ hầu người hạ, sang trọng gấp mười lần ngày thường.

Thái tử cùng quận chúa ngồi uống trà xong, nhà bếp dọn một mâm cỗ lên để hai người ăn, đàn sáo nổi lên ríu rít. Ăn xong, trò chuyện lúc lâu rồi quận chúa sai buông màn cùng nhau âu yếm. Trong khi nằm trên gối, quận chúa bảo với Thái tử rằng:

- Thiếp chịu mệnh Thượng đế, xuống trần cùng Điện hạ kết mối duyên nợ kiếp xưa. Mới đây vì bà phi mẫu của thiếp đức mỏng, nên thiếp phải về, không được ở lại để hầu khăn túi cho trọn vẹn. Nhưng cái ngày sum họp sau đây cũng chẳng xa xôi là mấy, xin đừng nên bận nghĩ đến thiếp cho lắm.

Lúc tỉnh dậy hơi rượu chưa phai, hương thừa hãy còn ngan ngát ở áo, bèn gọi bà Bảo mẫu nói chuyện cho nghe. Trông phong nghi phục sức của Quận chúa trong giấc chiêm bao, y như lúc ngày thường không khác gì cả.

Không bao lâu Thái tử phải nạn.

NGƯỜI BÁN THAN

Kính Phủ

Hồi họ Nguyễn cũ123 mất, có kẻ di thần ở ẩn không chịu ra làm quan, lấy nghề bán than làm kế sống. Một hôm giữa đường gặp đám quan quân, ông họ Hoàng trông thấy lấy làm lạ, bảo làm bài thơ bán than bằng quốc ngữ. Mỗ liền làm ngay rằng:

Một gánh kiền khôn ruổi xuống ngàn,

Hỏi chi bán đấy gửi rằng than.

Chuốc mua miễn được đồng tiền tốt,

Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.

Ở với lửa hương cho vẹn tiết,

Thử xem sắt đá có bền gan.

Hận vì nhem nhuốc mong nghề khác,

Song lệ giời kia lắm kẻ hàn.

Ông Hoàng rất tán thưởng, tặng cho năm quan tiền. Nhưng Mỗ không nhận, liền quẩy gánh củi đi.

Xét người di thần của họ Nguyễn cũ này có làm ra thơ rất nhiều, không thể chép hết ra đây được. Hãy xin lục ra một vài bài:

誰分誰合末之何

Thùy phân thùy hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắc tòng lai thị nhất gia.

盪襲官軍歌鼓角

Đãng tập quan quân ca cổ giốc,

奔逋臣主泣山河

Bôn bô thần chúa khấp sơn hà.

皤皤白髮歸何所

Ba Ba bạch phát quy hà sở,

耿耿丹心矢靡他

Cảnh cảnh đan tâm thỉ mĩ tha.

寄語皇天如悔禍

Ký ngữ hoàng thiên như hối họa,

肯教蒼赤陷兵戈

Khẳng giáo thương xích hãm binh qua.

Nghĩa là: Ai chia ra và hợp lại, chẳng biết làm sao, miền nam miền bắc nguyên xưa nay vẫn là một nhà. Quan quân miền bắc đi đánh chác xong, thổi còi gióng trống hát khúc khải hoàn, trong khi ấy thì chúa tôi miền nam chạy trốn long đong mà khóc nỗi nước non tan vỡ. Tóc bạc phơi phới biết về nơi nào? Lòng son lòi lọi thề không đổi chác. Nhắn với ông Hoàng thiên nếu có lòng băn khoăn về những tai nạn, há nỡ để cho dân chúng phải hãm vòng binh qua.

II

… (mất câu đầu)

二百年來席久安

Nhị bách niên lai tịch cửu an.

逋隸有情顒聖武

Bô lệ hữu tình ngung thánh võ,

具臣無口罵權奸

Cụ thần vô khẩu mạ quyền gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bất năng tuyệt đính Di Tề quỷ,

何忍新階溥質官

Hà nhẫn tân giai Phổ Chất quan.

尙有先公遺澤想

Thượng hữu Tiên công di trạch tưởng,

故寧殷義似周頑

Cố ninh Ân nghĩa tự Chu ngoan.

Nghĩa là: ... Hai trăm năm nay chiếu giường yên ổn. Những kẻ hèn hạ còn có lòng cảm đội ơn chúa, đáng thương kẻ bề tôi đủ đầu này không có miệng để mắng đứa gian thần. Đã không lên được đỉnh núi để chết làm con mà Di, Tề[124], sao nỡ còn đứng ở thềm triều mới để lĩnh chức quan như Phổ Chất[125]. Vì còn tưởng nhớ đến những ơn xưa của các đấng Tiên công (chúa cũ), cho nên thà làm con người có nghĩa của nhà Ân tuy có giống như tên dân cứng cổ của nhà Chu.

III

當初恨不死忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里羈臣趕王京

Thiên lý cơ thần sấn ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆佯零

Văn Sơn bắc độ thán dương linh.

關河舉目鄉情重

Quan hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遥望宋山何處是

Dao vọng Tống Sơn hà xứ thị,

吾先烈祖舊墳塋

Ngô tiên liệt tổ cựu phần dinh.

Nghĩa là: Năm xưa giận mình chẳng chết theo với chữ trung trinh, nghìn dặm long đong đi đến chốn ngọc kinh này. Ông Cơ Tử trở về quê hương miền tây, buồn trông thấy kinh đô chúa cũ thành ra cánh đồng lúa tốt126. Ông Văn Sơn vượt bể đi lên mạn bắc khi nước mất và thân mình bị bắt, than thở về cảnh trên mặt bể linh đinh127. Nước mắt trông núi sông, lòng quê nặng trĩu, ngẩng đầu ngó chung đỉnh, mùi đời coi khinh. Xa trông đất Tống Sơn ở về nơi nao, tại đấy có những phần mộ của tổ tiên nhà chúa.

Một người con gái của Mỗ lưu lạc ở kinh, vào trong dinh người anh của tước hầu Kiều Nhạc họ Nguyễn, có làm hai câu thơ rằng:

來可亡吳傷浣婦

Lai khả vong Ngô thương cán phụ,

去能存楚愧包胥

Khứ năng tồn Sở quý Bao Tư.

Nghĩa là: Đến có thể làm mất nước Ngô, thương cho người đàn bà giặt sợi (trỏ Tây Thi), đi có thể giữ còn nước Sở, thẹn thay mình chẳng bằng Bao Tư. Hầu nghe thấy bèn đuổi đi.

Lời phụ xét của người dịch:

Thường đọc sách Nam Hà tiệp lục, cũng có thấy nói về vị dị thần này. Sách đó nói:

“Sau khi chúa Nguyễn ở Nam Hà mất, có vị hàn lâm chạy ra bắc ở thành Thăng Long, người ta khuyên làm quan nhưng không chịu làm, nhân làm thơ để tỏ ý”.

Về thơ chữ Hán của vị dị thần này, sách đó chép hơn đây một bài; tựu trung lại có những chữ không giống với ở đây, và một câu thơ

thiếu mất trong bài thứ hai ở đây thì sách ấy có đủ. Vậy xin sao lục cả mấy bài ấy ra để tiện tham khảo.

I

北風攜手與誰俱

Bắc phong huề thủ dữ thùy câu,

月色天山影共孤

Nguyệt sắc thiên sơn ảnh cộng cô.

一日十時思故國

Nhất nhật thập thời tư cố quốc,

五更九夢到南州

Ngũ canh cửa mộng đáo nam châu.

不能白水旋車力

Bất năng Bạch Thủy toàn xa lực,

空作長安浪渡夫

Không tác Trường An lãng độ phu.

尙有同猏公子在

Thượng hữu Đồng Nai công tử tại,

何堪垂淚嘆贏輸

Hà kham thùy lệ thán doanh thâu.

II

當初恨不子忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里崎嶇赴玉京

Thiên lý khi khu phó ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆丁冷

Văn Sơn bắc độ thán đinh linh.

山河舉目鄉情重

Sơn hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遥望愛州何處是

Dao vọng Ái Châu hà xứ thị,

吾先列聖舊墳塋

Ngô tiên liệt thánh cựu phần dinh.

III

天將一帶阻江山

Thiên tương nhất đái trở giang san,

二百餘年席九安

Nhị bách dư niên tịch cửu an.

逋隸有懷顯聖澤

Bô lệ hữu hoài ngung thánh trạch,

具臣無口罵權奸

Cụ thần vô khẩu mạ quyền gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bất năng tuyệt đính Di Tề quỷ,

何忍新朝溥質官

Hà nhẫn tân triều Phổ Chất quan.

回想先王遺澤在

Hồi tưởng tiên vương di trạch tại,

故寧殷義作周頑

Cố ninh Ân nghĩa tác Chu ngoan.

IV

時分時合未之何

Thời phân thời hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắc tòng lai thị nhất gia.

蕩定官軍歌鼓角

Đãng định quan quân ca cổ giốc,

逋奔臣子哭山河

Bô bôn thần tử khốc sơn hà.

遙遙白鬢歸何處

Dao dao bạch mấn quy hà xứ,

耿耿丹心矢靡他

Cảnh cảnh đan tâm thỉ mĩ tha.

何幸天心早悔禍

Hà hạnh thiên tâm tảo hối họa,

免教蒼赤陷干戈

Miễn giao thương xích hãm can qua.

PHẠM TẤU

Kính Phủ

Phạm Tấu người làng Hoàng Xá huyện Đông Quan, con bé của quan Đông các Phạm. Thủa nhỏ thông minh, đọc rộng các sách, văn chương rộng rãi mạnh mẽ. Khi đi khảo, đầu bài phú là 遇合眞君臣 Ngộ hợp chân quân thần128, bài Phạm làm trong đó có một liên129 rằng:

白帝灰興復之心，創業之功未半

Bạch đế hôi hưng phục chi tâm, sáng nghiệp chi công vị bán,

五丈洒英雄之淚，復讎之志難伸

Ngũ trượng sái anh hùng chi lệ, phục thù chi chí nan thân.

Nghĩa là: Thành Bạch Đế nguội lòng hưng phục, công phu sáng nghiệp chưa được nửa vời; gò Ngũ Trượng rơi lệ anh hùng, chí nguyện phục thù khôn bề thỏa mãn.

Khảo quan khen là có tài lạ, lấy lên đỗ đầu.

Khoảng năm Vĩnh Hựu, ông Đông các vì có ông cậu là Nguyễn Công Hãng bị tội, phải trốn lên Trấn Ninh, theo các ông Duy Chúc, Duy Mật dấy quân; ra trận bị bắt, triều đình kể tội rằng:

- Nhà ngươi là người trong khoa giáp, làm sao lại đi theo đảng nghịch?

Ông cười:

- Đã lâu nay danh phận không rõ, còn ai biết đâu mà phân biệt thuận nghịch.

Nói rồi vươn cổ ra chịu hình.

Phạm Tấu vì thế đâm ra bừa bãi, rượu uống bét nhè, đuổi cả vợ con, chẳng thiết gì xây dựng sản nghiệp, thường đi chơi khắp nơi sơn thủy, gặp lúc đắc ý thì uống rượu hát ngao, mải miết quên về. Bấy giờ Quốc lão Hoàn quận công Nguyễn Hoãn ham đọc những sách về đạo gia, ngờ là Phạm có tiên thuật, mời đến chơi để hỏi. Phạm cười mà rằng:

- Ông là người nổi chìm trong bể hoạn, dạy làm sao được?

Quốc lão im lặng rồi mời đi. Cuối đời Cảnh Hưng, có người gặp ở chợ Thanh Hà, áo rách chân không, thản nhiên ngâm vịnh, cho rượu không từ chối, cho tiền cũng lấy nhưng ném tung cho lũ trẻ con tranh nhau nhặt làm vui. Quan huyện nghe nói mời đến nhà, thết cơm không ăn, chỉ uống rượu vô hạn; ngủ thì cứ để cả chân lấm, mời đi rửa nhất định không nghe. Ở mấy ngày rồi đi. Sau khi vạc đổi, chẳng rõ ra đời thế nào.

ÔNG VÕ CÔNG TRẤN

Kính Phủ

Quan Thượng thư Võ Công Trấn, người làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, thuở trẻ buông tuồng, không chịu ở trong vòng câu thúc. Khi ông đến trọ học ở làng Thiết Ưng, huyện Đông Ngàn, cổng làng có cái miếu yêu tinh rất thiêng, ông vẫn thường đùa nghịch. Một đêm ngồi học, thấy một người con gái áo trắng quần đen, ren rén đi đến, ngồi ở bên cạnh bàn học. Ông cho là một cô con gái lẳng lơ, cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ "tróc phọc"[130] rồi ôm lấy. Vừa ôm thì thoắt chốc đã không thấy gì, nhưng buông tay ra thì nàng vẫn ngồi đấy, bấy giờ mới biết nàng là một yêu nữ. Nàng ngồi lặng lúc lâu không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhất định không nghe. Gà đã gáy nàng kêu van rằng:

- U minh khác nẻo, sao lại bức bách nhau như vậy, há không nghe chuyện đốt soi sừng tê ở hòn Ngưu Chử[131] ư?

Ông hứa tha cho, và hỏi về tiền trình của mình. Nàng nói:

- Tiết lộ cơ giời, tội lỗi không nhỏ, nhưng đối với ông thì tôi không dám giấu. Ông sau sẽ đỗ Đông các cả hai nước, mong đừng quên tôi.

Ông nhận nhời rồi viết vào khoảng không một chữ "giải"[132]. Nàng thoắt chốc đã biến đi mất. Sau đó một lát thì sấm mưa đùng đùng rồi nghe thấy người ta nói là cái miếu yêu tinh đã bị sét đánh tan nát.

Sau ông thi đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Bảo Thái. Thi Đông các cũng trúng cách. Phụng mệnh đi sứ Tàu, gặp kỳ thi Đông các, cũng lại trúng cách. Cảm vì lời nói linh nghiệm, mỗi bữa ăn thường đặt đũa bát khấn mời. Ông làm quan trong triều, cứng

thẳng không kiêng tránh người quyền yếu. Khoảng năm Cảnh Hưng, quan đến Ngự sử. Bấy giờ chức Thự phủ là Luyện quận công Đỗ Thế Giai, vì là bầy tôi cũ ở nơi tiềm để, nên được chúa rất tin yêu, cầm quyền chính có vẻ chuyên quyết. Ông xin chúa chém đầu viên ấy, chúa rất khen là người thẳng. Khi về trí sĩ, được tặng chức Thượng thư. Con gái ông gả cho con giai ông Tô Thế Huy ở làng Bình Đặng. Mới ăn hỏi xong thì người con giai chết. Người con gái về nhà họ Tô chịu tang. Sau bà mẹ là Mỗ phu nhân thương vì trẻ trung, ép đi tái giá. Nàng nói:

- Chính chuyên một tiết là đạo người đàn bà, đâu còn nghĩ đến sự gì nữa.

Mẹ chồng là Mỗ phu nhân cũng khuyên, nhưng nàng thề không lấy ai cả rồi già đời ở nhà chồng.

ÔNG NGUYỄN TRẬT

Kính Phủ

Ông Nguyễn Trật người làng Nguyệt Viên huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa). Tuổi trẻ thi đỗ khoa hương rồi bỏ học đã lâu, không nhìn đến sách vở nữa. Bấy giờ có viên trúng thức Mỗ ở làng Bột Thái trong cùng huyện, học rộng văn hay, tự cậy tài mình lấy khoa bảng dễ như giở bàn tay vậy. Có ông cụ già đến chơi trong hạt, giỏi nghề địa lý, thường đến nhà Mỗ bảo rằng:

- Lão mến tài học của thầy, nay có ngôi đất phát tiến sĩ khoa này, nếu thầy muốn để mả thì lão xin biếu.

Mỗ nói:

- Khoa bảng tự tay tôi sẽ làm ra được, hà tất phải nhờ đến thuật phong thủy.

Ông cụ già im lặng rồi đi. Đến làng Nguyệt Viên tìm vào nhà ông Trật, cụ già cũng bảo như vậy. Ông Trật cảm tạ mà rằng:

- Giàu sang ai là người chẳng muốn, nhưng tôi bỏ học đã lâu, đâu còn dám mong điều ấy nữa.

Cụ già cười:

- Tiến sĩ phải học mới được thì có gì là lạ.

Cụ già ở đấy mấy tháng, ông tiếp đãi rất là kính cẩn. Rồi ông cụ cho ông ngôi đất ấy, và bảo lấy sách vở ra đốt hết đi. Ai thấy thế cũng cười là nhảm.

Đến khoa thi hội ấy, ông miễn cưỡng sắm sửa hành trang tới kinh. Cùng với các người quen cùng trọ một nhà, rồi trường thứ nhất, trường thứ hai, nhờ sức giúp đỡ được trúng. Trường thứ ba nhặt

được mảnh giấy, theo đúng mà chép cũng trúng. Đến trường thứ tư trước khi vào mấy ngày, các bạn cùng trọ đều đi ra ngoài xoay lấy tiền nhu dụng vào trường, ông lại ở nhà trọ ngủ ngày, chiêm bao thấy có vị thần bảo:

- Khương! Khương!

Tỉnh dậy ông nghĩ:

- Khương chắc là gừng rồi!

Hôm vào trường, ông bèn đem theo gừng vào. Bấy giờ tiết xuân giá rét, ông ở trong trường thì đốt lửa đun nước để sưởi ấm. Chiều tối, bên cạnh có một thí sinh vật vã kêu rên vì đau bụng lắm, nghe ra thì chính là viên trúng thức Mỗ ở làng Bột Thái. Ông đun nước gừng đổ cho uống. Một lát, người ấy lấy ra một quyển văn mà bảo:

- Đó là bài văn rất đắc ý của tôi, may chưa đề tên, xin để đền báo. Mong ông anh cõng ra khỏi trường, dù chết cũng không băn khoăn gì nữa.

Ông y theo lời. Ra khỏi trường, Mỗ lại phát bệnh mà chết.

Rồi đó ông trúng cách, ở kinh đô người ta huyên truyền cả lên. Việc tiết lộ ra. Triều đình bãi kỳ thi đình. Lâu lâu mới trao cho chức quan tiến sĩ trút áo vải. Từ đấy bèn thành lệ133.

ÔNG VÕ SƯỞNG

Tùng Niên

Trong năm Cảnh Hưng, Hoàng thái tử bị phế, giam ở dinh viên nội thần Thiều quận công. Trúng thức Võ Sưởng là cháu tằng của cụ Thám hoa Võ Thành, hậm hực đau đớn, bèn củ hợp nghĩa sĩ, mưu việc phản chính. Việc tiết lộ ra, bị đem hành hình ở bến Đông. Những người thân cận và bè bạn, đều nín hơi không ai dám nhìn đoái đến. Có viên giám sinh Nguyễn Liên người làng Phan Khê huyện Lương Tài, đem rượu đến để cùng ông Sưởng quyết biệt. Ông uống rượu say, làm bài thơ để tặng Nguyễn Liên trong có câu:

一身自任綱常重

Nhất thân tự nhiệm cương thường trọng.

Nghĩa là: Một thân gánh lấy cương thường nặng; rồi vươn cổ ra chịu chết.

Nguyễn Liên lo liệu việc tang cho chu tất. Năm Đinh Mùi niên hiệu Chiêu Thống, ông được truy tặng tước vương và người con nuôi của ông là Hiệu được phong quan. Triều đình lại bàn dựng đền để tinh biểu. Năm Kỷ Dậu vạc đổi, Hiệu theo vua sang Yên Kinh rồi mất tại đất khách, có người đầy tớ đem tang về.

CHIẾN CÔNG THIỀN SƯ

Tùng Niên

Chùa Phật Tích ở núi Lạn Kha, do vua Anh Tông nhà Lý dựng lên, cung son điện vẽ, san sát trong núi. Có người can, vua cười mà bảo:

- Đó là cái duyên xưa của trẫm.

Hồi tiên triều trung hưng, có người thầy tu ở bên Tàu là Chuyết Công thiền sư, đi thuyền bể chở hơn ba vạn quyển kinh Tam Tạng sang nam, lên núi Lạn Kha, hoảng nhiên như có hiểu ra một điều gì, nhân làm nhà trụ trì ở đấy. Ở được hơn một năm, kinh Tam Tạng bị chuột gặm mất đến một nửa, sư lại về Tàu lấy kinh đem sang. Sau đời Lý Trần, đạo Phật lại hưng thịnh lên đều là công sức của sư cả.

Ông Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo người làng Hoài Bão thuở nhỏ đi học qua chùa ấy, sư thường lấy giầu cau ra thết. Một hôm ông đùa: viết một chữ 獻 hiến ở dưới đáy hộp giầu rồi đi. Sư đón đường lúc ông về rồi mời vào bảo rằng:

- Đó là hai chữ 南犬 nam khuyển hợp lại. Ta vốn biết nhà thầy là trạng nguyên nước Nam, nhưng thầy có muốn nổi tiếng ở tận triều đình Trung Quốc không?

Ông giật mình sụp lạy xin dạy bảo cho. Sư trao cho một quyển sách mà bảo:

- Đó là một quyển sách bí mật, khoảng năm Sùng Trinh, Thuận Trị bản in bị cháy; nhà thầy nên ghi nhớ lấy.

Rồi sau ông thi đỗ và phụng mệnh đi sứ Tàu. Trong khi nhàn rỗi ở quán khách thường được vua Tàu vời vào hỏi han, ông viện dẫn cổ

kim nhiều điều ra ngoài ý nghĩ của người ta, được vua Tàu rất là khen ngợi, ban cấp rất hậu. Như vậy đã đúng như lời của sư nói.

Sư nguyên họ Lý tên là Thiên Tô, cùng tên với vua Lý Anh Tông. Chân thân đến nay hãy còn. Có người ngờ sư là hậu thân của vua Anh Tông.

ĐỀN LINH LANG

Tùng Niên

Hồ Tây thuộc huyện Quảng Đức, là một nơi phong cảnh đẹp ở kinh sư. Khói sóng mơ hồ trông rất bát ngát. Các vua đời nhà Lý thường ngự giá ra chơi ở đấy. Một hôm có một cô gái quê giặt lụa ở bên bờ hồ, vua trông thấy đem lòng yêu, vời vào hành cung cợt ghẹo. Người con gái về nhà có chửa, sinh ra được một con giai, mặt mũi vuông tượng. Năm đứa trẻ lên 8 tuổi, các người kỳ cựu trong làng đem việc ấy tâu lên. Vua vời vào cung, cho dự vào hàng cuối trong các hoàng tử. Không bao lâu cậu hoàng tử ấy lên đậu, mỗi hạt đậu to như hạt ngô, liền xin xít không hở chỗ nào, đến ba tháng giời mà vẫn chẳng khỏi; các thầy thuốc nhà nước đều phải bó tay, không còn xoay xỏa kế gì được. Vua đến thăm thở dài, thương hại. Chợt hoàng tử tâu với vua rằng:

- Con bị đày xuống có kỳ, xin vua cha bất tất phải buồn phiền lắm, con sắp sửa đi đây. Nếu vua cha có lòng rủ thương, thì xin sai lập cho con mấy gian đền thờ ở chỗ nào con đi mất.

Vua bằng lòng. Hoàng tử liền bảo buông màn, đuổi hết những người hầu hạ ra. Chừng một trống canh, mở màn xem, thấy có một con thuồng luồng từ trên nệm bò xuống dưới đất rồi quầy quậy đi, đến bờ hồ Linh Lang ngỏng cổ nhìn những cây cổ thụ và trái núi đất rồi bò xuống nước biến mất. Người đi dò theo về tâu với vua, vua truyền chỉ lập đền134; thường phong cho đến Thượng đẳng thần, cùng đền Bạch Mã đều là vị Đại thành hoàng ở Kinh đô. Mỗi năm cứ ngày lập xuân, quan coi việc đem trâu đất đến dưới đền làm lễ nghênh xuân, các triều sau đều theo lệ ấy.

CHÙA KIM LIÊN

Tùng Niên

Mùa thu năm Định Tỵ (1797), tôi cùng các ông Nguyễn Thạch Hiên, Nguyễn Kính Phủ, Hoàng Hy Đỗ, đến chơi chùa Kim Liên ở làng Nghi Tàm, nơi trụ trì cũ của hòa thượng Huệ là nội thị của chúa Uy Vương. Chùa xoay lưng ra sông Nhị Hà, Hồ Tây diễu quanh ở trước mặt, khói sóng man mác, trời nước một màu. Lớp trong lớp ngoài đều năm gian, trong năm Cảnh Hưng lấy gỗ ở chùa Quán Sứ mà dựng nên, làm rất tỉ mỉ và kiên cố. Đàng phía tả có mấy cái gò, xen lẫn vào trong khoảng nước hồ, tháp gạch xây ở trên, khóm trúc cội tùng phơ phất. Đàng hậu đường có một pho tượng, đội mũ cầm hốt và mặc áo văn lĩnh, hai chân đứng không, mày râu như vẽ, truyền rằng đó là ngự dung của chúa Uy Vương. Bấy giờ chú tiểu trong chùa đương bẻ hoa đồng về tiến cúng, đón mời khách vào ngồi chơi. Sân thềm xen lẫn cỏ và đá. Cúc giậu mới vàng, cùng nhau ra xem ngắm lúc lâu rồi về.

Chao ôi, mây trắng chó xanh, biến đổi đi trong chớp mắt. Người xem đây cũng nên tỉnh ngộ ra vậy.

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tùng Niên

Đức Quang Thục hoàng thái hậu tiên triều thủa còn là người thường, ở ngụ tại phía tây nam nhà Quốc tử giám. Nước hồ bao bọc chỗ nhà ở, các thầy tướng số cho là có khí thiên tử. Bà thường vì họ hàng mà đi lại với các bà phi tần ở trong cung, vua Thái Tông trông thấy bà yêu thương đến, về nhà bèn có mang. Đúng kỳ sinh ra được một người con giai, thiên tư tuyệt lạ. Thủa nhỏ người con giai theo mẹ ở lẫn trong đám dân chúng, nổi tiếng về văn học. Vua Thái Tông nghe tiếng vời vào, phong cho tước vương. Đến sau nhân khi Lệ Đức hầu bị phế, các đại thần đón vị vương này lập lên làm vua, đó là vua Thánh Tông. Vua tựu chỗ ngôi nhà ở cũ của Thái hậu, dựng ra tòa điện Huy Văn, bên cạnh dựng ngôi chùa Dục Khánh.

Khi trước Thái hậu có mang, chiêm bao đến chỗ Thượng đế, thấy Thượng đế sai một vị tiên đồng giáng thế, làm vua nước Nam, và sai một ngọc nữ xuống để sánh đôi. Tiên đồng không vâng chỉ ngay, Thượng đế giận, ném hòn ngọc khuê làm xây xát ở trán. Tiên đồng dập đầu lạy tạ, xin ban cho một người giúp việc. Thượng đế trỏ một viên trong ban sai theo đi giúp. Viên ấy cố từ. Ngài hẩy vào vai không cho từ. Lúc bừng tỉnh giấc thì sinh ra vua Thánh Tông, vết ngọc khuê ở trên trán hãy còn rõ rệt.

Khi đã lên ngôi đại bảo, vua tôn bà mẹ lên làm Hoàng thái hậu. Thường dò tìm người trong chiêm bao không gặp, lòng vẫn không vui. Khoảng đầu niên hiệu Thái Hòa, Tế Văn hầu Nguyễn Trãi phải tội, có người con gái bị bắt vào quan sung vào hàng gái nữ nhạc. Người con gái ấy tư sắc tuyệt đẹp, tuổi đã 17, 18 mà vẫn không biết nói.

Đến nay theo đồng bạn vào cung hầu yến, vì câm nên chỉ ngồi gõ phách. Khi vua bước lên ngự tọa, người con gái bỗng cầm phách

hát, tiếng vang lanh lảnh, phảng phất như khúc điệu Quân thiên. Vua lấy làm lạ hỏi, thì thấy người con gái nói năng đi đứng, giống hệt người ngọc nữ trên chỗ Thượng đế, bèn thu nạp vào hậu cung, sách lập làm Trường Lạc hoàng hậu.

Khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ tư, ngày truyền loa về kỳ thi đình, Trạng nguyên Lương Thế Vinh vào bái yết, hai vai hơi lệch không được bằng phẳng. Vua kinh dị, sai vào bái yết Hoàng thái hậu, Thái hậu nhớ lại mộng cũ thì thấy hình mạo Lương rất đúng. Hai cung đều rất vui vẻ. Vua bèn trao cho Lương làm chức Hàn lâm Thị độc, dự vào hàng 28 ngôi sao ở trên Tao Đàn. Những thơ văn xướng họa, có chép ở trong các tập Thiên Nam dư hạ và bức đồ Bình Nam chi chưởng.

Chùa Dục Khánh sau lầm ra là chùa Hoa Văn. Điện ở phía tả, thờ thần khám đức Quang Thục hoàng thái hậu. Khoảng năm Dương Đức đời Trung hưng, Tây cung hoàng thái hậu chữa lại chùa Khán Sơn, phía hữu chính điện thờ ngự dung đức Thần Tông Uyên hoàng đế. Hồi vạc đổi trở về sau, chùa Khán Sơn đổ nát, ngự dung thiên đến chùa Dục Khánh, nay ở gian hữu nếp tiền đường; có người lầm bảo là tượng đức Thánh Tông.

(Người con gái hát có câu: Hẹn nhau từ thủa Thiên đình, lòng nào nỡ phụ tâm tình thế ru?)

THƠ ĐỀ SAU

坐策興亡一愴然

Tọa sách hưng vong nhất thảng nhiên,

無窮人世奈何天

Vô cùng nhân thế nại hà thiên.

鄭黎自作離膏蟹

Trịnh Lê tự tác ly cao giải,

岳惠爭誇得腐鳶

Nhạc Huệ tranh khoa đắc hủ diên.

切齒烏南鵬郡劍

Thiết xỉ Ô nam Bằng quận Kiếm,

傷心燕北馬僮甎

Thương tâm Yên bắc mã đồng chuyên.

那堪讀竟桑滄傳

Na kham độc cánh Tang thương truyện,

此日還今又百年

Thử nhật hoàn kim hựu bách niên.

Tháng Trọng thu năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái[135]

Kẻ hậu học Phó bảng khoa Canh Thìn,
Quang Lộc tự Thiếu Khanh, Đồng Giang Phạm Văn Tâm

Bái đề

Dịch:

Nghĩ cuộc hưng vong luống ngậm ngùi,

Khôn đem thế sự hỏi ông giời.

Trịnh Lê cua để lìa mai cứng,

Nhạc Huệ diều khoe được miếng hôi.

Tím ruột quận Bằng gươm Huế sắc,

Đau lòng bồi ngựa gạch Yên tơi.

Tang thương truyện đọc buồn sao xiết,

Lại một trăm năm cách đấy rồi.

--- HẾT ---

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Sách đã xuất bản:

1. Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) - Nhất Tâm
2. Giai thoại và sấm ký Trạng Trình - Phạm Đan Quế
3. Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt - Ngô Tất Tố
4. Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất
5. Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất
6. Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa - Nguyễn Đắc Xuân
7. Bắc cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế - Nguyễn Đắc Xuân
8. Vua bà Triệu Ẩu - Nguyễn Tử Siêu
9. Ngô Vương Quyền - Trần Thanh Mại
10. Việt Nam anh kiệt - Phạm Minh Kiên
11. Bánh xe khứ quốc - Phan Trần Chúc

12. Việt Nam Lê Thái Tổ - Nguyễn Chánh Sắt

CHÚ THÍCH

1. Sách gốc ghi Phạm Đình Hổ mất năm 1840, nhưng chúng tôi theo Trần Văn Giáp, trong Lược truyện các tác gia Việt Nam (tập 1) thì Phạm Đình Hổ mất năm 1839. (BT)

2. Huyện này do phủ Bình Giang kiêm lý.

3. Vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò.

4. Ban Cố và Tư Mã Thiên là hai nhà làm sử đời Hán.

5. Bính Thân (1896).

6. Tiểu xuân là tháng Mười, thượng cán là thượng tuần.

7. Tiếng xưng cha mình đối với người khác. (BT) [Toàn bộ những chú thích có đề (BT) là của người biên tập]

8. Ông Nguyễn Hoàn.

9. Chưa rõ tên.

10. Ông trạng Vũ Duệ.

11. Đời nhà Chu bên Tàu, trong triều đặt ra hai chức Tả sử và Hữu sử; Tả sử chép việc vua làm, Hữu sử chép việc vua nói.

12. Câu này ở thiên Lễ vận trong Kinh Lễ.

13. Phần nhiều chuyện ghi rõ tên của một trong hai tác giả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những chuyện bỏ trống, vậy xin cứ để khuyết nghi.

14. Chợ này ở phía Tây Nam hồ Gươm bấy giờ.

15. Nơi vua tạm trú (BT).

16. Núi Thầy.

17. Quân tử chỉ nhà Nho chân chính.

18. Phủ Phụng Thiên bấy giờ lĩnh hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc vào trấn nào. Cũng như phủ Thừa Thiên ở Trung kỳ sau này thống hạt sáu huyện, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc tỉnh nào. Quảng Đức đến năm Gia Long thứ tư đổi là Vĩnh Thuận.

19. Nguyễn Công Hãng (1679-1732) người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngạn, trấn Kinh Bắc, làm tể tướng về triều các vua Dụ Tông và Vĩnh Khánh, rồi bị chúa Trịnh Giang biếm chức và bắt phải tự tử từ năm Long Đức nguyên niên (1732). Ở đây phải là Nguyễn Hoãn (1731-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu tiến sĩ năm 1743, đời Trịnh Sâm, làm đến chức Thái phó quốc lão phong tước Hoãn quận công chứ không phải Nguyễn Công Hãng.

20. Niên hiệu của vua Hy Tông (1680-1705).

21. Mỗi kỷ là 12 năm. Bấy giờ vua Hiển Tông trị vì năm thứ 46.

221. Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua. Vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ, nhà Lê mất. Tây Sơn lên, tức năm 1788.

23. Tức Trịnh Sâm (1767-1782)

24. Quảng hàn là cung trăng.

25. Quân thiên là khúc nhạc trên trời.

263. Khải nghĩa như tâu. (BT)

271. Thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

282. Phủ tức là nhà ở của những ông quan to. (BT)

293. Nghị việc quốc chính.

30. Năm này Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc diệt Trịnh (1786).

311. Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Văn Giai người làng Phù Lưu trong huyện này.

322. Con rể chúa. Chúa ở đây là Trịnh Tùng (1570-1623).

333. Phó mẫu là người giữ việc trông nom dạy bảo quận chúa lúc nhỏ.

34. Vì ông nghĩ cá không có đuôi, tức là không có hậu.

35. Chỗ này có hai dòng hình như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược.

36. Nay là làng Côi Tri. (BT)

37. Tục gọi khăn mào gà.

38. Lúc trước, bác nông phu còn đội cái khăn ma, nên không ai trông thấy; mất cái khăn, bác mới hiện chân hình.

39. Mũ phốc đầu tức là mũ cánh chuồn. Hai cánh nguyên xưa là hai cánh đai buộc ở đằng sau, sau mới làm bằng sắt để giương ra như vậy.

40. 1709-1729. (BT)

41. Thuộc Lạng Sơn.

421. Hặc cũng như bắt bẻ. (BT)

432. Chỉ nhà Thanh. (BT)

443. Tương truyền, nước giếng ở thành Cổ Loa mà đem rửa ngọc thì viên ngọc sáng ngời. (BT)

451. Áo có miếng thêu đính vào đằng trước và đằng sau, gọi là bổ phục. Dùng các hình thêu chim muông để chia định văn võ và cao thấp.

46. Đời Lê, giấy tờ của các quan đệ lên chúa Trịnh gọi là tờ khải; nói với chúa cũng gọi là khải.

47. Ông tổ năm đời Trung Liệt công là người nước ta, theo quân Minh sang Trung Hoa, nối đời ở lại thành Ứng Sơn (Hồ Bắc). Trung Liệt công tên là Liễn, đỗ tiến sĩ nhà Minh, làm quan đến Tả đô ngự sử, vì hặc Ngụy Trung Hiền mà bị hại. Sau được truy phong và lập đền thờ. Nhà cũ hãy còn. Khi ông Công Hãng đi sứ, con cháu có đem những đạo sớ cũ ra cho xem.

48. Xem chữ viết, đếm nét mà bói. (BT)

49. Cấp lưu là dòng nước chảy xiết; dũng thoái là mạnh dạn rút

lui. Ý nói làm quan đương lúc đắc ý nên cáo về.

50. Chữ cảnh trên có chữ nhật là mặt trời, dưới có chữ kinh là kinh đô.

51. Chú sinh là việc sinh tử. (BT)

52. Một kỷ là mười hai năm.

53. Nhà riêng. (BT)

54. Tức Trịnh Sâm (1767-1782). (BT)

55. Tình hình gần đây. (BT)

56. Là đất của chúa Nguyễn thời kỳ đó, nay là Quảng Nam và Thừa Thiên.

57. Tức sông Gianh. (BT)

58. Chàng Năm ở trong chuyện này là ông Đào Duy Từ.

59. Tiềm để: Ngôi nhà của vị vua lúc chưa lên làm vua. (BT)

60. Chuyện Ngư phủ vào Đào nguyên.

61. Tục gọi làng Gia, thuộc huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội bây giờ.

62. Thông là làng Đoàn Tùng. Thượng Thông trỏ ông Đỗ Uông, Thượng Nhữ trỏ ông Nhữ Công Tòng.

63. Đông Luân là làng ông Bùi Thế Vinh.

64. Thuộc Sơn Tây, Hà Nội.

65. Bích Cơ là tên một người đàn bà. Chưa rõ việc này là việc gì.

66. Hồi lang: hành lang uốn khúc. (BT)

67. Nơi được người ta thờ cúng đời đời. (BT)

68. Phù lục: Bùa phép, bùa chú. (BT)

69. Tinh biểu: ban khen, khen ngợi. (BT)

70. Tỉnh nguyên là đỗ đầu tỉnh. (BT)

71. Nghĩa là: Soi gương vẽ mày, một nét hóa thành hai nét. Song chữ điểm ở đấy là tên bà Điểm, thành ra nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm.

72. Nghĩa là: Kề ao ngắm nguyệt, một vầng hóa thành hai vầng. Song chữ luân ở đấy lại là tên ông Luân, thành ra nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân.

73. Tức ngày giỗ. (BT)

74. Tức Hà Nội ngày nay. (BT)

75. Bà này không phải sinh mẫu vua Thái Tông, nhưng có công nuôi dạy, nên vua cũng coi như mẹ.

76. Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, hay vào ẩn náu ở núi Mang Đường; sách nói là khi ấy, thường có đám mây ngũ sắc che ở trên.

77. Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy Thủy, nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn.

78. Khi vua Quang Võ hết lương ở sông Hô Đà, có Phùng Dị dâng cơm chiêm để vua xơi, lại khi vua bị đói ở Vu Lân đình, Phùng Dị dâng cháo đậu.

79. Tôn kính sau khi đã chết. (BT)

80. Chỉ cõi âm phủ. (BT)

81. Tức Lê Trãi

82. Công lao to lớn. (BT)

83. Đời xưa, cúng tế thường tết chó cỏ, nặn rồng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ rồng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẻ bỏ.

843. Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. (BT)

85. Nghệ An. (BT)

86. Tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm túc. (BT)

87. Giường nghĩa là mối (tức quân, sư, phụ). (BT)

882. Đào Khản là một vị danh tướng đời Tấn (265-420) ở Trung Quốc.

89. Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện Mạnh Khương nữ. Nàng Mạnh Khương đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường Thành, chuyện có từ đời Đường.

90. Tức tháng Sáu. (BT)

91. Tháng chạp. (BT)

92. Chữ sẵn trong Kinh dịch. (BT)

93. Một danh mục về khoa cử, suýt soát với tú tài.

94. Lấy tên làng gọi thay tên người tức ông Nguyễn Công Phong. (BT)

952. Công dư tiệp ký là sách của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ, làm quan đến Đông các học sĩ. (BT)

96. Dài dòng, nhiều lời. (BT)

97. Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế. (BT)

98. Gần Rú Thành (Nghệ An).

99. Huyết thực là được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực.

100. Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm.

101. Có bản viết Quỷ miếu nham yêu sơn bất cải, nghĩa là miếu ma ở trên núi không thay đổi.

102. Trong sách này, có hai chuyện về Nguyễn Văn Giai, chắc do hai tác giả viết về một người.

103. Khấu Chuẩn là người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng đời Tống Chân Tông. Giặc Khiết Đan vào cướp, Tham tri chính sự là Vương Khâm Nhược khuyên vua chạy xuống Kim Lăng, nhưng Khấu Chuẩn khuyên vua lên bắc thân chinh cho vững lòng quân sĩ. Sau đó, vua Tống đánh lui được quân Khiết Đan, cùng nghị hòa ở Thiền Uyên, đất nước được yên ổn. Nhưng vua Tống lấy việc nghị hòa ấy làm xấu hổ, lại nhân Vương Khâm Nhược vốn thù ghét Khấu Chuẩn, hết sức đặt lời gièm pha, vì thế Khấu Chuẩn bị

bãi chức Tể tướng lên trấn thủ miền Bắc. Khi sai ông đi, vua có nói: "Then khóa cửa bắc (bắc môn tỏa thước) phi Khấu Chuẩn không xong". Đóng cửa bó tay chỉ việc Khâm Nhược giữ Thiền Uyên gặp quân giặc đến. Đàn tế trên đỉnh Thái Sơn là việc phong thiện do Khâm Nhược bày ra cho vua Chân Tông.

104. Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741).

105. Nguyễn Hữu Cầu tục gọi là Quận He, người Hải Dương, tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, hoạt động ở vùng Đồ Sơn, Vân Đồn, từng đem quân đánh thành Kinh Bắc. Mất năm Tân Mùi (1751).

106. Phạm Đình Trọng có mộ người tỉnh Hải Dương làm một đạo quân riêng. Đỗ Thế Giai lấy chuyện ấy nói gièm với Trịnh Doanh, vì thế mà hai người hiềm khích.

107. Bảy khiếu là mắt, tai, mũi và miệng. (BT)

108. Lễ đối với một vị thái tử sắp được nối ngôi vua.

109. Nghĩa là niên hiệu Chính Lịch thứ hai tạo ra. Nhưng ở nước ta không có niên hiệu ấy. Chỉ có ở bên Tàu, về đời nhà Đường, Tung Lân là vua nước Bột Hải ở miền đông bắc nước Tàu, và ở bên Nhật đời Cao Thương Viên Thiên hoàng xưng niên hiệu này. Không hiểu cái khánh ấy từ đâu mà lại có niên hiệu như thế? Hay là hai chữ Chính Lịch, sách chép lầm chăng? Hiện giờ ở chùa Thiên Mụ có cái khánh, nhưng không đúng như cái khánh chép ở đây.

110. Uy Vương tức Trịnh Giang (1729-1740). (BT)

1111. Nghĩa là tám cảnh ở miền sông Tiêu Tương nước Tàu, do Tống Địch đời Tống vẽ.

112. Sông Tiêu Tương thuộc về đất Sở đời xưa. Khách Sở chỉ Khuất Nguyên. Ông là người tôi trung bị gièm rồi bị đuổi, phẫn uất tự trầm ở sông Mịch La. Trong khúc Ly tao của ông có câu: "Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề, vị u lan kỳ bất bội". Có ý than thở kẻ dở thì được tiến dụng mà người hay thì bị ghét bỏ.

113. Nga Hoàng, Nữ Anh là hai vợ vua Ngu Thuấn. Tục truyền vua Thuấn băng ở đất Thương Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vẩy vào những khóm

trúc thành ra vằn ngấn. Từ đấy vùng này riêng sinh ra một giống trúc có vằn.

114. Trong bài Ngư phủ từ của Khuất Nguyên, có nói khi ông bị đuổi, chơi ở bến sông, gặp lão phường chài, cùng nhau nói chuyện. Sau đó lão phường chài vừa chở thuyền đi vừa hát: "Nước sông Thương Lương trong chừ, để rửa dải mũ ta. Nước sông Thương Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta".

115. Vua Tống Thái Tổ đêm tuyết đến nhà Tể tướng Triệu Phổ, gõ cửa vào chơi, hỏi ý kiến về việc nên đánh Bắc Hán hay không.

116. Có thể tạm hiểu 2 câu này như sau: "Cửa ngoài gõ mấy tiếng, ngón tay truyền báo tờ chiếu chỉ không lời; Quy mơ rộng một trời, cổ họng thông tới nơi quan hà chưa đến". Ý nói vua vào nhà tể tướng để bàn việc Bắc Hán (theo Trương Chính).

117. Đêm hôm ấy Tống Tổ cùng Triệu Phổ uống rượu, bàn tính việc nước; non sông ngủ ngày bên cạnh trỏ nước Bắc Hán.

118. Trong Kinh Thư gọi ông Nghiêu là Phóng Huân, gọi ông Thuấn là Trùng Hoa. Hai câu này nói đức của thánh Khổng, như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác Nghiêu Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi; như giời đất, nhưng giời đất, mà giời im lặng không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi nhời để dạy bảo thiên hạ.

119. Vua A Dục là vua nước Ấn Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là Du Du Già, nghĩa là không lo lắng gì cả. Sau khi Phật Thích Già tịch diệt được một trăm năm (266 trước Tây lịch), vua lên trị vì xứ Trung Ấn Độ. Khi trước theo đạo Bà La Môn, làm nhiều sự tàn bạo, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi thờ đạo Phật thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Mất trước Tây lịch 3 năm.

120. Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách nghĩa là gió lặng rất nhiều không có bờ bến nào. Đây ông Cảo viết hai chữ 虫二, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ 風月, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ phong nguyệt vô biên.

121. Bốn công trình lớn là tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền và tháp Báo Thiên.

122. Kỷ thực: Ghi chép sự thực. (BT)

123. Họ Nguyễn cũ tức là chúa Nguyễn ở phương Nam, tiên tổ của bản triều, gọi thế để phân biệt với họ Nguyễn mới là nhà Tây Sơn.

124. Bá Di, Thúc Tề là người đời nhà Ân, nối đời chịu tước phong của nhà Ân. Nhà Ân mất, nhà Chu lên, hai ông lên ẩn ở trên đỉnh núi Thủ Dương, ăn rau trừ bữa rồi chết đói chứ không chịu xuống ăn thóc nhà Chu.

125. Triệu Phổ, Vương Chất là hai vị đại thần nhà Hậu Chu. Tống Thái Tổ chiếm ngôi nhà Hậu Chu, hai người trước còn trù trừ, sau cũng sụp lạy ở dưới thềm rồi nhận quan chức.

126. Ông Cơ Tử là bầy tôi nhà Ân, sau khi mất nước về thăm cố đô, trông thấy những dinh tòa cũ thành ra cánh đồng lúa, buồn rầu cảm động, có làm bài ca Mạch tú.

127. Ông Văn Thiên Tường đời Tống, sau khi nước mất bị bắt giải lên miền bắc, lúc đi qua bể Linh Đinh, ông làm bài thơ trong có câu: 零丁洋裡嘆零丁 Linh đinh dương lý thán linh đinh, nghĩa là trong bể Linh Đinh than nỗi mình linh đinh.

128. Nghĩa là vua tôi chân chính gặp gỡ nhau, nói Lưu Bị và Gia Cát Lượng.

129. Hai vế đối nhau gọi là một liên.

130. Bắt trói.

131. Ôn Kiện đời Tấn qua hòn Ngưu Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà, đêm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán.

132. Nghĩa là cởi.

133. Chỗ này nói thành lệ thế nào, dịch giả chưa hiểu. Theo sử và sách ngoài thì khoa này (Vĩnh Tộ, Quý Hợi - 1623) vì việc giả mạo ấy tiết lộ ra, triều đình bãi kỳ thi đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh quy, không được yết tên lên bảng vàng.

134. Đền Voi Phục ở Thủ Lệ, Hà Nội bây giờ.

135. Tức năm 1896.